

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



ĐỀ TÀI:

**PHÂN TÍCH THIẾT KẾ
WEBSITE CHO CỬA HÀNG
THỜI TRANG**



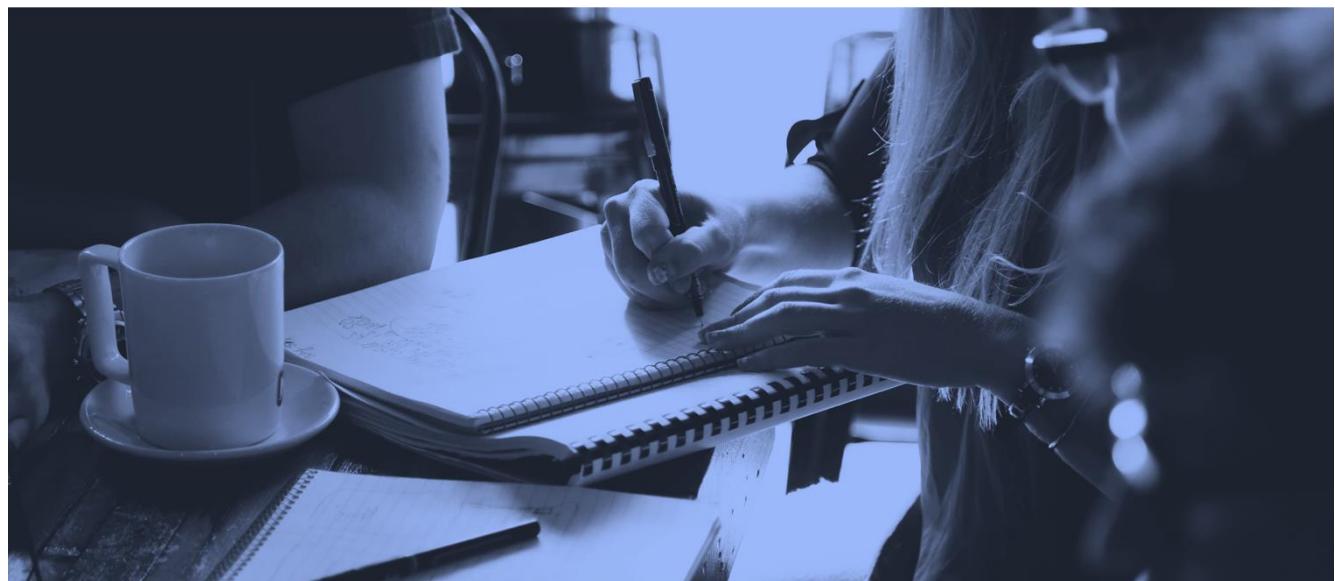
**Giảng viên hướng dẫn
ThS.NGUYỄN HOÀNG PHONG**

**Nhóm thực hiện
07**

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

NHÓM 07

QUÁCH TRUNG NGUYÊN	3119410278
ĐẶNG THỊ NGỌC NGÂN	3119410263
NGUYỄN THỊ YẾN NHI	3119410288
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	3119410291
NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ'	3119410293
UNG NHO THẠCH	3119410379



LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay với sự phát triển của nền kinh tế, đời sống của người dân ngày càng nâng cao, nhu cầu mua bán của người dân ngày càng nhiều. Sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp, cửa hàng ngày càng trở nên gay gắt. Với mục đích đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cung cấp dịch vụ nhằm phát triển kinh doanh, hình thức bán hàng trực tuyến trở nên phát triển, thu hút lượng khách lớn, phạm vi phục vụ rộng rãi, hình thức quảng cáo đơn giản, tiện sử dụng, dễ dàng cập nhật thông tin, và có thể đáp ứng nhu cầu khách hàng vào bất cứ thời gian truy cập nào. Ngày nay mạng lưới Internet được phát triển rộng rãi trên Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, người dân đã tiếp cận với thông tin thông qua các trang web trực tuyến. Chính vì những lí do trên chúng em đã thiết kế **“Website bán hàng thời trang”** trên mạng lưới Internet làm cho việc mua sắm trở nên đơn giản, tiết kiệm thời gian của người mua hàng. Qua đó có thể giúp chúng em tìm hiểu được một website bán hàng cần gì, nhu cầu của mọi người khi tìm kiếm hàng hóa trực tuyến.

LỜI CẢM ƠN

Chúng em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến tập thể quý Thầy Cô trong khoa Công nghệ thông tin **Trường Đại Học Sài Gòn** đã giúp cho chúng em có những kiến thức cơ bản làm nền tảng để thực hiện đề tài này. Đặc biệt, chúng em xin gửi lời cảm ơn và lòng biết ơn sâu sắc nhất tới thầy **Nguyễn Hoàng Phong**, giảng viên môn *Phân tích thiết kế hướng đối tượng*. Thầy đã trực tiếp hướng dẫn tận tình, sửa chữa và đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp nhóm chúng em hoàn thành tốt báo cáo môn học của mình.

Trong thời gian một học kỳ thực hiện đề tài, nhóm chúng em đã vận dụng những kiến thức nền tảng đã được tích lũy đồng thời kết hợp với việc học hỏi và nghiên cứu những kiến thức mới. Từ đó nhóm đã vận dụng tối đa những gì đã thu thập được để hoàn tất một báo cáo đồ án tốt nhất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhóm chúng em không tránh khỏi những thiếu sót. Chính vì vậy, nhóm chúng em rất mong muôn nhận được những sự góp ý từ phía Thầy, nhằm hoàn thiện những kiến thức để nhóm chúng em có thể học tập thêm và đó cũng là hành trang tốt nhất để chúng em thực hiện tiếp các đề tài khác trong tương lai. Nhóm chúng em xin chân thành cảm ơn các quý Thầy!

Nhóm sinh viên thực hiện: 07

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN

TPHCM, ngày 16 tháng 12 năm 2021

Giáo viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Hoàng Phong

MỤC LỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN	1
LỜI MỞ ĐẦU	2
LỜI CẢM ƠN	3
NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN	4
MỤC LỤC	5
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI	12
I. GIỚI THIỆU CHUNG	12
II. MỤC TIÊU	12
2.1. Đối với cửa hàng	12
2.1.1. Đối với người quản lý	12
2.1.2. Đối với nhân viên bán hàng	13
2.1.3. Đối với nhân viên nhập hàng	13
2.1.4. Đối với nhân viên giao hàng	13
2.2. Đối với khách hàng thành viên	13
2.3. Đối với khách hàng ngoại lai	13
III. Ý NGHĨA	14
IV. PHẠM VI	14
4.1. Về dữ liệu	14
4.2. Về giao diện	14
4.3. Về khách hàng	14
4.4. Về mạng	15
4.5. Về xử lý	15
CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG	16

MỤC LỤC

I.	TỔNG QUAN VỀ CỬA HÀNG.....	16
II.	HIỆN TRẠNG TỐ CHỨC	16
2.1.	Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.....	17
2.1.1.	<i>Quản lý cửa hàng</i>	17
2.1.2.	<i>Nhân viên bán hàng</i>	17
2.1.3.	<i>Nhân viên nhập hàng</i>	18
2.1.4.	<i>Nhân viên giao hàng</i>	18
2.2.	Bảng mô tả nghiệp vụ	18
III.	SƠ ĐỒ WEBSITE DỰ KIẾN	18
3.1.	Sơ đồ website dành cho quản lý cửa hàng.....	18
3.2.	Sơ đồ website dành cho khách hàng thành viên	20
3.3.	Sơ đồ website dành cho khách hàng ngoại lai.....	21
3.4.	Sơ đồ website dành cho nhân viên bán hàng.....	21
3.5.	Sơ đồ website dành cho nhân viên nhập hàng	22
3.6.	Sơ đồ website dành cho nhân viên giao hàng	23
IV.	YÊU CẦU PHI CHỨC NĂNG.....	23
V.	XÁC ĐỊNH YÊU CẦU.....	24
5.1.	Xác định vấn đề.....	24
5.1.1.	<i>Yêu cầu của quản lý cửa hàng</i>	25
5.1.2.	<i>Yêu cầu của bộ phận nhập liệu</i>	25
5.1.3.	<i>Yêu cầu của bộ phận giao hàng</i>	25
5.2.	Yêu cầu website.....	25
5.2.1.	<i>Các yêu cầu cơ bản</i>	25
5.2.2.	<i>Yêu cầu chức năng hệ thống</i>	26

MỤC LỤC

5.2.2.1. Quản lý cửa hàng	26
5.2.2.2. Khách hàng thành viên	26
5.2.2.3. Khách hàng ngoại lai	27

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG..... 28

I. YÊU CẦU HỆ THỐNG	28
1.1. Đối với khách hàng ngoại lai.....	28
1.2. Đối với khách hàng thành viên	28
1.3. Đối với nhân viên bán hàng	28
1.4. Đối với nhân viên nhập hàng.....	29
1.5. Đối với nhân viên giao hàng.....	29
1.6. Đối với quản lý cửa hàng.....	29
II. BIỂU ĐỒ USE CASE.....30	30
2.1. Biểu đồ use case tổng quát	30
2.2. Biểu đồ phân rã use case đăng nhập.....	31
2.3. Biểu đồ phân rã use case đăng ký tài khoản	32
2.4. Biểu đồ phân rã use case tìm kiếm sản phẩm	32
2.5. Biểu đồ phân rã use case quản lý giỏ hàng.....	33
2.6. Biểu đồ phân rã use case quản lý tài khoản cá nhân.....	33
2.7. Biểu đồ phân rã use case quản lý đơn đặt hàng.....	34
2.8. Biểu đồ phân rã use case đặt hàng	35
2.9. Biểu đồ phân rã use case mua hàng	36
2.10. Biểu đồ phân rã use case thay đổi mật khẩu.....	36
2.11. Biểu đồ phân rã use case quản lý nhân viên	37
2.12. Biểu đồ phân rã use case quản lý sản phẩm.....	37
2.13. Biểu đồ phân rã use case quản lý danh mục	38

MỤC LỤC

2.14. Biểu đồ phân rã use case quản lý xưởng cung cấp	38
2.15. Biểu đồ phân rã use case quản lý khuyến mãi	39
2.16. Biểu đồ phân rã use case quản lý tài khoản khách hàng thành viên	39
2.17. Biểu đồ phân rã use case thống kê báo cáo	40
2.18. Biểu đồ phân rã use case quản lý đơn hàng	40
2.19. Biểu đồ phân rã use case chăm sóc khách hàng	41
2.20. Biểu đồ phân rã use case quản lý nhập hàng	41
2.21. Biểu đồ phân rã use case quản lý giao hàng.....	42
III. ĐẶC TẢ USE CASE	43
3.1. Đặc tả use case quản lý nhân viên	43
3.2. Đặc tả use case quản lý sản phẩm	44
3.3. Đặc tả use case quản lý danh mục.....	46
3.4. Đặc tả use case quản lý xưởng cung cấp.....	47
3.5. Đặc tả use case quản lý tài khoản khách hàng thành viên.....	49
3.6. Đặc tả use case quản lý đơn hàng.....	51
3.7. Đặc tả use case quản lý nhập hàng.....	52
3.8. Đặc tả use case quản lý giao hàng	54
3.9. Đặc tả use case quản lý giỏ hàng	55
3.10. Đặc tả use case quản lý tài khoản cá nhân	56
3.11. Đặc tả use case quản lý đơn đặt hàng.....	58
3.12. Đặc tả use case xem sản phẩm.....	59
3.13. Đặc tả use case tìm kiếm sản phẩm.....	60
3.14. Đặc tả use case đăng ký tài khoản.....	61
3.15. Đặc tả use case mua hàng	62
3.16. Đặc tả use case thay đổi mật khẩu	63
3.17. Đặc tả use case đặt hàng	64

MỤC LỤC

3.18. Đặc tả use case thanh toán.....	65
3.19. Đặc tả use case thống kê doanh thu	66

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG

VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU	68
I. BIỂU ĐỒ LỚP	68
II. BIỂU ĐỒ TRÌNH TỰ	69
2.1. Thêm nhân viên	69
2.2. Xóa nhân viên	69
2.3. Sửa nhân viên.....	70
2.4. Chặn tài khoản khách hàng	70
2.5. Bỏ chặn tài khoản khách hàng	71
2.6. Thống kê doanh thu.....	71
2.7. Xử lý đơn hàng.....	72
2.8. Thu hồi đơn hàng.....	72
2.9. Tìm kiếm phiếu nhập	73
2.10. Mua hàng.....	74
2.11. Đặt hàng	75
III. BIỂU ĐỒ CỘNG TÁC.....	76
3.1. Thêm nhân viên.....	76
3.2. Xóa nhân viên.....	77
3.3. Sửa nhân viên.....	78
3.4. Chặn tài khoản khách hàng	79
3.5. Bỏ chặn tài khoản khách hàng	80
3.6. Thống kê doanh thu.....	81
3.7. Đặt hàng.....	82

MỤC LỤC

IV. BIỂU ĐỒ TRẠNG THÁI	83
4.1. Biểu đồ trạng thái đơn đặt hàng.....	83
4.2. Biểu đồ trạng thái tài khoản	83
4.3. Biểu đồ trạng thái sản phẩm.....	84
V. BIỂU ĐỒ HOẠT ĐỘNG	84
5.1. Biểu đồ hoạt động đặt hàng	84
5.2. Biểu đồ hoạt động thống kê.....	85
5.3. Biểu đồ hoạt động nhập hàng	86
VI. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU	86
6.1. Danh sách các bảng	86
6.2. Cấu trúc bảng.....	87
6.2.1. <i>Bảng san_pham</i>	87
6.2.2. <i>Bảng chi_tiet_san_pham</i>	87
6.2.3. <i>Bảng nhan_vien</i>	87
6.2.4. <i>Bảng donhang</i>	88
6.2.5. <i>Bảng chi_tiet_donhang</i>	88
6.2.6. <i>Bảng khachhang</i>	88
6.2.7. <i>Bảng danhmuc</i>	88
6.2.8. <i>Bảng xuongcungcap</i>	89
6.2.9. <i>Bảng phieu_nhap</i>	89
6.2.10. <i>Bảng chi_tiet_phieu_nhap</i>	89
6.2.11. <i>Bảng phan_quyen</i>	89
6.2.12. <i>Bảng chuc_vu</i>	90
VII. THIẾT KẾ GIAO DIỆN.....	91
7.1.Giao diện trang chủ	91
7.2. Giao diện đăng nhập.....	91
7.3. Giao diện quản lý giỏ hàng	92

MỤC LỤC

7.4. Giao diện thanh toán	93
7.5. Giao diện đơn hàng.....	93
7.6. Giao diện chi tiết đơn hàng.....	94
7.7. Giao diện quản lý sản phẩm	95
7.8. Giao diện chi tiết sản phẩm.....	95
CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	96
I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	96
II. KHÓ KHĂN GẶP PHẢI	97
III. HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG TRONG TƯƠNG LAI	97
CHƯƠNG 6: TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

I. GIỚI THIỆU CHUNG

✓ Để cửa hàng thời trang phát triển việc kinh doanh thì chiến lược thương mại điện tử là một sự lựa chọn tuyệt vời. Khi khách hàng muốn tìm kiếm có thể tìm thấy dễ dàng được những mẫu vừa ý nhất, mà việc trưng bày tại các cửa hàng không làm được. Cửa hàng vừa có thể giới thiệu được chi tiết sản phẩm: về mẫu mã, về chất lượng, giá thành, xuất xứ. Đối với khách hàng, khi mua hàng trực tuyến có thể tìm kiếm những sản phẩm với giá thành mà mình mong muốn, việc mua hàng trở nên thuận tiện và dễ dàng hơn bao giờ hết.

✓ Nắm bắt được các nhu cầu của cả cửa hàng và khách hàng, nhóm chúng em đã xây dựng và phát triển nên “**Website cho cửa hàng thời trang**”. Website giúp cho cửa hàng đem lại nhiều lợi ích, tăng sức cạnh tranh, khách hàng có thể mua hàng, chọn sản phẩm một cách nhanh chóng. Và đây cũng là chiến lược phát triển kinh doanh của cửa hàng.

II. MỤC TIÊU

2.1. Đối với cửa hàng

Mục tiêu của đề tài dựa trên những kiến thức đã học như **MySQL, PHP, CSS** và phương pháp thiết kế giao diện để hỗ trợ cho việc thiết kế website cửa hàng thời trang, các đối tượng hỗ trợ trong **website** như: cửa hàng, khách hàng thân thiết và khách hàng ngoại lai.

2.1.1. Đối với người quản lý

- ✓ *Quản lý nhân viên*: chủ cửa hàng có thể thêm, sửa, xóa thông tin nhân viên khi có thay đổi về nhân sự.
- ✓ *Quản lý danh mục sản phẩm và sản phẩm*: cho phép tạo/thay đổi/xóa thông tin sản phẩm cũng như danh mục sản phẩm.
- ✓ *Quản lý tài khoản khách hàng thành viên*: cho phép xem thông tin khách hàng và thay đổi trạng thái tài khoản khách hàng.

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

- ✓ *Thông kê báo cáo*: thực hiện thống kê thu chi trong việc kinh doanh của cửa hàng theo tháng/quý/năm.

2.1.2. Đối với nhân viên bán hàng

- ✓ *Quản lý đơn hàng*: nhân viên có thể xem, tìm kiếm, xử lý trạng thái đơn hàng và thu hồi đơn hàng.
- ✓ *Chăm sóc khách hàng*: hỗ trợ và trao đổi với khách hàng.

2.1.3. Đối với nhân viên nhập hàng

- ✓ *Quản lý phiếu nhập*: cho phép xem, tìm kiếm, tạo phiếu nhập.

2.1.4. Đối với nhân viên giao hàng

- ✓ *Quản lý giao hàng*: cho phép xem, tìm kiếm, cập nhật trạng thái đơn hàng.

2.2. Đối với khách hàng thành viên

Sử dụng tất cả các chức năng của khách và thêm một số chức năng sau:

- ✓ *Quản lý tài khoản cá nhân như*: Đổi mật khẩu, lấy lại mật khẩu, xóa tài khoản...
- ✓ Thành viên có thể thực hiện chức năng: đặt mua sản phẩm đã chọn, chức năng thanh toán, chức năng quản lý gio hàng.
- ✓ *Một số chức năng như*: đăng nhập, đăng xuất, góp ý, đánh giá, ...

2.3. Đối với khách hàng ngoại lai

- ✓ Có khả năng xem sản phẩm cũng như tìm kiếm sản phẩm
- ✓ Có thể đăng ký tạo tài khoản để mua hàng trên hệ thống.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

III. Ý NGHĨA

Đề tài “**Xây dựng website bán hàng thời trang**”. Với đề tài này giúp nhóm hiểu rõ hơn về cách thức xây dựng một ứng dụng thương mại điện tử.

Việc ứng dụng thương mại điện tử đem lại nhiều lợi ích cho cửa hàng, tăng độ phổ biến của sản phẩm một cách đáng kể, hơn nữa có thể giúp cửa hàng tiếp cận với nhiều đối tượng khách hàng qua đó lựa chọn được khách hàng tiềm năng. Ngoài ra, việc xây dựng một hệ thống bán hàng trực tuyến sẽ hỗ trợ cho việc quản lý cửa hàng và mặt hàng một cách thuận tiện và hiệu quả nhất.

Đối với khách hàng, tăng khả năng tiếp cận sản phẩm, nắm bắt kịp thời xu hướng thời trang và những mẫu tiềm năng nhất của cửa hàng. Mua hàng trực tuyến giúp khách hàng tiết kiệm tối đa thời gian, việc mua hàng trở nên dễ dàng và nhanh chóng.

IV. PHẠM VI

4.1. Về dữ liệu

- ✓ Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL
- ✓ Dữ liệu sản phẩm được cập nhật trực tuyến
- ✓ Tự động cập nhật dữ liệu khách hàng đăng ký đơn hàng và giỏ hàng.

4.2. Về giao diện

- ✓ Có tính thẩm mỹ, trực quan, sinh động, dễ thao tác.
- ✓ Hệ thống không cho phép thay đổi cấu hình giao diện.

4.3. Về khách hàng

- ✓ Hệ thống lưu trữ một số thông tin cần thiết của khách hàng khi thực hiện mua lần đầu, giúp đỡ khách hàng thay đổi sự lựa chọn của mình như thông tin cá nhân, thông tin

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

đơn đặt hàng. Nếu như đã là thành viên thì lần sau khi vào mua hàng khách hàng chỉ cần đăng nhập vào hệ thống.

- ✓ Khách hàng thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc thanh toán Online.

4.4. Về mạng

- ✓ Hệ thống hoạt động trên mạng toàn cục.

4.5. Về xử lý

- ✓ Chỉ xử lý chức năng chính, không chú trọng xử lý tốc độ web.
- ✓ Chỉ cho phép đặt hàng, không tập trung thanh toán trên web.
- ✓ Chỉ tập trung kinh doanh, không thực hiện quá nhiều chức năng quản lý nhân viên.
- ✓ Cho phép cập nhật các thông tin, danh sách các dữ liệu hiện có như danh sách sản phẩm, danh sách nhân viên, danh sách nhà cung cấp, ...
- ✓ Khả năng tìm kiếm theo nhiều tiêu chí.

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

I. TỔNG QUAN VỀ CỬA HÀNG

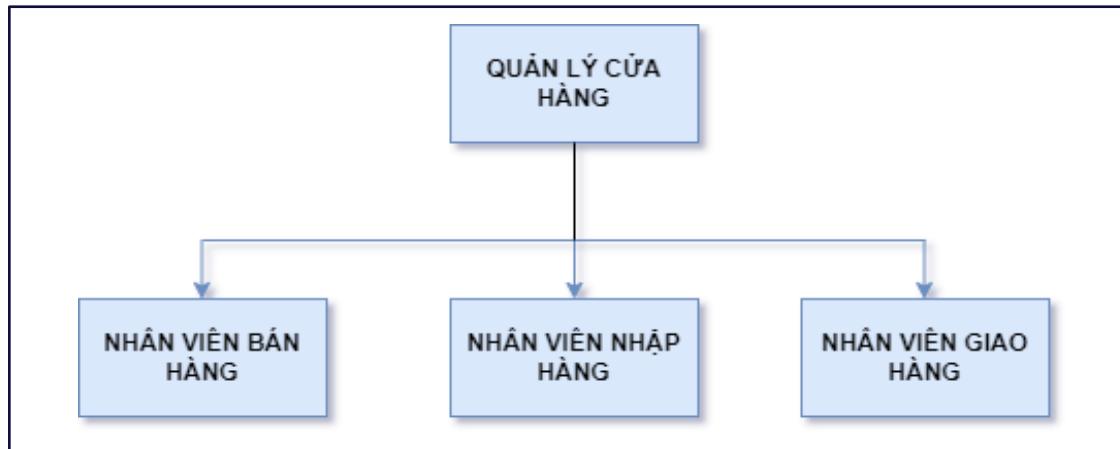
Đây là cửa hàng chuyên kinh doanh các mặt hàng thời trang nam/nữ như quần jeans, áo thun, áo sơ mi, váy, đầm, ... tại thị trường trong nước và mong ước tiến ra thị trường ngoài nước trong tương lai gần. Cửa hàng đang cố gắng mở rộng chuỗi cửa hàng trên quy mô toàn quốc để đáp ứng nhu cầu của khách hàng về xu hướng thời trang thịnh hành nhất, luôn luôn cập nhật những sản phẩm mới nhất một cách kịp thời và nhanh chóng.

Tuy cửa hàng chỉ thành lập cách đây vài năm nhưng cũng chứng minh được vị thế và thể hiện màu sắc riêng của mình. Hiện nay, cửa hàng kinh doanh theo hình thức mua bán truyền thống (offline) điều này gây nên một số khó khăn cho cửa hàng như khó khăn tìm kiếm khách hàng tiềm năng, giảm sức cạnh tranh của cửa hàng, việc kinh doanh trở nên khó khăn hơn.

Hiểu được vấn đề đó, cùng với sự phát triển của thương mại điện tử ngày nay, cửa hàng đã xem xét và cửa hàng đã xem xét và nghĩ đến việc triển khai một trang web để mua bán cũng như giới thiệu sản phẩm của cửa hàng đến với mọi khách hàng. Như vậy, những sản phẩm của cửa hàng có thể tiếp cận được khách hàng dù ở bất kỳ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam. Điều này giúp cho cửa hàng mở rộng thị trường mua bán, nâng cao doanh thu đồng thời tăng sức cạnh tranh với các cửa hàng khác trên thị trường.

II. HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG



Hình 2.1 Mô hình cơ cấu tổ chức của cửa hàng

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

2.1.1. Quản lý cửa hàng

- Quản lý hoạt động của cửa hàng, điều hành hoạt động kinh doanh của cửa hàng.
- Nhận thông báo từ cấp dưới như: nhân viên bán hàng, nhân viên nhập hàng, ... từ đó nắm bắt tình hình của cửa hàng.
- Nhận thông báo các ý kiến phản hồi của khách hàng hoặc những vấn đề đang xảy ra của cửa hàng.

2.1.2. Nhân viên bán hàng

- Trưng bày sản phẩm
- Lập hóa đơn bán hàng
- Xuất hóa đơn bán hàng
- Nhân viên luôn luôn giải quyết kịp thời những yêu cầu của khách hàng về sản phẩm.
- Nhân viên luôn luôn có mặt tại quầy thanh toán để lập hóa đơn, giúp khách hàng làm thủ tục thanh toán khi quyết định mua hàng.

- Nhân viên có nhiệm vụ bảo quản hàng hóa: luôn luôn kiểm tra sản phẩm, giữ gìn vệ sinh cho khu vực bán hàng và sản phẩm, báo cáo trình trạng sản phẩm nếu xảy ra hư hỏng hoặc mất mát.

2.1.3. Nhân viên nhập hàng

- Nhập hàng
- Kiểm tra đơn nhập hàng
- Báo cáo những vấn đề xảy ra trong đơn nhập hàng.

2.1.4. Nhân viên giao hàng

- Giao hàng cho khách hàng
- Nhận và kiểm tra đơn hàng
- Cập nhật trạng thái đơn hàng

2.2. Bảng mô tả nghiệp vụ

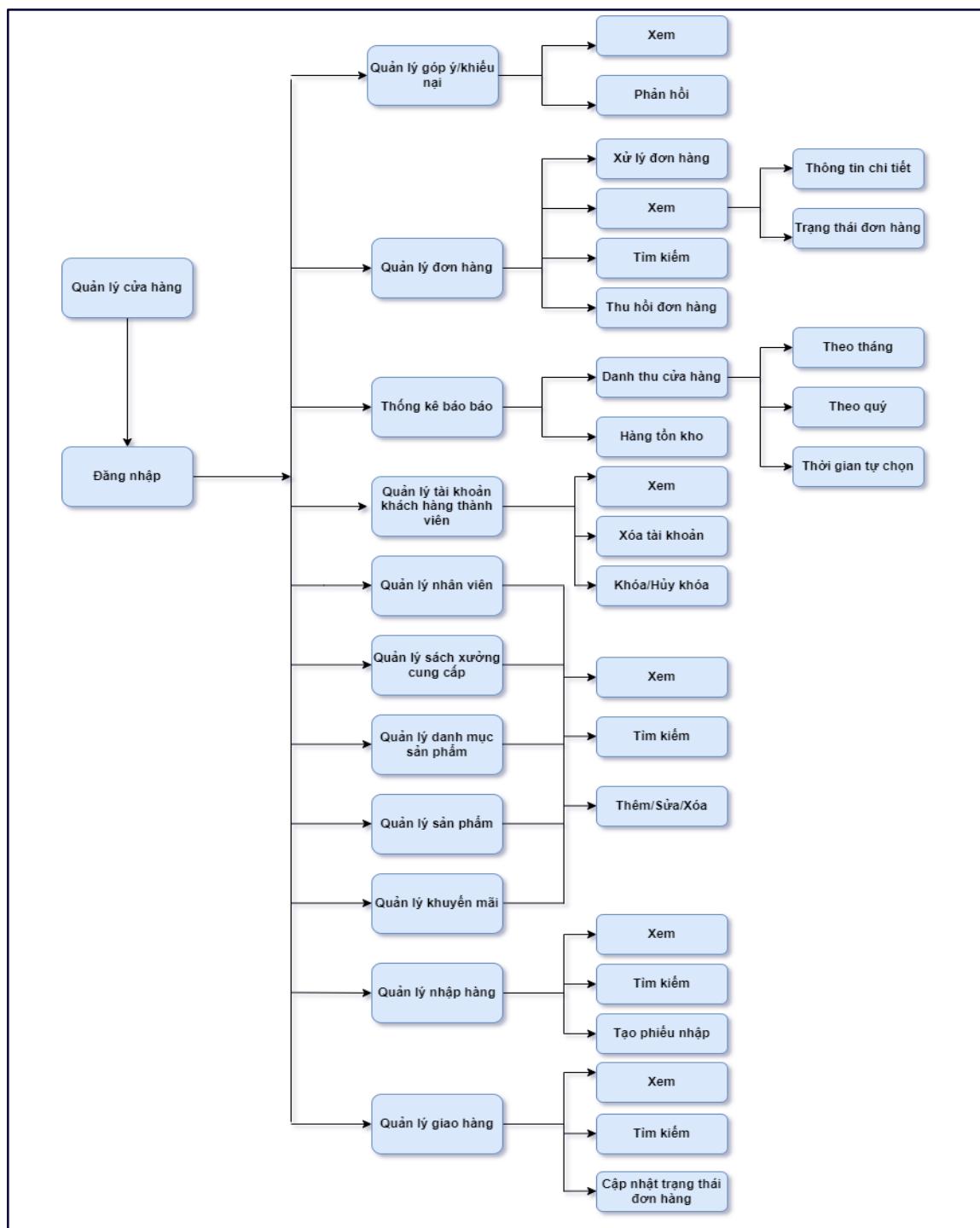
STT	Chức vụ	Mô tả nghiệp vụ
1	Quản lý cửa hàng	Điều hành mọi hoạt động của cửa hàng, giải quyết các vấn đề của cửa hàng. Mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh.
2	Nhân viên bán hàng	Giúp khách hàng làm thủ tục thanh toán khi quyết định mua hàng.
3	Nhân viên nhập liệu	Kiểm tra phiếu nhập và nhập thông tin nhập liệu vào hệ thống.
4	Nhân viên giao hàng	Giao hàng và cập nhật trạng thái đơn hàng.

Bảng 2.1 Bảng mô tả nghiệp vụ

III. SƠ ĐỒ WEBSITE DỰ KIẾN

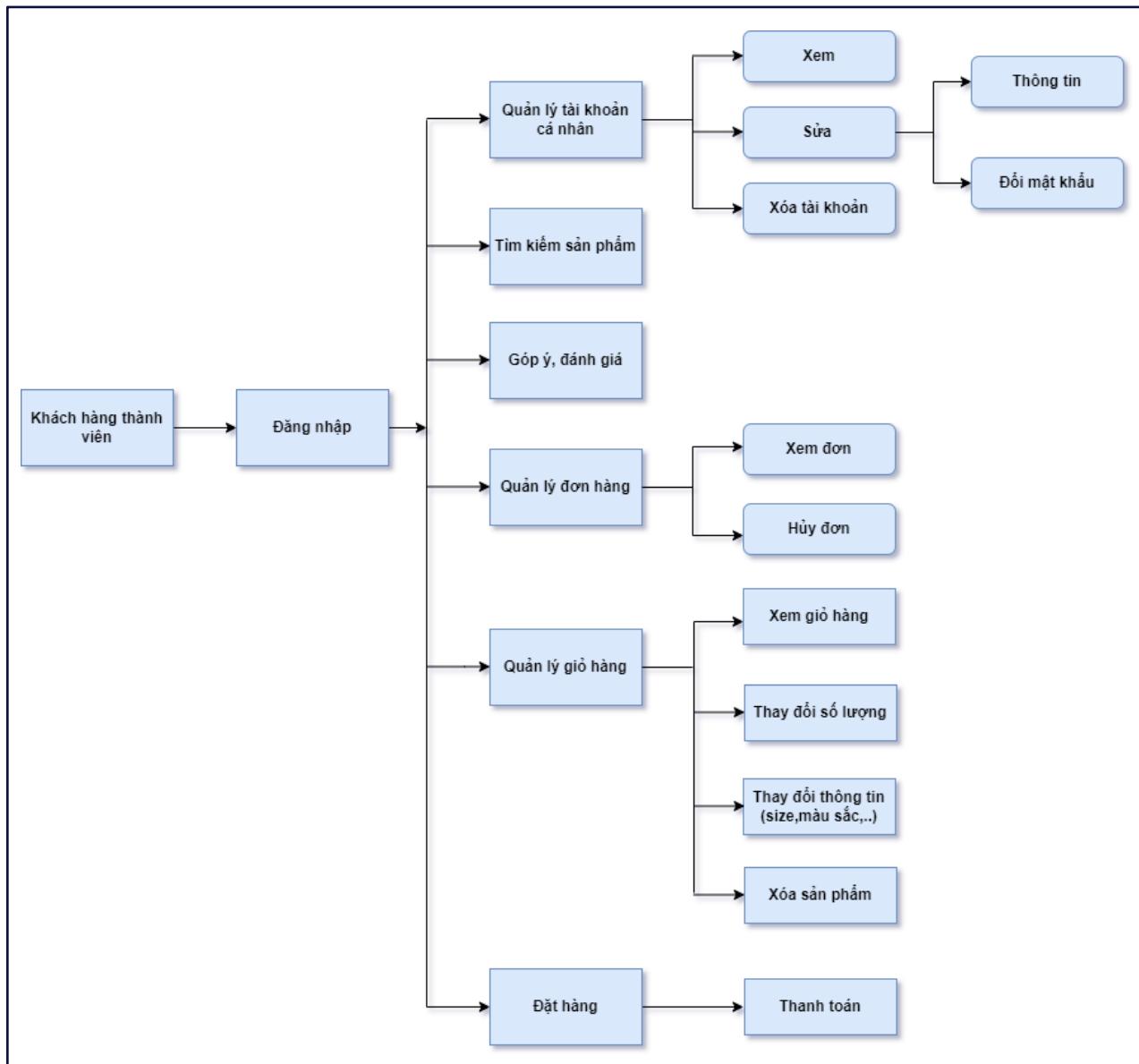
3.1. Sơ đồ website dành cho quản lý cửa hàng

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG



Hình 2.2 Sơ đồ website dự kiến dành cho quản lý cửa hàng

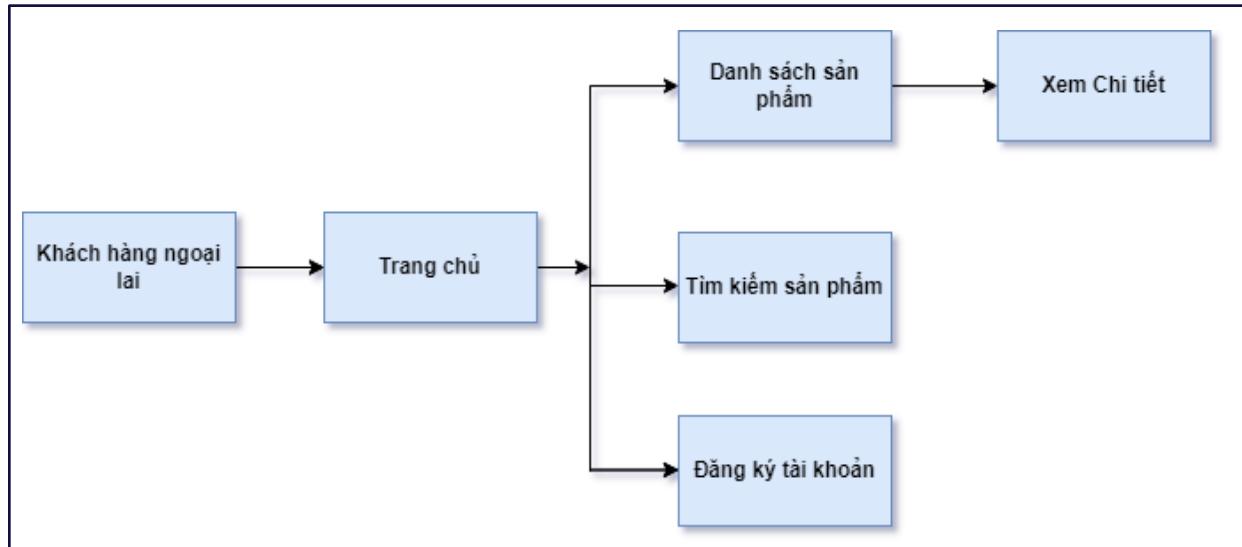
3.2. Sơ đồ website dành cho khách hàng thành viên



Hình 2.3 Sơ đồ website dự kiến dành cho khách hàng thành viên

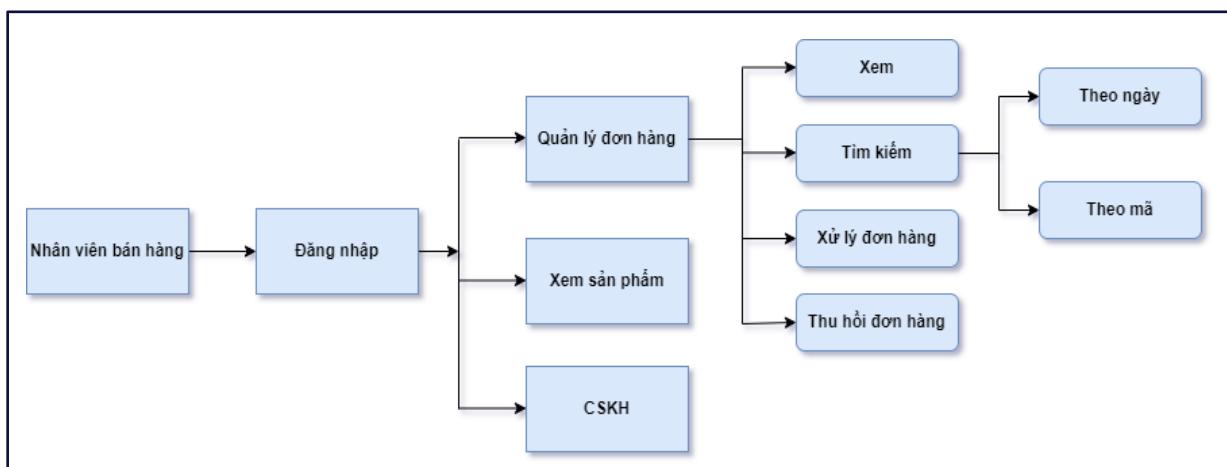
CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

3.3. Sơ đồ website dành cho khách hàng ngoại lai



Hình 2.4 Sơ đồ website dự kiến dành cho khách hàng ngoại lai

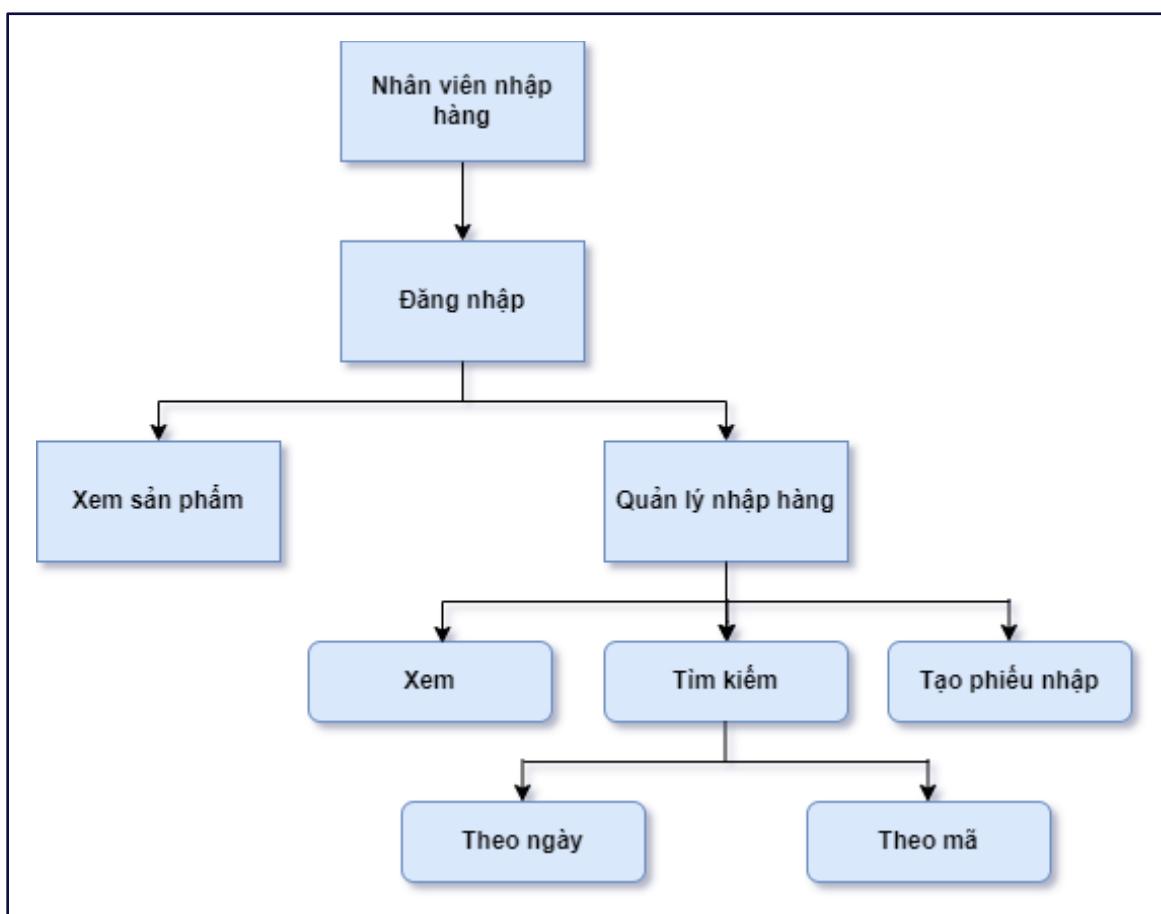
3.4. Sơ đồ website dành cho nhân viên bán hàng



Hình 2.5 Sơ đồ website dự kiến dành cho nhân viên bán hàng

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

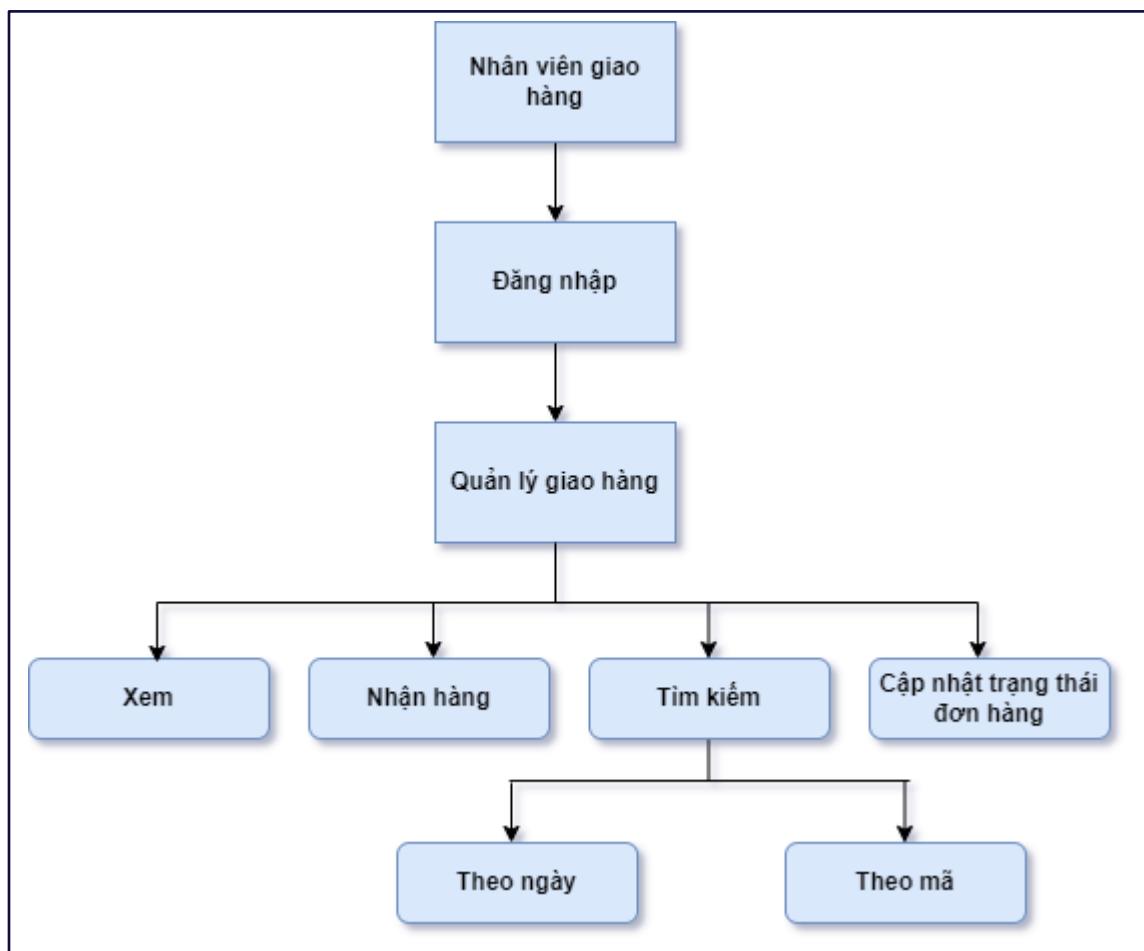
3.5. Sơ đồ website dành cho nhân viên nhập hàng



Hình 2.6 Sơ đồ website dự kiến dành cho nhân viên nhập hàng

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

3.6. Sơ đồ website dành cho nhân viên giao hàng



Hình 2.7 Sơ đồ website dự kiến dành cho nhân viên giao hàng

IV. YÊU CẦU PHI CHỨC NĂNG

- ✓ **Giao diện đẹp, sinh động, trực quan và dễ sử dụng:** các giao diện phải thiết kế đơn giản, dễ dàng và thuận tiện cho việc sử dụng, giao diện hướng đến cá nhân hóa theo người dùng, màn hình làm việc thường xuyên, ...

- ✓ **Phân quyền chặt chẽ:** Hệ thống cho phép người quản trị tạo các tài khoản và phân quyền chi tiết cho tài khoản này như màn hình nào được sử dụng, các chức năng thêm, xóa, sửa, kết xuất báo cáo, ...
- ✓ **Ôn định, xử lý nhanh:** Các thao tác được quản lý chặt chẽ, Các số liệu đã nhập được ràng buộc trên nền tảng hệ thống quản lý tổng thể. Các thủ tục xử lý và truy xuất dữ liệu được phân chia tối ưu, do đó tốc độ tính toán và xử lý rất nhanh.
- ✓ **An toàn bảo mật cao:** bảo vệ được thông tin cá nhân, đơn hàng của khách hàng.
- ✓ **Tính kế thừa cao:** Dữ liệu và các báo cáo có thể kết xuất sang các dạng file khác nhau, dễ dàng kết nối với các hệ thống khác.
- ✓ **Hỗ trợ đa người dùng cùng lúc:** tận dụng tối ưu hệ thống mạng máy tính, không hạn chế về số lượng người dùng.
- ✓ **Báo cáo, biểu mẫu phong phú, đa dạng:** nhằm đánh giá một cách chính xác, khách quan về tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp. Các báo cáo đều có thể lọc theo nhiều phương thức khác nhau. Từ đó làm cho các báo cáo trở nên sinh động, dễ hiểu và dễ so sánh.
- ✓ **Chấm điểm tiềm năng khách hàng:** Chấm điểm khách hàng tiềm năng giúp đội ngũ kinh doanh xác định giá trị thực tiềm ẩn của nhiều khách hàng tiềm năng khác nhau và đặt ra mục tiêu thực tế cho cửa hàng.

V. XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

5.1. Xác định vấn đề

Với hiện trạng của cửa hàng hiện tại, cửa hàng cần xây dựng một website để quảng cáo các sản phẩm đang kinh doanh của cửa hàng đến với mọi khách hàng.

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

5.1.1. Yêu cầu của quản lý cửa hàng

- Yêu cầu phải có chức năng cơ bản của một website thương mại điện tử như: trình bày sản phẩm, giới thiệu sản phẩm mới hoặc bán chạy đến với khách hàng. Giới thiệu sơ lược cửa hàng trên website, cung cấp đầy đủ các thông tin như địa chỉ, hotline, ...
- Yêu cầu chức năng đăng nhập, đăng ký tài khoản để giao dịch với cửa hàng.
- Yêu cầu phải phân quyền các user quản trị trang web tương ứng với từng bộ phận kinh doanh.

5.1.2. Yêu cầu của bộ phận nhập liệu

Yêu cầu tính chính xác của việc nhập liệu hàng hóa

5.1.3. Yêu cầu của bộ phận giao hàng

Yêu cầu tính chính xác của thông tin đơn hàng giao

5.2. Yêu cầu website

5.2.1. Các yêu cầu cơ bản

- ✓ Giao diện thân thiện, khái quát được toàn bộ sản phẩm của công ty.
- ✓ Quản lý lưu trữ tốt thông tin dữ liệu.
- ✓ Cung cấp thông tin chi tiết về các sản phẩm như: giá cả, hình ảnh, size, xuất xứ...
- ✓ Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin về sản phẩm một cách nhanh chóng và chính xác.
- ✓ Người sử dụng có thể dễ dàng tạo một tài khoản để đặt mua hàng trên website.
- ✓ Trang web phải đáp ứng những yêu cầu mang tính thẩm mỹ như: bố cục rõ ràng, màu sắc đơn giản, phù hợp; đồng thời phải có tính tương tác cao.
- ✓ Chỉ có người quản trị mới được toàn quyền đối với trang web, có thể thay đổi, cập nhật nội dung.

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

- ✓ Có chế độ bảo mật tốt, đảm bảo thông tin khách hàng.

5.2.2. Yêu cầu chức năng hệ thống

5.2.2.1. Quản lý cửa hàng

Là người có toàn quyền trong hệ thống web thông qua một username, password, người quản lý có quyền: phân quyền cho các nhóm người dùng, thêm, xóa, sửa các thông tin của các sản phẩm và các thành phần khác của trang web... Chủ cửa hàng sẽ có quyền sau:

- Quản lý danh mục sản phẩm
- Quản lý sản phẩm
- Quản lý nhân viên
- Quản lý xưởng cung cấp
- Quản lý đơn hàng
- Quản lý phiếu nhập
- Quản lý giao hàng
- Quản lý tài khoản khách hàng thành viên
- Quản lý danh sách góp ý, khiếu nại
- Quản lý khuyến mãi
- Báo cáo thống kê

5.2.2.2. Khách hàng thành viên

Là những người mà đã từng mua hàng hoặc đã có tài khoản tại cửa hàng.

Khách hàng thân thiết sẽ có các quyền sau:

- Tìm kiếm sản phẩm theo nhiều tiêu chí
- Đăng nhập và đăng xuất khỏi website
- Xem danh mục sản phẩm sản phẩm cũng như chi tiết của sản phẩm
- Theo dõi đơn hàng

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

- Quản lý giỏ hàng
- Quản lý thông tin tài khoản cá nhân: số điện thoại, email, đổi mật khẩu,...
- Góp ý, đánh giá hoặc gửi khiếu nại đến của hàng.

5.2.2.3. Khách hàng ngoại lai

- Tìm kiếm sản phẩm theo nhiều tiêu chí
- Xem danh mục sản phẩm sản phẩm cũng như chi tiết của sản phẩm
- Đăng ký tài khoản trên website

I. YÊU CẦU HỆ THỐNG

1.1. Đối với khách hàng ngoại lai

- Xem sản phẩm
- Tìm kiếm sản phẩm
- Đăng ký

1.2. Đối với khách hàng thành viên

Sử dụng tất cả các chức năng của khách ngoại lai, ngoài ra còn thêm một số chức năng sau:

- Đăng nhập
- Mua hàng
- Quản lý giỏ hàng: Xem thông tin giỏ hàng, xóa sản phẩm có trong giỏ hàng, thay đổi số lượng sản phẩm, thay đổi thông tin sản phẩm
- Quản lý tài khoản: Xem, thay đổi thông tin tài khoản
- Quản lý đơn đặt hàng: Xem, hủy đơn đặt hàng, đặt hàng
- Chọn hình thức thanh toán: Thanh toán trực tuyến hoặc thanh toán khi nhận hàng
- Liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng

1.3. Đối với nhân viên bán hàng

- Quản lý đơn hàng: Xem, tìm kiếm đơn hàng (Theo ngày, theo mã), xử lý đơn hàng, thu hồi đơn hàng, hủy đơn hàng
- Xem danh sách chi tiết sản phẩm
- Chăm sóc khách hàng: Phản hồi khách hàng

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

1.4. Đối với nhân viên nhập hàng

- Quản lý nhập hàng: Xem, tìm kiếm thông tin nhập hàng (Theo ngày, theo mã), tạo phiếu nhập hàng
- Xem danh sách chi tiết sản phẩm

1.5. Đối với nhân viên giao hàng

Quản lý giao hàng: Xem, tìm kiếm thông tin giao hàng, cập nhật trạng thái đơn hàng (Giao hàng thành công, thất bại)

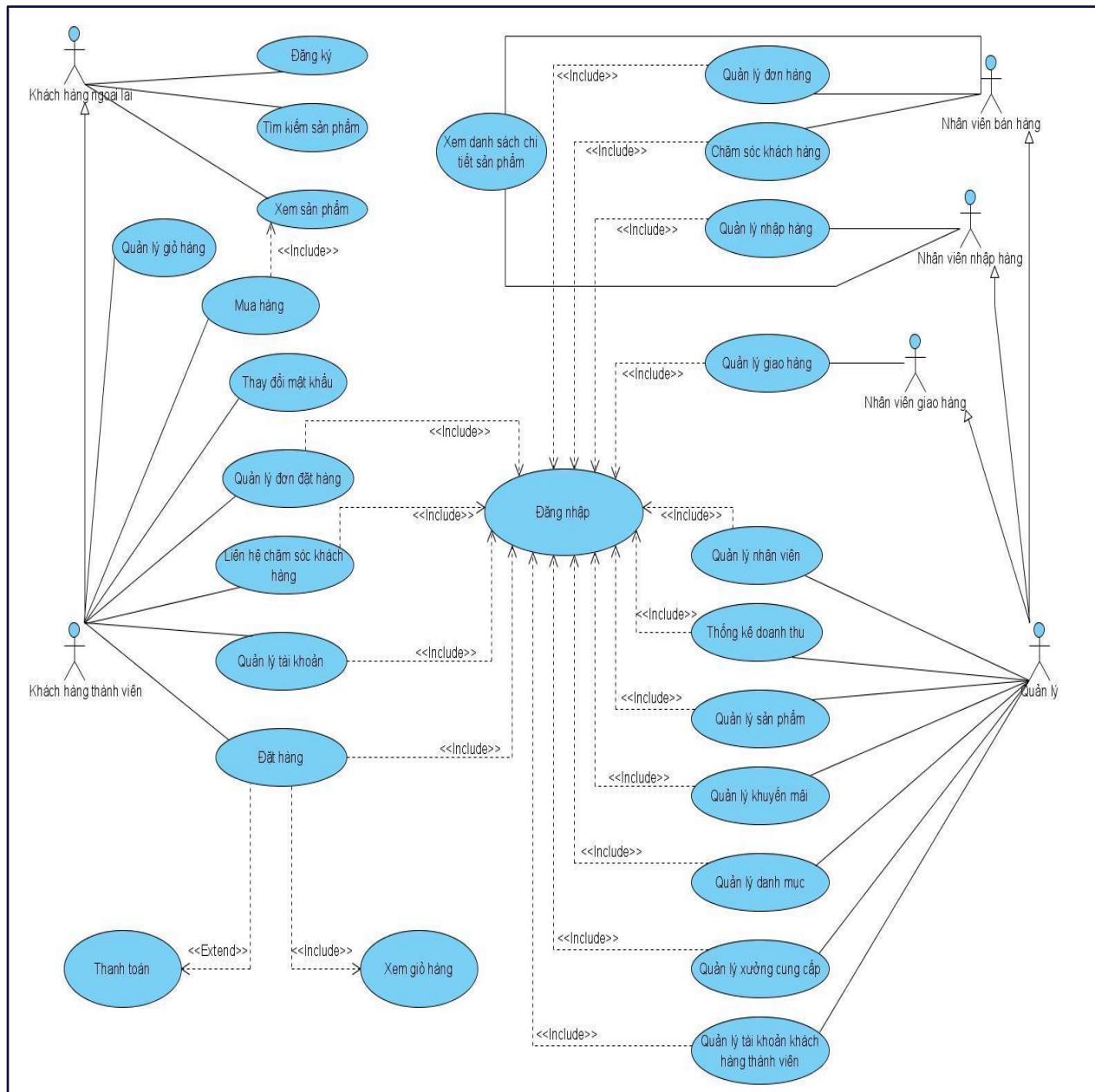
1.6. Đối với quản lý cửa hàng

Sử dụng tất cả các chức năng của các nhân viên trên ngoài, ra còn thêm một số chức năng sau:

- Quản lý nhân viên: Xem, tạo mới, sửa, thay đổi nhân viên
- Quản lý sản phẩm: Xem, tạo mới, sửa, thay đổi sản phẩm
- Quản lý danh mục: Xem, tạo mới, sửa, thay đổi danh mục
- Quản lý xưởng cung cấp: Xem, tạo mới, sửa, thay đổi xưởng cung cấp
- Quản lý khuyến mãi: Xem, tạo mới, sửa, thay đổi khuyến mãi
- Quản lý tài khoản khách hàng thành viên: Xem, xóa, chặn, mở chặn tài khoản khách hàng thành viên
- Thống kê báo cáo: Xem thông tin thống kê doanh thu theo quý, theo tháng hoặc theo ngày tự chọn

II. BIỂU ĐỒ USE CASE

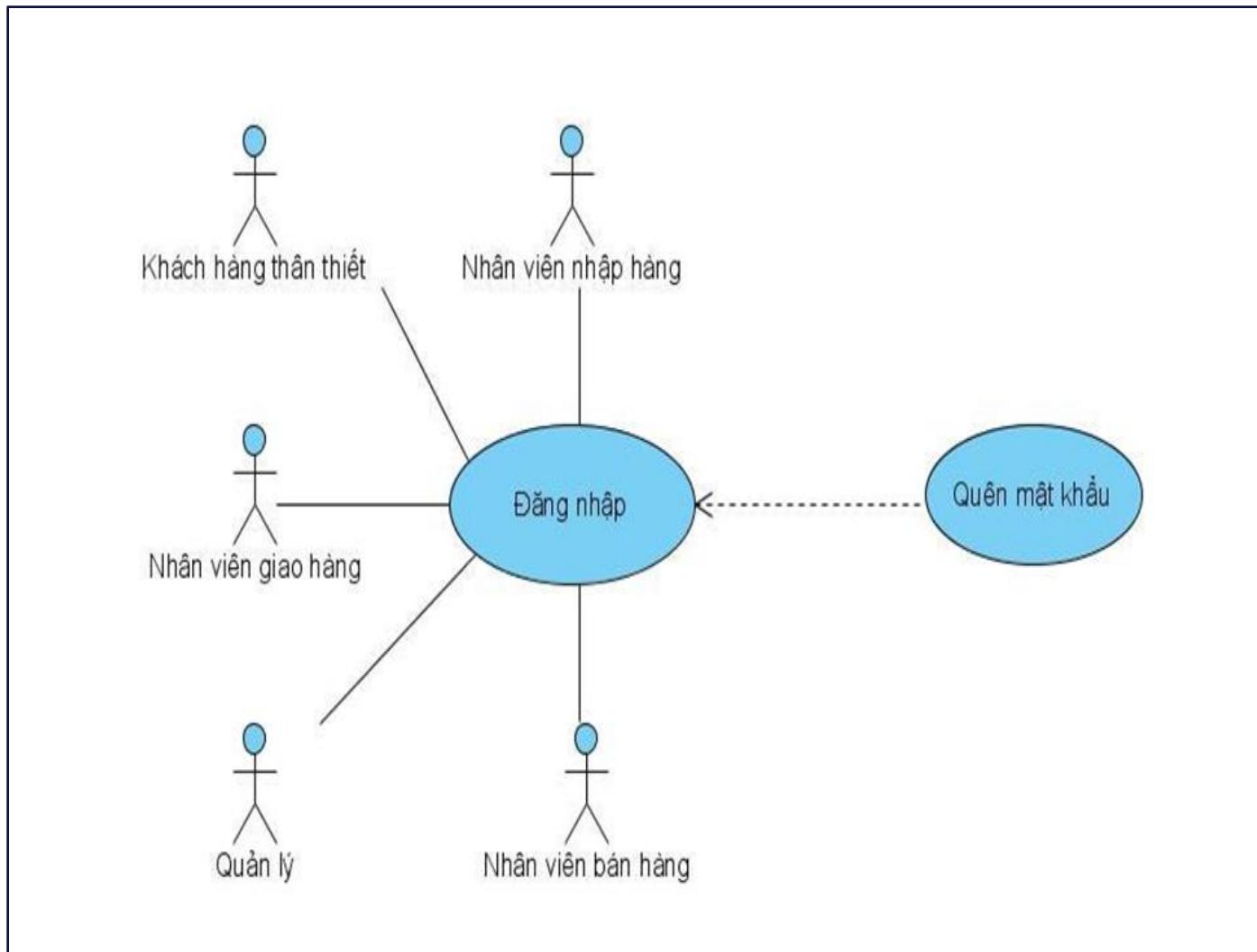
2.1. Biểu đồ use case tổng quát



Hình 3.1 Biểu đồ use case tổng quát

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

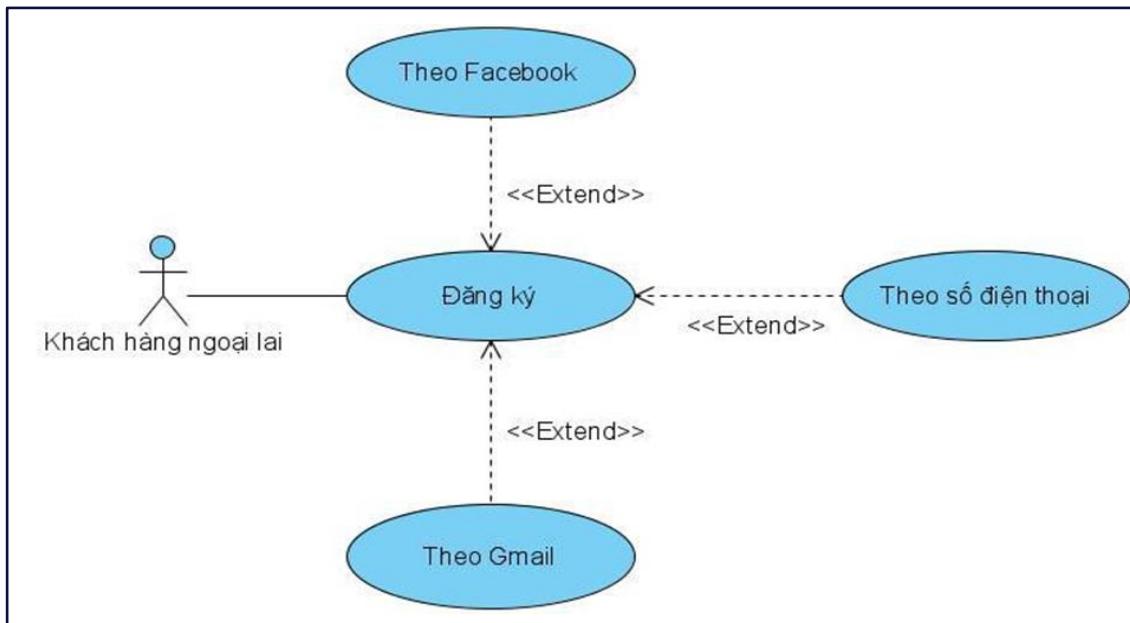
2.2. Biểu đồ phân rã use case đăng nhập



Hình 3.2 Biểu đồ phân rã use case đăng nhập

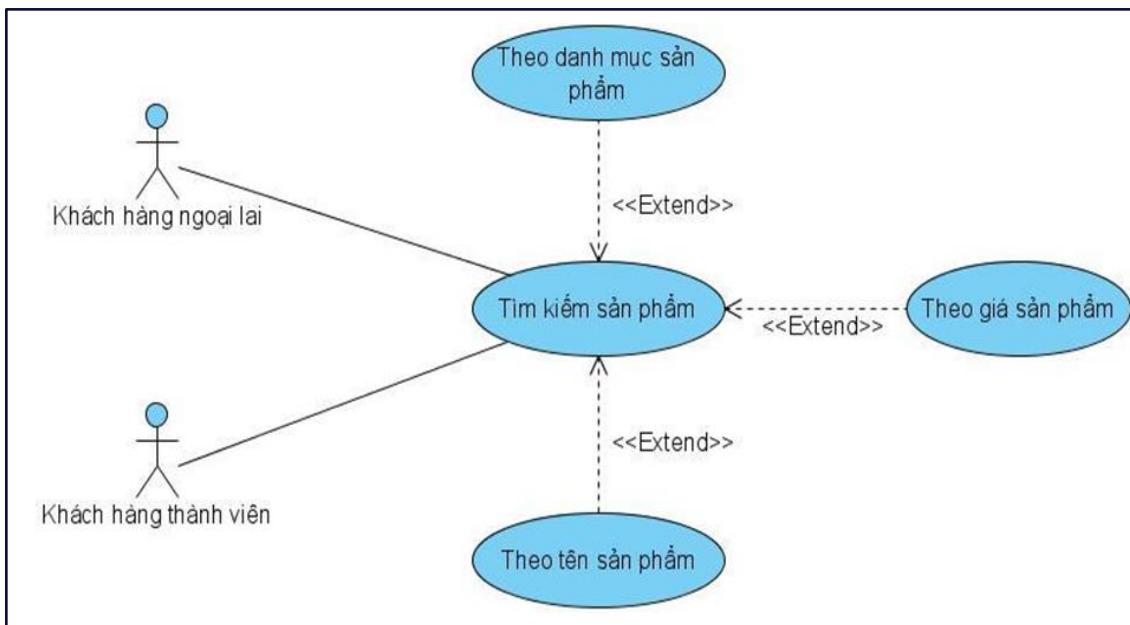
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.3. Biểu đồ phân rã use case đăng ký tài khoản



Hình 3.3 Biểu đồ phân rã use case đăng ký tài khoản

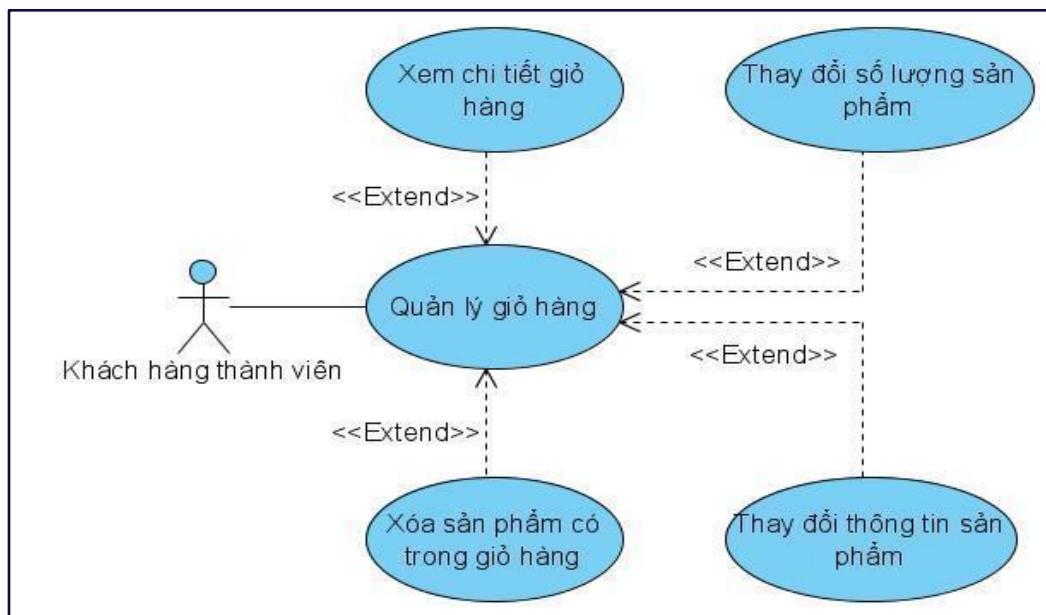
2.4. Biểu đồ phân rã use case tìm kiếm sản phẩm



Hình 3.4 Biểu đồ phân rã use case tìm kiếm sản phẩm

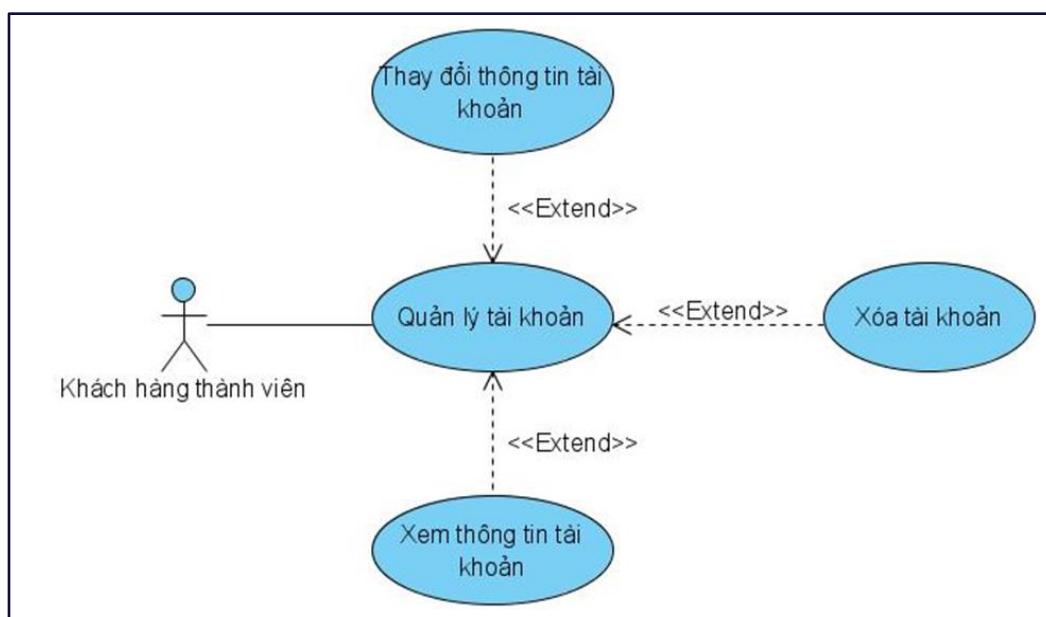
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.5. Biểu đồ phân rã use case quản lý giỏ hàng



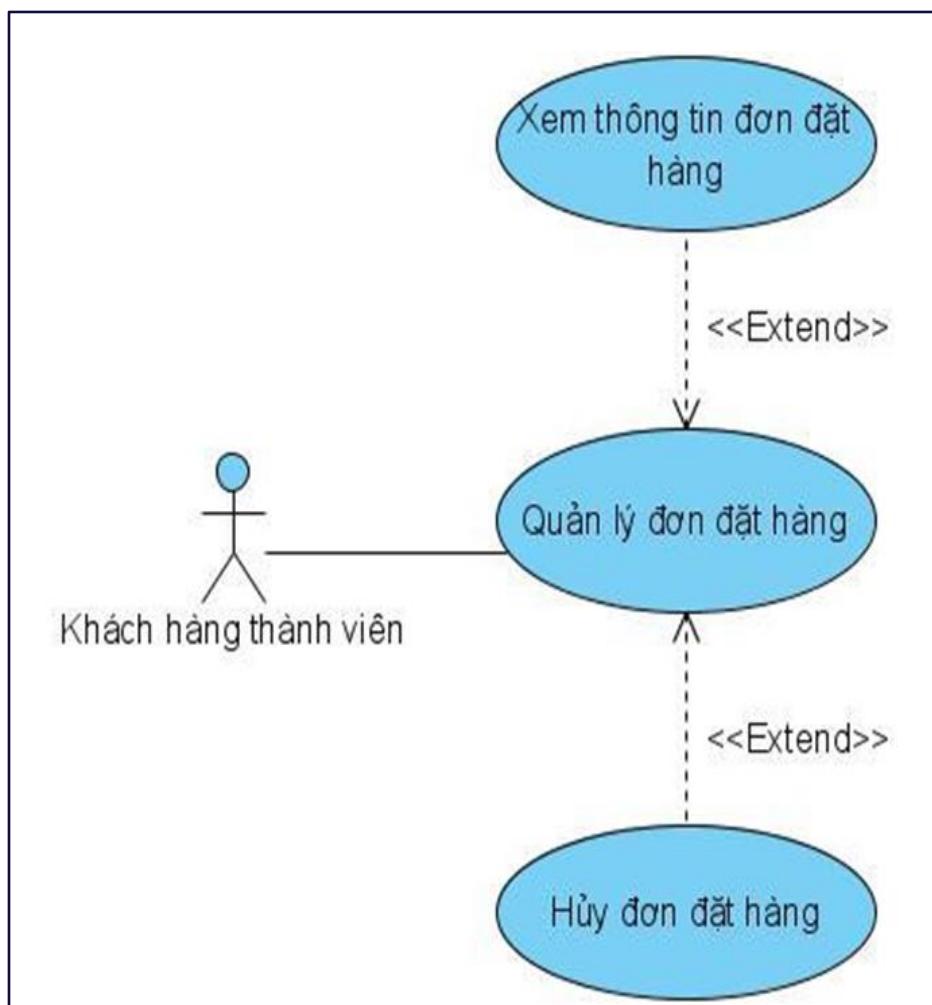
Hình 3.5 Biểu đồ phân rã use case quản lý giỏ hàng

2.6. Biểu đồ phân rã use case quản lý tài khoản cá nhân



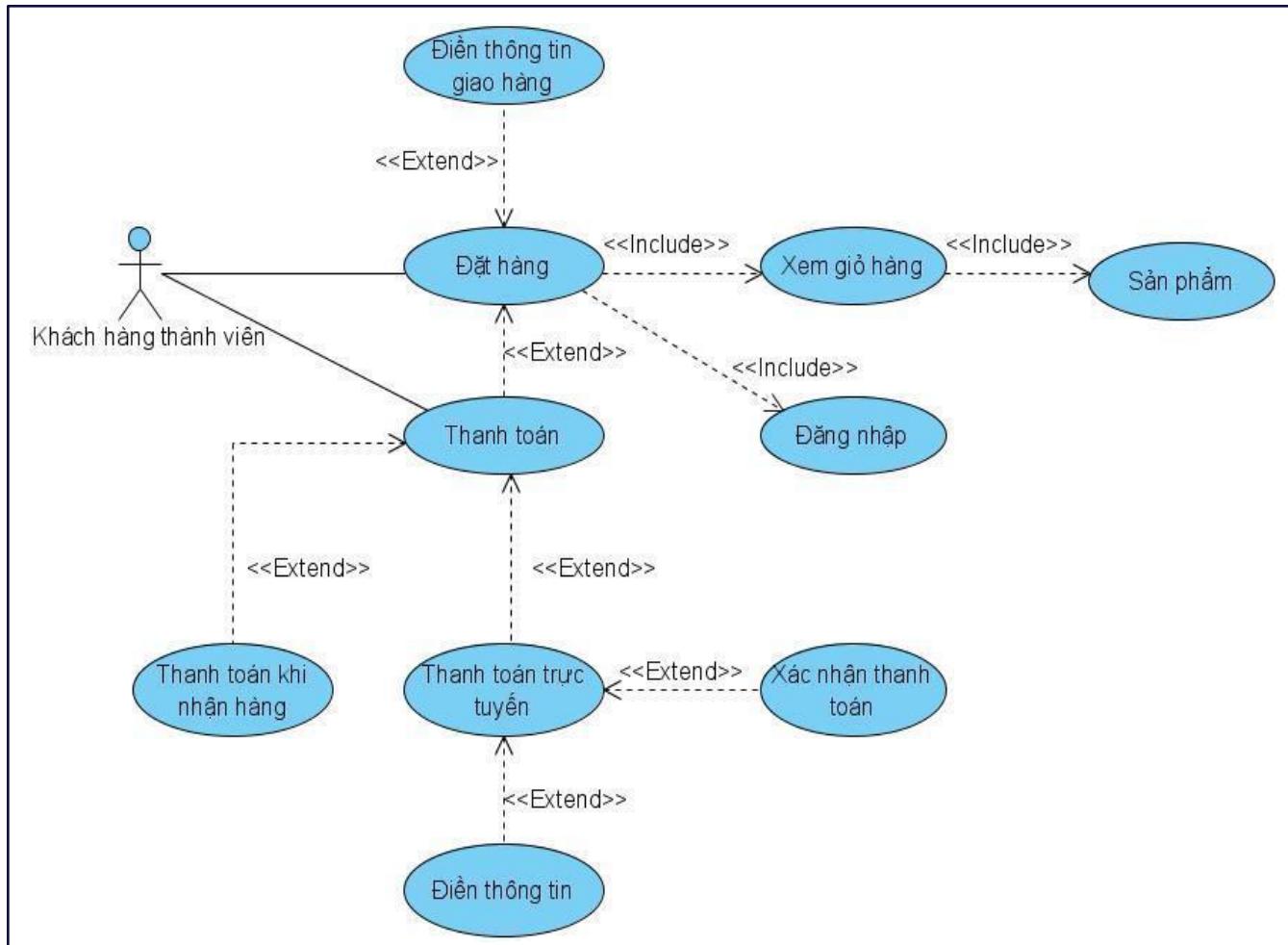
Hình 3.6 Biểu đồ phân rã use case quản lý tài khoản cá nhân

2.7. Biểu đồ phân rã use case quản lý đơn đặt hàng



Hình 3.7 Biểu đồ phân rã use case quản lý đơn đặt hàng

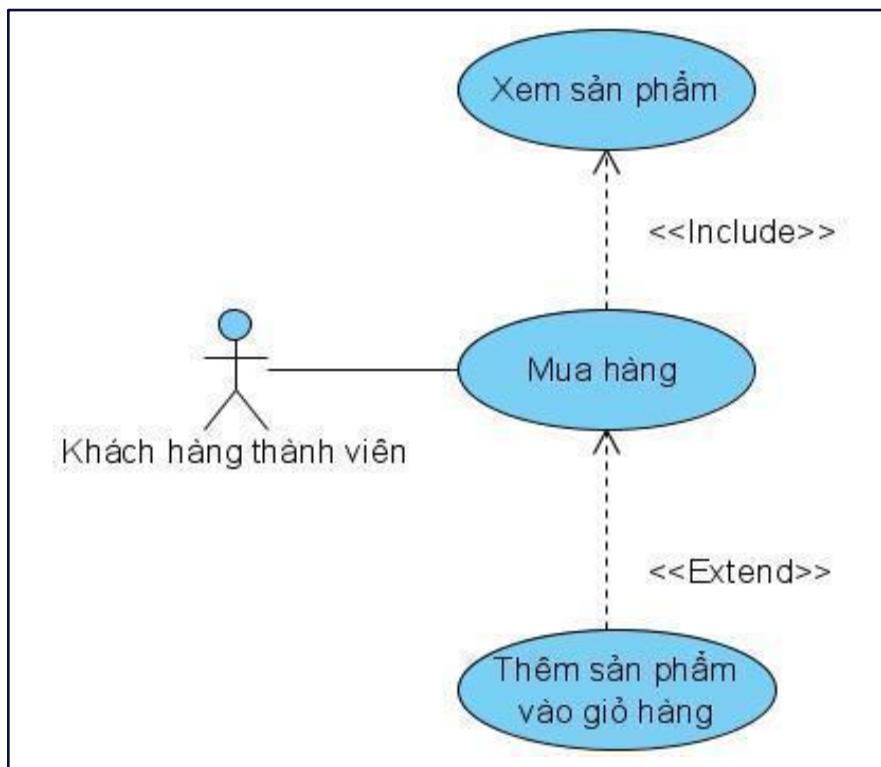
2.8. Biểu đồ phân rã use case đặt hàng



Hình 3.8 Biểu đồ phân rã use case đặt hàng

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.9. Biểu đồ phân rã use case mua hàng



Hình 3.9 Biểu đồ phân rã use case mua hàng

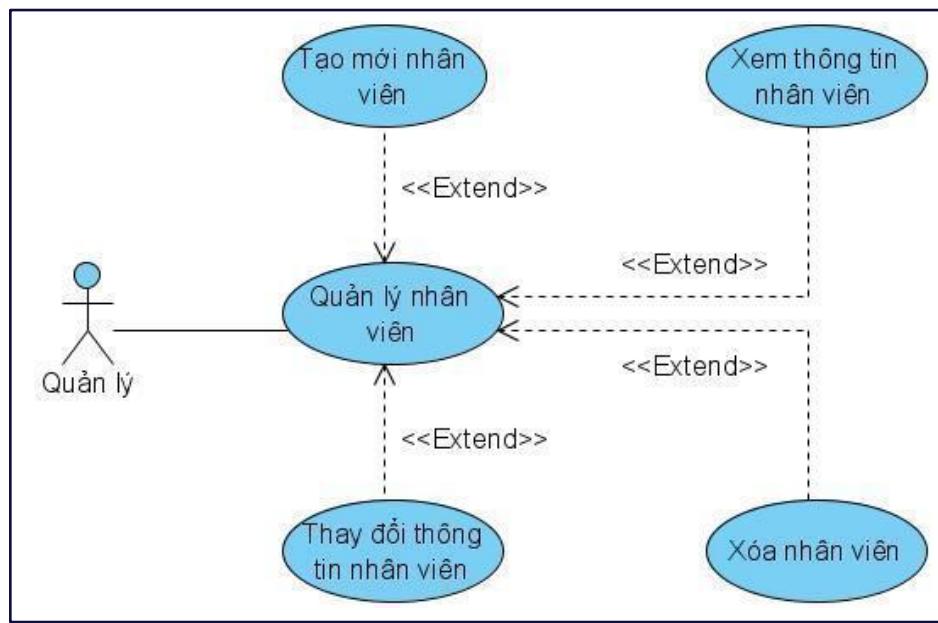
2.10. Biểu đồ phân rã use case thay đổi mật khẩu



Hình 3.10 Biểu đồ phân rã use case thay đổi mật khẩu

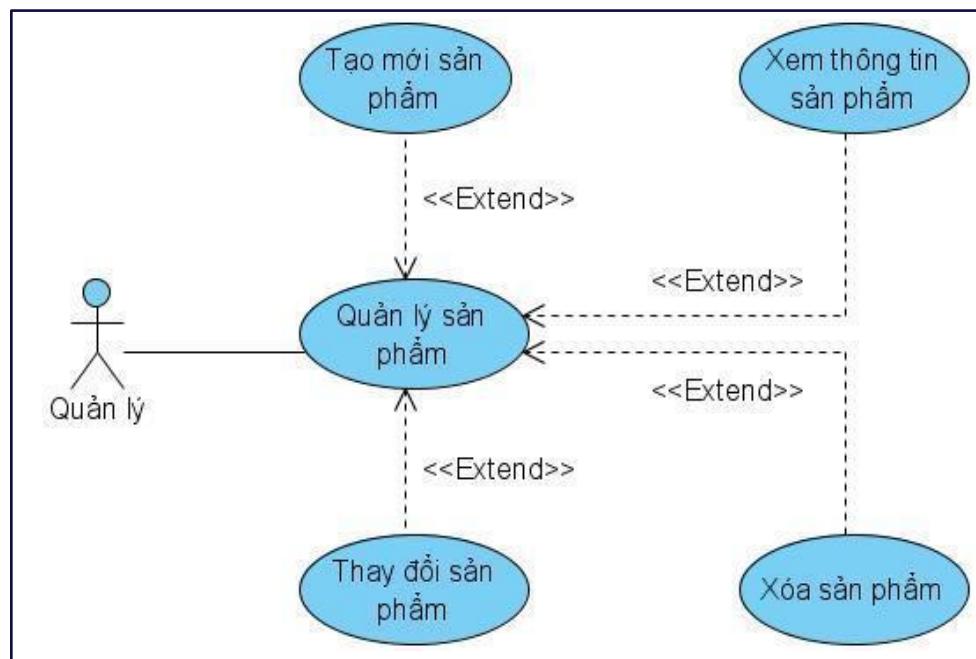
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.11. Biểu đồ phân rã use case quản lý nhân viên



Hình 3.11 Biểu đồ phân rã use case quản lý nhân viên

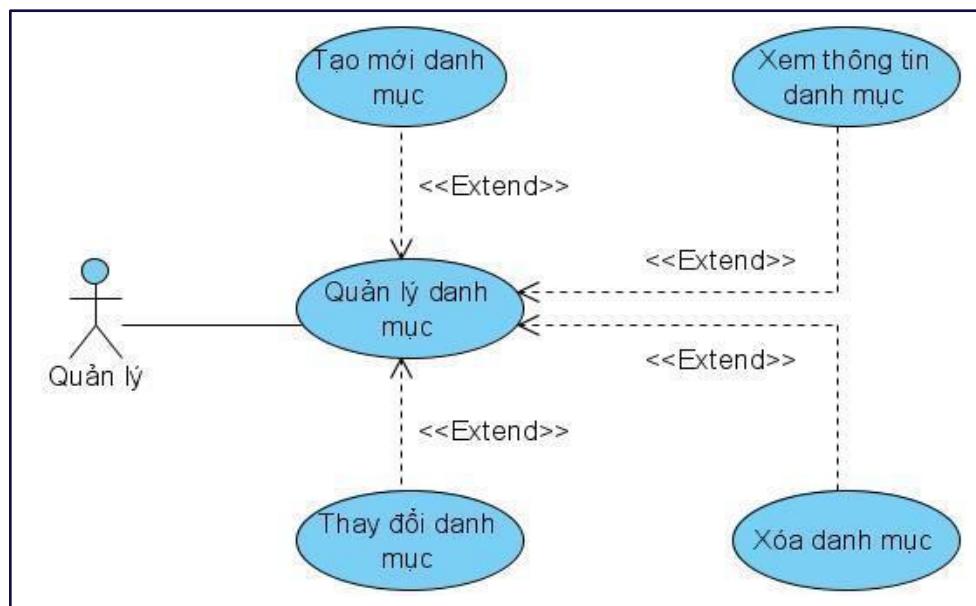
2.12. Biểu đồ phân rã use case quản lý sản phẩm



Hình 3.12 Biểu đồ phân rã use case quản lý sản phẩm

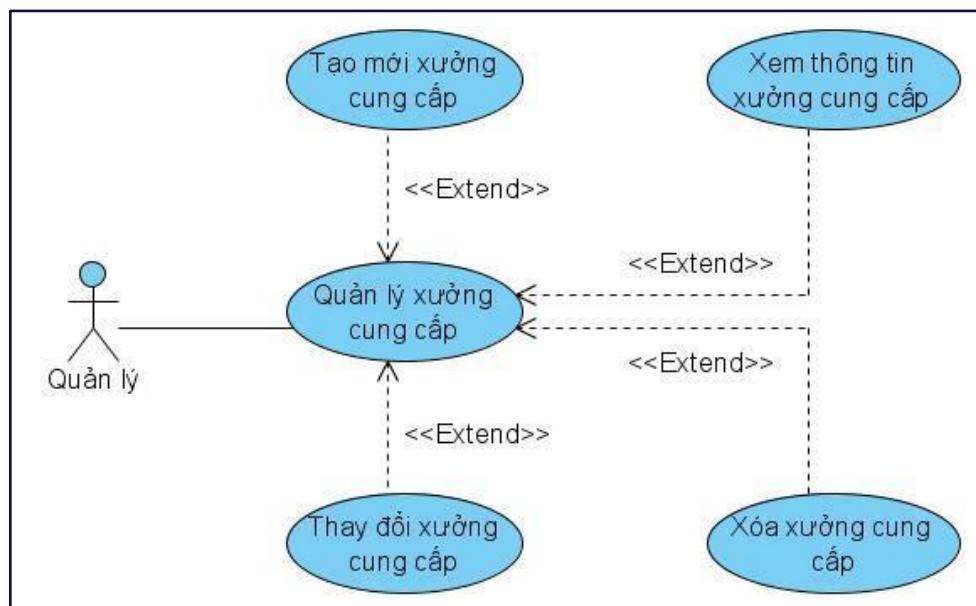
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.13. Biểu đồ phân rã use case quản lý danh mục



Hình 3.13 Biểu đồ phân rã use case quản lý danh mục

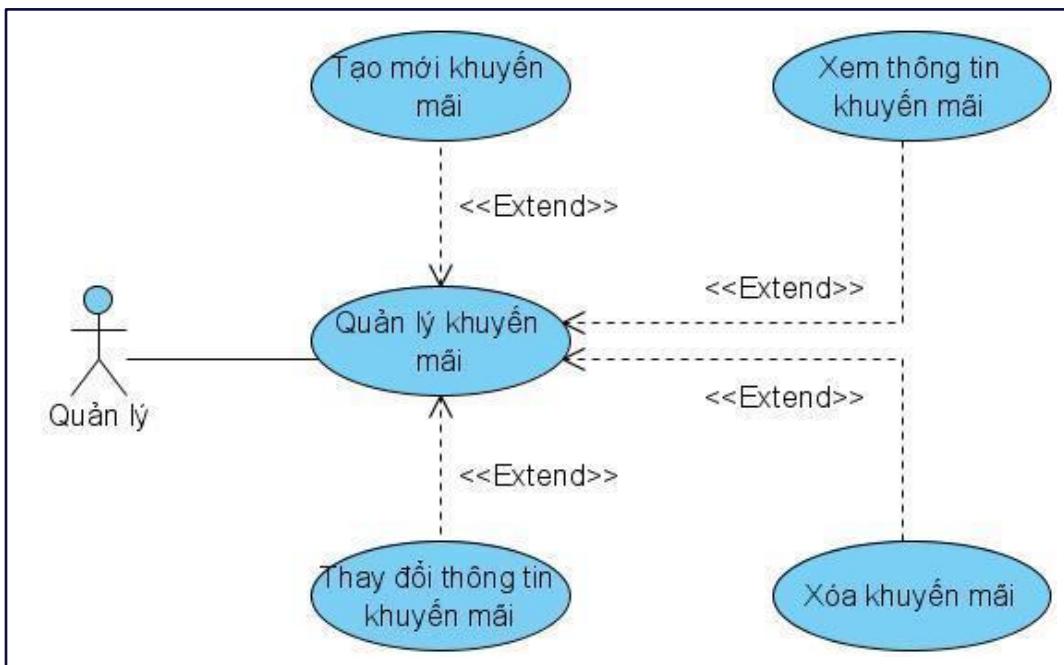
2.14. Biểu đồ phân rã use case quản lý xưởng cung cấp



Hình 3.14 Biểu đồ phân rã use case quản lý xưởng cung cấp

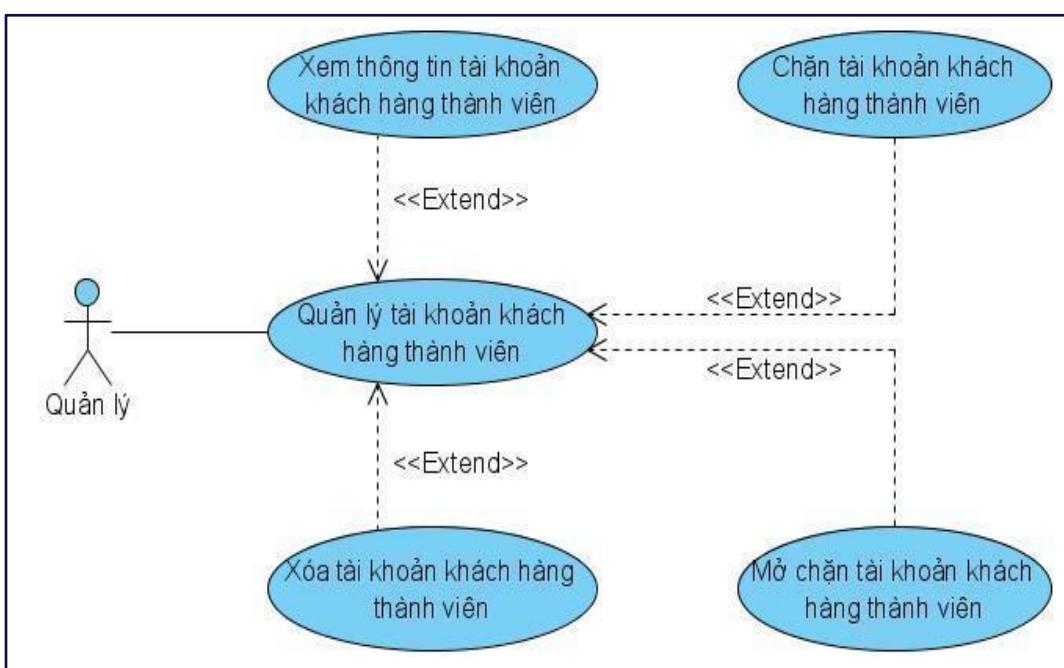
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.15. Biểu đồ phân rã use case quản lý khuyến mãi



Hình 3.15 Biểu đồ phân rã use case quản lý khuyến mãi

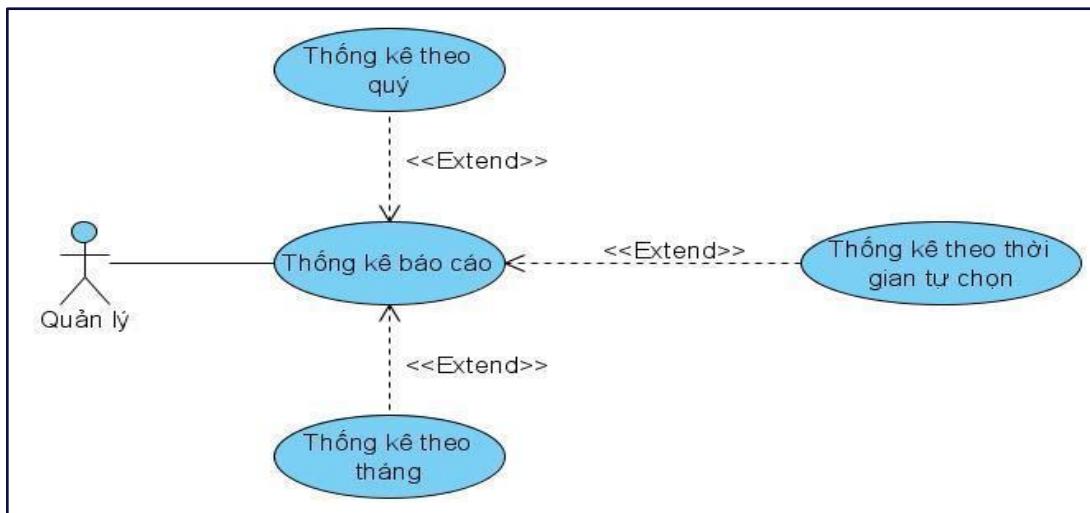
2.16. Biểu đồ phân rã use case quản lý tài khoản khách hàng thành viên



Hình 3.16 Biểu đồ phân rã use case quản lý tài khoản khách hàng thành viên

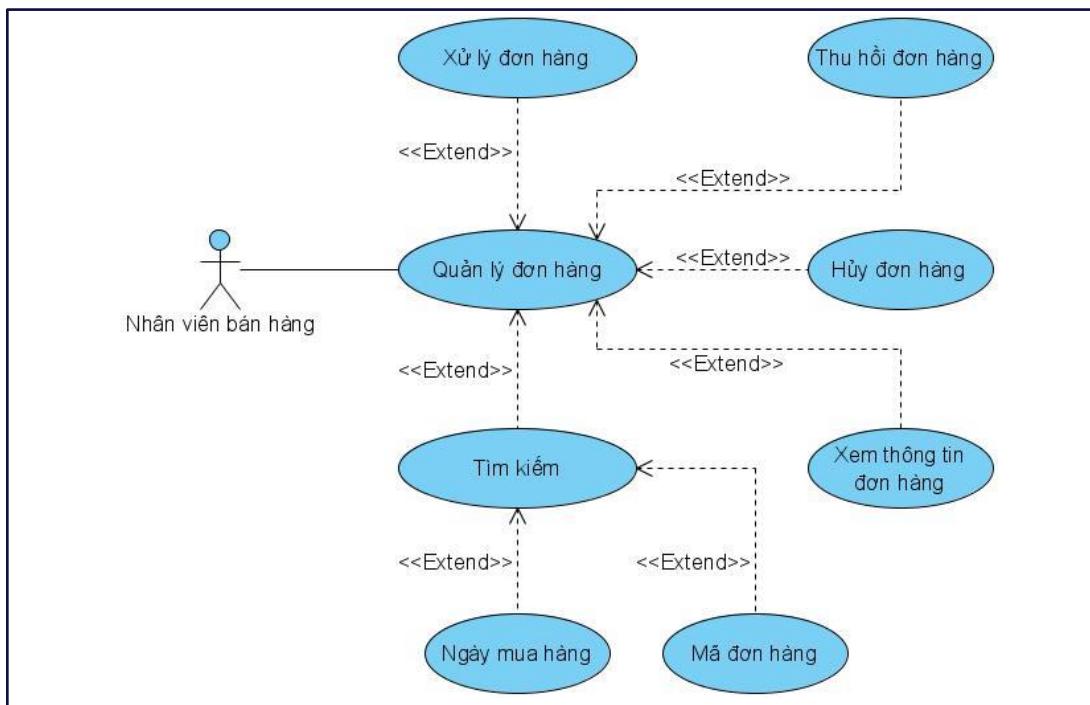
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.17. Biểu đồ phân rã use case thống kê báo cáo



Hình 3.17 Biểu đồ phân rã use case thống kê báo cáo

2.18. Biểu đồ phân rã use case quản lý đơn hàng



Hình 3.18 Biểu đồ phân rã use case quản lý đơn hàng

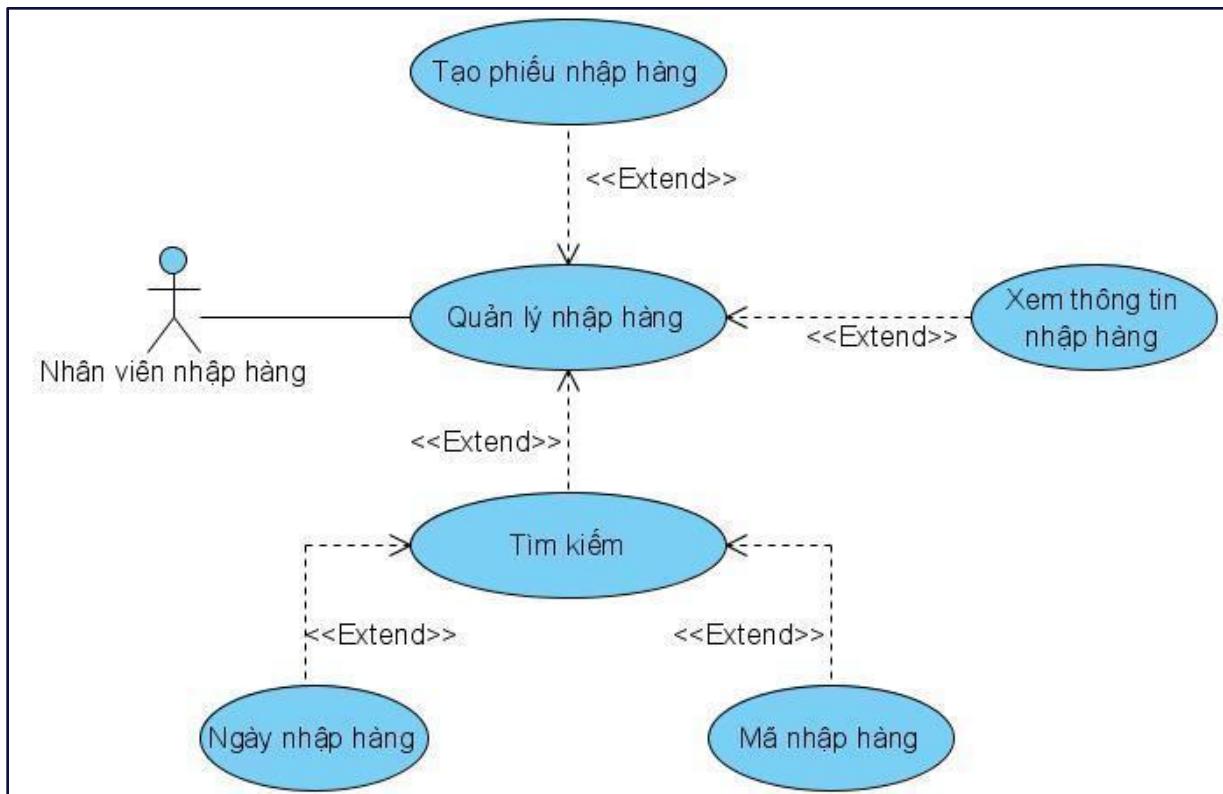
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.19. Biểu đồ phân rã use case chăm sóc khách hàng



Hình 3.19 Biểu đồ phân rã use case chăm sóc khách hàng

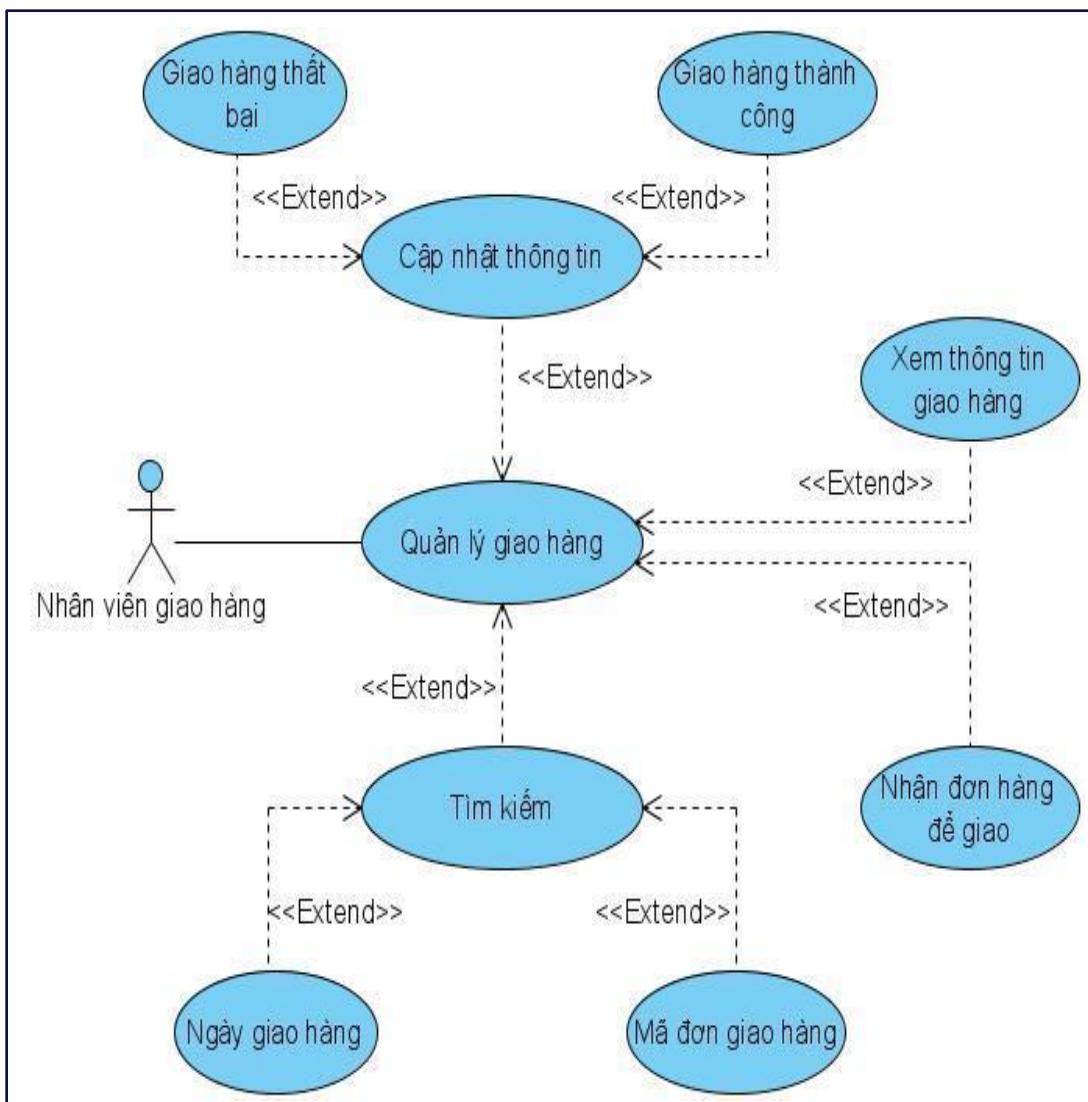
2.20. Biểu đồ phân rã use case quản lý nhập hàng



Hình 3.20 Biểu đồ phân rã use case quản lý nhập hàng

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.21. Biểu đồ phân rã use case quản lý giao hàng



Hình 3.21 Biểu đồ phân rã use case quản lý giao hàng

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

III. ĐẶC TẢ USE CASE

3.1. Đặc tả use case Quản lý nhân viên

Mô tả	<p>1.Tên use case: Quản lý nhân viên</p> <p>2.Mục đích: chức năng này hỗ trợ cho Quản lý có thể chỉnh sửa, cập nhật, xóa nhân viên.</p> <p>3.Tóm lược: chức năng bắt đầu khi Quản lý chọn nút “Quản lý nhân viên” trên Menu</p> <p>4.Tác nhân: Quản lý</p> <p>5.Ngày lập: 28/10/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6.Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Huỳnh Như</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Quản lý chọn nút “Quản lý nhân viên” trên Menu.</p> <p>2. Hệ thống hiển thị danh sách các nhân viên trong hệ thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng muốn thực hiện.</p> <p>2.1 Nếu chọn “Xem thông tin”: Hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết của tài khoản nhân viên.</p> <p>2.2 Nếu chọn “Thêm”: Hệ thống sẽ yêu cầu nhập đầy đủ thông tin của nhân viên, sau đó chọn chức năng thêm để tạo mới thông tin cũng như tài khoản nhân viên.</p> <p>2.3 Nếu chọn “Chỉnh sửa” tại mục nhân viên cần cập nhật: Hệ thống hiển thị đầy đủ thông tin của nhân viên để tiến hành cập nhật thông tin của nhân viên, sau khi chọn một số thay đổi thì chọn chức năng “Chỉnh sửa” để tiến hành cập nhật.</p> <p>2.4 Nếu chọn “Xóa” tại mục nhân viên cần xóa: khi thực hiện chức năng xóa, hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa và</p>

	<p>Quản lý chọn chức năng xóa để thông tin và tài khoản nhân viên.</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Tại bước 2.2 trong dòng sự kiện chính nếu Quản lý nhập thiếu hoặc sai thông tin cần thêm mới thì hệ thống sẽ thông báo lỗi tương ứng và cho phép khách hàng nhập lại.</p> <p>2. Tại bước 2.3 trong dòng sự kiện chính nếu Quản lý nhập thiếu hoặc sai thông tin cần cập nhật thì hệ thống sẽ thông báo lỗi tương ứng và cho phép khách hàng nhập lại.</p>
Tiền điều kiện	Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống thì mới thực hiện được chức năng này.
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì có thể quản lý nhân viên theo nhu cầu cần thiết. Ngược lại thì trạng thái hệ thống không có gì thay đổi.

Bảng 3.1 Đặc tả use case Quản lý nhân viên

3.2. Đặc tả use case Quản lý sản phẩm

Mô tả	<p>1. Tên use case: Quản lý sản phẩm</p> <p>2. Mục đích: chức năng này cho phép Quản lý quản lý các thông tin của sản phẩm trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Bao gồm: thêm sản phẩm, xóa sản phẩm, sửa sản phẩm.</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi Quản lý chọn vào nút “Quản lý sản phẩm”.</p> <p>4. Tác nhân: Quản lý</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021</p> <p>6. Phiên bản: 1.0</p>
	Ngày cập nhật:
	Người phụ trách: Huỳnh Như

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

<p>Dòng sự kiện chính</p>	<p>1. Quản lý chọn nút “Quản lý sản phẩm” trên Menu.</p> <p>2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm trong hệ thống và yêu cầu Chủ cửa hàng chọn chức năng muốn thực hiện.</p> <p> 2.1. Nếu chọn Quản lý “Xem thông tin” thì hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm.</p> <p> 2.2. Nếu Quản lý chọn chức năng thêm sản phẩm. Hệ thống sẽ yêu cầu nhập thông tin sản phẩm mới, sau đó chọn chức năng “Thêm”.</p> <p> 2.3. Nếu Quản lý chọn chức năng chỉnh sửa. Hệ thống sẽ hiển thị thông tin cần thiết của sản phẩm để tiến hành chỉnh sửa. Sau khi thay đổi thì chọn chức năng “Chỉnh sửa”.</p> <p> 2.4. Nếu Quản lý chọn chức năng xóa. Chọn sản phẩm cần xóa và chọn chức năng “Xóa”. Hệ thống hiển thị thông báo ra màn hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nếu chọn “Yes”: xóa sản phẩm ra khỏi cơ sở dữ liệu. * Nếu chọn “No”: trả lại màn hình xóa sản phẩm. <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin</p>
<p>Dòng sự kiện phụ</p>	<p>1.Tại bước 2.2 trong dòng sự kiện chính nếu Quản lý nhập thiếu hoặc sai thông tin cần thêm mới thì hệ thống sẽ thông báo lỗi tương ứng và cho phép khách hàng nhập lại.</p> <p>2. Tại bước 2.3 trong dòng sự kiện chính nếu Quản lý nhập thiếu hoặc sai thông tin cần cập nhật thì hệ thống sẽ thông báo lỗi tương ứng và cho phép khách hàng nhập lại.</p>
<p>Tiền điều kiện</p>	<p>Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được các chức năng tương ứng trong quản lý sản phẩm.</p>

Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì thực hiện được chức năng tương ứng và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Nếu thất bại thì thông tin sản phẩm không có gì thay đổi.
----------------------	--

Bảng 3.2 Đặc tả use case Quản lý sản phẩm

3.3. Đặc tả use case Quản lý danh mục

Mô tả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tên use case: Quản lý danh mục 2. Mục đích: Chức năng này hỗ trợ cho quản lý thêm mới, sửa xoá 1 danh mục 3. Tóm lược: Chức năng này bắt đầu khi quản lý chọn vào nút “Quản lý danh mục”. 4. Tác nhân: Quản lý 5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật: 6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý chọn nút “Quản lý danh mục” trên Menu 2. Hệ thống hiển thị danh mục các mặt hàng trong hệ thống <ol style="list-style-type: none"> 2.1 Nếu quản lý “Thêm danh mục” thì chọn vào “Tạo mới danh mục” rồi điền các thông tin của danh mục cần thêm. 2.2 Nếu quản lý muốn xoá danh mục thì chọn vào “Xoá danh mục” rồi chọn danh mục cần xoá để xác nhận xoá 2.3 Nếu quản lý muốn sửa danh mục thì chọn vào “Sửa danh mục” rồi chọn danh mục cần sửa để thay đổi các thông tin muốn sửa 2.4 Nếu quản lý muốn xem danh mục thì chọn vào “Xem danh mục” rồi chọn danh mục cần xem 3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Dòng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> Ở bước 2 dòng sự kiện chính quản lý không muốn thực hiện chức năng quản lý danh mục thì chọn nút “quay lại” sau đó hệ thống sẽ chuyển sang giao diện chính của hệ thống Ở bước 2.1 dòng sự kiện chính nếu tạo mới một sản phẩm thành công thì hiện thông báo tạo thành công còn nếu tạo không thành công báo lỗi tương ứng và yêu cầu nhập lại Ở bước 2.2 dòng sự kiện chính nếu xoá thành công thì hiện thông báo xoá danh mục thành công còn nếu không muốn xoá thì có thể không xác nhận xoá Ở bước 2.3 dòng sự kiện chính nếu sửa danh mục thành công thì hiện thông báo cập nhật thành công còn nếu sửa không thành công thì báo cập nhật thất bại
Tiền điều kiện	Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện chức năng quản lý danh mục
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì việc quản lý danh mục theo yêu cầu của quản lý được thực hiện ngược lại thì hệ thống sẽ không có gì thay đổi

Bảng 3.3 Đặc tả use case Quản lý danh mục

3.4. Đặc tả use case Quản lý xưởng cung cấp

Mô tả	<ol style="list-style-type: none"> Tên use case: Quản lý xưởng cung cấp Mục đích: Chức năng này hỗ trợ cho quản lý xem, thêm mới, tìm kiếm, sửa, xoá xưởng cung cấp hàng cho hệ thống Tóm lược: Chức năng này bắt đầu khi quản lý chọn vào nút “Quản lý xưởng cung cấp”. Tác nhân: Quản lý
--------------	--

	<p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Quản lý chọn nút “Quản lý xưởng cung cấp” trên Menu</p> <p>2. Hệ thống hiển thị danh mục các xưởng cung cấp hàng trong hệ thống</p> <p>2.1 Nếu quản lý bán hàng “Xem thông tin xưởng cung cấp” thì chọn vào một xưởng cup cấp cụ thể để xem thông tin</p> <p>2.2 Nếu quản lý “Thêm mới xưởng cung cấp” thì hệ thống sẽ hiện form để quản lý điền thông tin của xưởng muốn thêm mới rồi nhấn nút “Thêm”</p> <p>2.3 Nếu quản lý “Sửa thông tin xưởng cung cấp” thì chọn vào xưởng cần sửa thông tin rồi nhập lại các thông tin cần sửa rồi bấm “Lưu” hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin mới của xưởng</p> <p>2.4 Nếu quản lý “Xoá xưởng cung cấp” thì chọn vào xưởng muốn xoá rồi nhấn “Xoá”</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Ở bước 2 dòng sự kiện chính nếu quản lý không muốn thực hiện chức năng quản lý đơn hàng thì chọn nút “Quay lại” sau đó hệ thống sẽ chuyển sang giao diện chính của hệ thống</p> <p>2. Ở bước 2.2 dòng sự kiện chính quản lý có thể huỷ thêm xưởng nếu không muốn thêm mới</p> <p>3. Ở bước 2.3 dòng sự kiện chính quản lý có thể khôi phục lại trạng thái ban đầu nếu không muốn sửa thông tin xưởng cung cấp</p> <p>4. Ở bước 2.4 dòng sự kiện chính nếu bên hệ thống đang có phiếu nhập hàng từ xưởng chưa xử lý xong thì không thể xoá xưởng cung cấp cho đến khi phiếu nhập hàng được hoàn thành</p>

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Tiền điều kiện	Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện chức năng quản lý xưởng cung cấp
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì việc quản lý xưởng cung cấp theo yêu cầu của quản lý được thực hiện ngược lại thì hệ thống sẽ không có gì thay đổi

Bảng 3.4 Đặc tả use case Quản lý xưởng cung cấp

3.5. Đặc tả use case Quản lý tài khoản khách hàng thành viên

Mô tả	<p>1. Tên use case: Quản lí tài khoản khách hàng thành viên</p> <p>2. Mục đích: Chức năng này hỗ trợ cho quản lí khi xem thông tin, thay đổi trạng thái tài khoản khách hàng</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi nhân viên chọn vào nút “Quản lí khách hàng”.</p> <p>4. Tác nhân: Quản lý</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên</p>
--------------	--

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Dòng sự kiện chính	<p>1. Quản lý chọn nút “Quản lý khách hàng” trên Menu</p> <p>2. Hệ thống cho phép hiển thị thông tin khách hàng trong hệ thống và yêu quản lí chọn chức năng muốn thực hiện</p> <p>2.1 “Xem thông tin khách hàng” luồng sự kiện xem thông tin được thực hiện yêu cầu quản lí chọn một khách hàng cần xem rồi sau đó chọn nút “Xem” thì trên giao diện sẽ hiện thị ra tất cả các thông tin của khách hàng đó</p> <p>2.2 “Thay đổi trạng thái khách hàng” luồng sự kiện Thay đổi trạng thái khách hàng được thực hiện yêu cầu quản lí chọn khách hàng và có thể chuyển trạng thái khách hàng từ “Hoạt động” sang “Bị chặn” hoặc ngược lại</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Ở bước 2 dòng sự kiện chính nếu quản lí muốn thực hiện chức năng quản lí khách hàng thì chọn nút “Quay lại” sau đó hệ thống sẽ chuyển sang giao diện chính của hệ thống</p> <p>2. Ở bước 2.2 dòng sự kiện chính nếu thay đổi trạng thái thất bại thì hệ thống sẽ thông báo và quay về giao diện Thay đổi trạng thái khách hàng</p>
Tiền điều kiện	Quản lí phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện chức năng quản lí khách hàng.
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì việc quản lí khách hàng theo yêu cầu của quản lí được thực hiện ngược lại thì hệ thống sẽ không có gì thay đổi

Bảng 3.5 Đặc tả use case Quản lý tài khoản khách hàng thành viên

3.6. Đặc tả use case Quản lý đơn hàng

Mô tả	<ol style="list-style-type: none">Tên use case: Quản lý đơn hàngMục đích: Chức năng này hỗ trợ cho nhân viên bán hàng xử lý trạng thái đơn hàng và thu hồi đơn hàng trên trang webTóm lược: Chức năng này bắt đầu khi nhân viên bán hàng chọn vào nút “Quản lý đơn hàng”.Tác nhân: Nhân viên bán hàngNgày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none">Nhân viên bán hàng chọn nút “Quản lý đơn hàng” trên MenuHệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng trong hệ thống và yêu cầu nhân viên bán hàng chọn chức năng muốn thực hiện:<ol style="list-style-type: none">2.1 Nếu nhân viên bán hàng “Xem đơn hàng” thì chọn vào một đơn hàng cụ thể thì giao diện sẽ hiển thị lên chi tiết đơn hàng và trạng thái hiện tại có thể là chưa xử lý, đã xử lý, đang vận chuyển, đã giao thành công, giao hàng thất bại.2.2 Nếu nhân viên bán hàng “Xử lý trạng thái đơn hàng”: thì chọn vào một đơn hàng cụ thể ở trạng thái “Chưa xử lý” và nhấn chọn “Xử lý” để chuyển qua trạng thái “Đã xử lý”, sau đó chuyển tới chức năng tạo hóa đơn2.3 Nếu nhân viên bán hàng “Thu hồi đơn hàng”: thì chọn vào một đơn hàng cụ thể ở trạng thái “Giao hàng thất bại” và nhấn chọn “Thu hồi” để chuyển qua trạng thái “Đã thu hồi” sau đó chuyển tới huỷ hóa đơnHệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Dòng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> Ở bước 2 dòng sự kiện chính nếu nhân viên bán hàng không muốn thực hiện chức năng quản lý đơn hàng thì chọn nút “Quay lại” sau đó hệ thống sẽ chuyển sang giao diện chính của hệ thống Ở bước 2.1 dòng sự kiện chính nếu đơn hàng chuyển sang trạng thái đang vận chuyển, đã giao hàng thành công hay giao hàng thất bại là cập nhật từ bộ phận giao hàng Ở bước 2.2 dòng sự kiện chính nếu chức năng tạo hóa đơn không thành công thì không chuyển trạng thái sang “Đã xử lý” Ở bước 2.3 dòng sự kiện chính nếu chức năng huỷ hóa đơn không thành công thì không chuyển trạng thái sang “Đã thu hồi”
Tiền điều kiện	Nhân viên bán hàng phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện chức năng quản lý đơn hàng.
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì việc quản lý đơn hàng theo yêu cầu của nhân viên bán hàng được thực hiện ngược lại thì hệ thống sẽ không có gì thay đổi

Bảng 3.6 Đặc tả use case Quản lý đơn hàng

3.7. Đặc tả use case Quản lý nhập hàng

Mô tả	<ol style="list-style-type: none"> Tên use case: Quản lý nhập hàng Mục đích: Chức năng này hỗ trợ cho quản lý và nhân viên nhập hàng xem, tìm kiếm, xoá, sửa phiếu nhập Tóm lược: Chức năng này bắt đầu khi quản lý và nhân viên nhập hàng chọn vào nút “Quản lý nhập hàng”.
--------------	---

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	<p>4. Tác nhân: quản lý và nhân viên nhập hàng</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Nho Thạch</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Quản lý chọn nút “Quản lý nhập hàng” trên Menu</p> <p>2. Hệ thống hiển thị danh sách phiếu nhập hàng</p> <p> 2.1 Nếu quản lý hoặc nhân viên nhập hàng “Xem phiếu nhập” thì chọn vào một Phiếu nhập cụ thể để xem</p> <p> 2.2 Nếu quản lý hoặc nhân viên nhập hàng “Tìm kiếm phiếu nhập” thì hệ thống hiển thị ra ngày, theo mã đơn hàng rồi quản lý hoặc nhân viên nhập hàng chọn phương thức tìm kiếm phù hợp</p> <p> 2.3 Nếu quản lý hoặc nhân viên nhập hàng tạo phiếu nhập thì chọn vào “Tạo phiếu nhập” rồi sau đó điền các thông tin yêu cầu của hệ thống rồi nhấn “Tạo”</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Ở bước 2 dòng sự kiện chính nếu quản lý hoặc nhân viên nhập hàng không muốn thực hiện chức năng quản lý phiếu nhập hàng thì chọn nút “Quay lại” sau đó hệ thống sẽ chuyển sang giao diện chính của hệ thống</p> <p>2. Ở bước 2.2 dòng sự kiện chính nếu thực hiện chức năng tìm kiếm phiếu nhập báo lỗi thì yêu cầu nhập lại và báo lỗi tương ứng</p> <p>3. Ở bước 2.3 dòng sự kiện chính nếu tạo phiếu nhập thành công thì hiển thị thông báo thành công và tạo không thành công thì báo lỗi</p>
Tiền điều kiện	Quản lý và nhân viên nhập hàng phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện chức năng quản lý phiếu nhập

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Hậu điều kiện	Nếu Use case thành công thì việc quản lý phiếu nhập theo yêu cầu của quản lý và nhân viên nhập hàng được thực hiện ngược lại thì hệ thống sẽ không có gì thay đổi
----------------------	---

Bảng 3.7 Đặc tả use case Quản lý nhập hàng

3.8. Đặc tả use case Quản lý giao hàng

Mô tả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tên use case: Quản lý giao hàng 2. Mục đích: Chức năng này hỗ trợ cho quản lý và nhân viên giao hàng xem, tìm kiếm, cập nhật trạng thái cho đơn hàng 3. Tóm lược: Chức năng này bắt đầu khi quản lý và nhân viên giao hàng chọn vào nút “Quản lý giao hàng”. 4. Tác nhân: Quản lý và nhân viên giao hàng 5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật: 6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Nho Thạch
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý hoặc nhân viên giao hàng chọn nút “Quản lý giao hàng” trên Menu 2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng đang giao trên hệ thống <ol style="list-style-type: none"> 2.1 Nếu quản lý hoặc nhân viên giao hàng “Xem đơn hàng giao” thì chọn vào một đơn hàng cụ thể thì giao diện sẽ hiển thị lên chi tiết đơn hàng và trạng thái hiện tại có thể là chưa xử lý, đã xử lý, đang vận chuyển, đã giao thành công, giao hàng thất bại. 2.2 Nếu quản lý hoặc nhân viên giao hàng “Tìm kiếm đơn hàng giao” rồi chọn vào mục ngày hoặc theo mã đơn hàng để tìm kiếm theo phương thức phù hợp

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	<p>2.3 Nếu quản lý hoặc nhân viên giao hàng “<i>Cập nhập trạng thái</i>” thì chọn vào một đơn hàng cụ thể rồi chọn vào “<i>Giao hàng thành công</i>” để đổi trạng thái đơn hàng nếu giao thành công, còn nếu giao hàng thất bại thì chuyển trạng thái sang “<i>Giao hàng thất bại</i>”</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật thông tin</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Ở bước 2 dòng sự kiện chính nếu quản lý hoặc nhân viên giao hàng không muốn thực hiện chức năng quản lý giao hàng thì chọn nút “<i>Quay lại</i>” sau đó hệ thống sẽ chuyển sang giao diện chính của hệ thống</p> <p>2. Ở bước 2.3 dòng sự kiện chính nếu đơn hàng chưa chuyển sang trạng thái đang vận chuyển thì quản lý hoặc nhân viên giao hàng không thể cập nhập trạng thái cho đơn hàng</p>
Tiền điều kiện	Quản lý và nhân viên giao hàng phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện chức năng quản lý giao hàng
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì việc quản lý giao hàng theo yêu cầu của quản lý và nhân viên giao hàng được thực hiện ngược lại thì hệ thống sẽ không có gì thay đổi

Bảng 3.8 Đặc tả use case Quản lý giao hàng

3.9. Đặc tả use case Quản lý giờ hàng

Mô tả	<p>1. Tên use case: Quản lý tài khoản giờ hàng</p> <p>2. Mục đích: chức năng này hỗ trợ cho khách hàng quản lý giờ hàng của mình trên trang web</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi khách hàng chọn vào nút “<i>Giờ hàng</i>” trên giao diện khách hàng.</p> <p>4. Tác nhân: Khách hàng</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p>
--------------	---

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	6. Phiên bản: 1.0	Người phụ trách: Trung Nguyên
Dòng sự kiện chính	<p>1. Trên giao diện trang chủ, khách hàng chọn vào nút “<i>Giỏ hàng</i>”</p> <p>2. Hệ thống hiển thị giao diện giỏ hàng để khách hàng có thể thay đổi số lượng, thông tin của sản phẩm hoặc huỷ bỏ sản phẩm đã thêm vào giỏ hàng</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra số lượng, thông tin sản phẩm trong giỏ hàng của khách hàng và cập nhật lại giỏ hàng của khách hàng</p>	
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Tại bước 1 trong dòng sự kiện chính, nếu khách hàng chưa đăng nhập thì hệ thống sẽ thông báo và chuyển sang giao diện đăng nhập</p> <p>2. Tại bước 2 trong dòng sự kiện chính, nếu khách hàng chọn thiếu thông tin sản phẩm thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi tương ứng và cho phép khách hàng chọn lại</p> <p>3. Tại bước 2 trong dòng sự kiện chính, nếu giỏ hàng trống thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo giỏ hàng trống và “<i>Tiếp tục mua hàng</i>”</p>	
Tiền điều kiện	1. Khách hàng phải có tài khoản và đăng nhập vào trang web.	
Hậu điều kiện	<p>1. Nếu thực hiện thay đổi thành công, giỏ hàng của khách hàng sẽ được cập nhật lại.</p> <p>2. Nếu thực hiện thay đổi thất bại, hệ thống sẽ thông báo lỗi lên giao diện và yêu cầu chọn lại</p>	

Bảng 3.9 Đặc tả use case Quản lý giỏ hàng

3.10. Đặc tả use case Quản lý tài khoản cá nhân

Mô tả	<p>1. Tên use case: Quản lý tài khoản cá nhân</p> <p>2. Mục đích: chức năng này hỗ trợ cho khách hàng quản lý tài khoản cá nhân của mình trên trang web</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi khách hàng chọn vào nút “<i>Tài khoản</i>” trên giao diện khách hàng</p> <p>4. Tác nhân: Khách hàng</p>
--------------	---

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	<p>5. Ngày lập: 24/11/2021</p> <p>6. Phiên bản: 1.0</p>	<p>Ngày cập nhật:</p> <p>Người phụ trách: Trung Nguyên</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Trên giao diện trang chủ, khách hàng chọn vào nút “<i>Tài khoản</i>”</p> <p>2. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin khách để khách hàng có thể xem hoặc thay đổi thông tin cá nhân, sau đó chọn vào nút “<i>Lưu</i>”</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và cập nhật lại thông tin cá nhân của khách hàng</p>	
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Tại bước 1 trong dòng sự kiện chính, nếu khách hàng chưa đăng nhập hệ thống sẽ hiển thị nút “<i>Đăng nhập</i>” không hiển thị nút “<i>Tài khoản</i>”, sau khi khách hàng đăng nhập tài khoản, nút “<i>Tài khoản</i>” sẽ được hiển thị</p> <p>2. Tại bước 2 trong dòng sự kiện chính, nếu khách hàng không thay đổi thông tin cá nhân thì có thể chọn nút “<i>Thoát</i>” để trở về giao diện trang chủ</p>	
Tiền điều kiện	<p>1. Khách hàng phải có tài khoản và đăng nhập vào trang web.</p>	
Hậu điều kiện	<p>1. Nếu thực hiện lưu thành công, thông tin cá nhân của khách hàng sẽ được cập nhật lại và hệ thống sẽ chuyển về trang chủ.</p> <p>2. Nếu thực hiện lưu thất bại, hệ thống sẽ thông báo lỗi lên giao diện và yêu cầu nhập lại.</p>	

Bảng 3.10 Đặc tả use case Quản lý tài khoản

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

3.11. Đặc tả use case Quản lý đơn đặt hàng

Mô tả	<p>1. Tên use case: Quản lý đơn đặt hàng</p> <p>2. Mục đích: chức năng này hỗ trợ cho khách hàng xem hoặc huỷ đơn đặt hàng trên trang web</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi khách hàng chọn vào nút “<i>Đơn đặt hàng</i>” trên giao diện khách hàng</p> <p>4. Tác nhân: Khách hàng</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Trên giao diện khách hàng, khách hàng chọn vào nút “<i>Đơn đặt hàng</i>”</p> <p>2. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách đơn đặt hàng đã đặt để khách hàng có thể chọn một đơn đặt hàng để xem thông tin chi tiết hoặc huỷ đơn hàng đó</p> <p style="padding-left: 2em;">2.1. Nếu khách hàng chỉ xem đơn đặt hàng thì khách hàng có thể chọn nút “<i>Thoát</i>” để trở về giao diện danh sách đơn đặt hàng</p> <p style="padding-left: 2em;">2.2. Nếu khách hàng chọn nút “<i>Huỷ đơn hàng</i>” thì hệ thống sẽ hiển thị giao diện để khách hàng nhập lý do huỷ đơn hàng, sau đó chọn nút “<i>Xác nhận</i>”, rồi chuyển sang bước 3</p> <p>3. Hệ thống sẽ kiểm tra trạng thái đơn hàng và xử lý huỷ đơn đặt hàng</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Tại bước 1, nếu không có đơn đặt hàng nào hệ thống sẽ hiển thị thông báo đơn đặt hàng trống</p>

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	2. Tại bước 2.2 nếu trạng thái đơn hàng đã xử lý thì hệ thống thông báo khách hàng không thể huỷ đơn hàng đó
Tiền điều kiện	1. Khách hàng phải có tài khoản và đăng nhập vào trang web.
Hậu điều kiện	1. Nếu thực hiện huỷ đơn đặt hàng thành công, đơn đặt hàng sẽ được huỷ và hệ thống sẽ hiển thị thông báo lên giao diện 2. Nếu thực hiện đơn đặt hàng thất bại, hệ thống sẽ thông báo lên giao diện

Bảng 3.11 Đặc tả use case Quản lý đơn đặt hàng

3.12. Đặc tả use case Xem sản phẩm

Mô tả	1. Tên use case: Xem sản phẩm 2. Mục đích: chức năng này cho phép người dùng xem thông tin chi tiết sản phẩm. 3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi người dùng chọn vào nút “Xem sản phẩm”. 4. Tác nhân: Khách, thành viên 5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật: 6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Nho Thạch
Dòng sự kiện chính	1. Use case bắt đầu khi một người dùng muốn xem thông tin chi tiết của sản phẩm. 2. Hệ thống hiển thị các trang có chức năng hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm đã chọn.
Dòng sự kiện phụ	Không có
Tiền điều kiện	Người dùng phải chọn chức năng xem sản phẩm trên menu website và use case bắt đầu.
Hậu điều kiện	Nếu use-case thành công, hệ thống chuyển sang trang chi tiết

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Sản phẩm. Nếu không, trạng thái hệ thống không thay đổi.

Bảng 3.12 Đặc tả use case Xem sản phẩm

3.13. Đặc tả use case Tìm kiếm sản phẩm

Mô tả	<p>1.Tên use case: Tìm kiếm sản phẩm</p> <p>2.Mục đích: người dùng tra cứu thông tin sản phẩm được lưu trong hệ thống. Bao gồm các thao tác tìm kiếm kết hợp với các đặc điểm từ khoá, giá, ...</p> <p>3.Tóm lược: chức năng bắt đầu khi người quản lý chọn chức năng “Tìm kiếm sản phẩm”.</p> <p>4.Tác nhân: Khách ngoại lai, Khách thành viên</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Nho Thạch</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1.Usecase bắt đầu khi người dùng muốn tìm kiếm, tra cứu thông tin sản phẩm trong hệ thống.</p> <p>2.Người dùng chọn chức năng muốn thực hiện.</p> <p>3. Hiển thị giao diện tìm kiếm với người dùng.</p> <p>4. Chọn các điều kiện tìm kiếm như theo từ khoá, giá...</p> <p>5. Danh sách các sản phẩm thỏa điều kiện sẽ hiển thị ra.</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Nếu trong dòng sự kiện chính người dùng không nhập yêu cầu tìm kiếm nhưng chọn thực hiện chức năng thì giao diện hệ thống sẽ không thay đổi, không có kết quả hiển thị ra. Usecase không thực hiện.</p> <p>2. Không có sản phẩm nào được tìm thấy thỏa điều kiện cho phép. Lúc này hệ thống sẽ hiển thị trang kết quả không có nội dung và usecase sẽ kết thúc.</p>

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Tiền điều kiện	Người dùng phải chọn chức năng tìm kiếm và usecase bắt đầu.
Hậu điều kiện	Nếu use case thực hiện thành công thì sẽ có trang kết quả hiển thị nội dung tìm được đến người dùng. Ngược lại, trạng thái hệ thống sẽ hiển thị trang kết quả không có nội dung tìm thấy.

Bảng 3.13 Đặc tả use case Tìm kiếm sản phẩm

3.14. Đặc tả use case Đăng ký tài khoản

Mô tả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tên use case: Đăng ký 2. Mục đích: chức năng này cho phép khách hàng đăng ký để trở thành thành viên. 3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi khách hàng chọn vào nút “Đăng ký”. 4. Tác nhân: Khách hàng 5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật: 6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Use case bắt đầu khi khách hàng muốn đăng ký thành viên trên hệ thống website. 2. Hệ thống yêu cầu người dùng chọn phương thức liên kết để đăng nhập (bằng số điện thoại). 3. Hệ thống yêu cầu người dùng điền số điện thoại và mã xác nhận. 4. Hệ thống sẽ kiểm tra số điện thoại mà người dùng vừa nhập đã tồn tại chưa, nếu chưa thì đăng ký thành công, ngược lại thì hiển thị thông báo.
Dòng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tại bước 3 trong dòng sự kiện chính:

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	<p>1.1. Nếu người dùng nhập sai số điện thoại, nhập thông tin không hợp lệ và sai mã kiểm tra thì hệ thống sẽ báo lỗi người dùng phải nhập lại hoặc hủy bỏ.</p> <p>1.2. Đăng ký kết thúc.</p>
Tiền điều kiện	Người dùng phải chọn chức năng đăng ký.
Hậu điều kiện	Nếu use case thực hiện thành công thì sẽ có thông báo đăng ký thành công. Ngược lại thì quá trình không được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống.

Bảng 3.14 Đặc tả use case Đăng ký tài khoản

3.15. Đặc tả use case Mua hàng

Mô tả	<p>1. Tên use case: Mua hàng</p> <p>2. Mục đích: chức năng này hỗ trợ cho khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng trên trang web</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi khách hàng chọn vào nút “Chi tiết sản phẩm” của sản phẩm cần mua trên giao diện danh sách sản phẩm</p> <p>4. Tác nhân: Khách hàng</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Trên giao diện danh sách sản phẩm, khách hàng chọn vào nút “Chi tiết sản phẩm” của sản phẩm cần mua</p> <p>2. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin chi tiết của sản phẩm để khách hàng chọn thông tin sản phẩm cần mua, sau đó chọn nút “Mua hàng”</p>

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	3. Hệ thống kiểm tra thông tin và xử lý thêm sản phẩm vào giỏ hàng
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Tại bước 2, nếu người dùng chọn thiếu thông tin sản phẩm hệ thống sẽ thông báo lỗi tương ứng và cho phép khách hàng chọn lại</p> <p>2. Tại bước 2 trong dòng sự kiện chính, nếu khách hàng chưa đăng nhập thì hệ thống sẽ thông báo và chuyển về trang đăng nhập</p>
Tiền điều kiện	<p>1. Sản phẩm không phải là sản phẩm hết hàng</p> <p>2. Khách hàng phải có tài khoản và đăng nhập vào trang web.</p>
Hậu điều kiện	<p>1. Nếu thực hiện mua hàng thành công, sản phẩm sẽ được thêm vào giỏ hàng và hệ thống sẽ thông báo lên giao diện</p> <p>2. Nếu thực hiện mua hàng thất bại, hệ thống sẽ thông báo lên giao diện</p>

Bảng 3.15 Đặc tả use case Mua hàng

3.16. Đặc tả use case Thay đổi mật khẩu

Mô tả	<p>1.Tên use case: Thay đổi mật khẩu</p> <p>2.Mục đích: chức năng này cho người dùng thay đổi mật khẩu để bảo vệ tài khoản.</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi người dùng chọn chức năng “Thay đổi mật khẩu”</p> <p>4. Tác nhân: khách hàng</p> <p>5. Ngày lập: 28/10/2021 Ngày cập nhật:</p> <p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Nho Thạch</p>
--------------	--

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thay đổi mật khẩu 2. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng thay đổi mật khẩu. 3. Người dùng điền thông tin mật khẩu cũ để xác minh, mật khẩu mới để thay đổi và xác minh lại mật khẩu mới trùng khớp với mật khẩu cần thay đổi. 4. Người dùng yêu cầu thay đổi mật khẩu. 5. Hệ thống sẽ kiểm tra mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới có trùng khớp hay không và tiến hành thay đổi mật khẩu.
Dòng sự kiện phụ	Hệ thống sẽ thông báo lỗi nếu thông tin mật khẩu đổi tương ứng cung cấp không đúng hoặc không trùng khớp.
Tiền điều kiện	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống thì mới thực hiện được chức năng này.
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì sẽ cập nhật mật khẩu mới vào hệ thống. Ngược lại, hệ thống sẽ hiển thị thông báo cập nhật thất bại.

Bảng 3.16 Đặc tả use case Thay đổi mật khẩu

3.17. Đặc tả use case Đặt hàng

Mô tả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tên use case: Đặt hàng 2. Mục đích: chức năng này hỗ trợ cho khách hàng đặt hàng trên trang web 3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi khách hàng chọn vào nút “Đặt hàng” trên giỏ hàng 4. Tác nhân: Khách hàng 5. Ngày lập: 24/11/2021 6. Ngày cập nhật: Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Trung Nguyên
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trên giao diện giỏ hàng, khách hàng chọn vào nút “Đặt hàng”

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	<p>2. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách sản phẩm đã chọn; nhập thông tin giao hàng và hình thức thanh toán để khách hàng điền thông tin, sau đó chọn vào nút “Xác nhận”</p> <p>3. Hệ thống kiểm tra thông tin và xử lý đặt hàng</p>
Dòng sự kiện phụ	<p>1. Tại bước 2, nếu người dùng chọn thanh toán trực tuyến thì hệ thống sẽ kết nối đến hệ thống thanh toán trực tuyến để thực hiện thanh toán.</p> <p>2. Tại bước 2 trong dòng sự kiện chính, nếu khách hàng nhập thiếu thông tin giao hàng và hình thức thanh toán thì hệ thống sẽ thông báo lỗi tương ứng và cho phép khách hàng nhập lại</p>
Tiền điều kiện	<p>1. Giỏ hàng phải có sản phẩm</p> <p>2. Khách hàng phải có tài khoản và đăng nhập vào trang web.</p>
Hậu điều kiện	<p>1. Nếu thực hiện đặt hàng thành công, một đơn hàng sẽ được tạo ra và hệ thống sẽ chuyển về trang chủ.</p> <p>2. Nếu thực hiện đặt hàng thất bại, hệ thống sẽ thông báo lên giao diện và chuyển về trang chủ.</p>

Bảng 3.17 Đặc tả use case Đặt hàng

3.18. Đặc tả use case Thanh toán

Mô tả	<p>1. Tên use case: Thanh toán</p> <p>2. Mục đích: chức năng này cho phép người dùng thanh toán tiền mua sản phẩm của website.</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi người dùng chọn vào nút “Thanh toán”.</p> <p>4. Tác nhân: Thành viên</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021 Ngày cập nhật:</p>
--------------	---

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	<p>6. Phiên bản: 1.0 Người phụ trách: Nho Thạch</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Use case bắt đầu khi người dùng muốn đặt một sản phẩm nào đó.</p> <p>V. Người dùng chọn chức năng thanh toán bằng khi nhận hàng hoặc online.</p> <p>2.1 Thanh toán khi nhận hàng: khách hàng sẽ thanh toán khi sản phẩm được giao đến tay người nhận.</p> <p>2.2 Thanh toán bằng hình thức online: khách hàng có thể lựa chọn các hình thức thanh toán online thông qua ví điện tử hoặc thanh toán qua thẻ Visa/ Mastercard.</p> <p>VI. Khách hàng xác nhận việc thanh toán.</p>
Dòng sự kiện phụ	Nếu khách hàng hủy thanh toán thì sản phẩm họ đang mua sẽ hủy bỏ.
Tiền điều kiện	Người dùng chọn chức năng đặt hàng sản phẩm vừa chọn thì use case sẽ bắt đầu.
Hậu điều kiện	Nếu use case thực hiện thành công quá trình thanh toán thì sẽ có thông báo tương ứng. Ngược lại quá trình không được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống.

Bảng 3.18 Đặc tả use case Thanh toán

3.19. Đặc tả use case Thống kê doanh thu

Mô tả	<p>1. Tên use case: Thống kê, báo cáo</p> <p>2. Mục đích: chức năng này cho phép thống kê doanh thu theo thời gian cố định (tháng, quý, năm) hoặc thời gian bất kì.</p> <p>3. Tóm lược: chức năng này bắt đầu khi nhân viên chọn vào nút “Thống kê” trên Menu.</p>
--------------	---

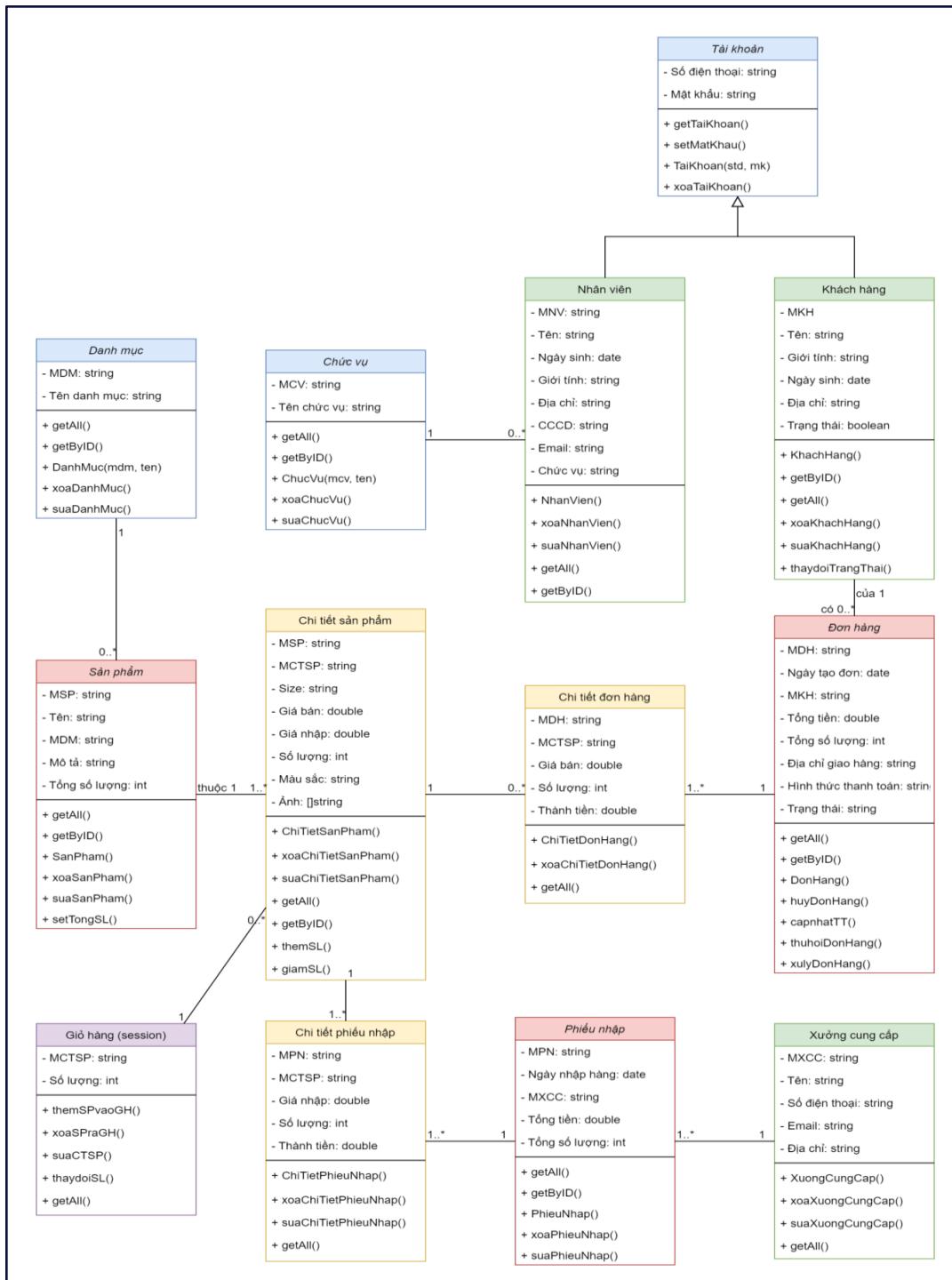
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

	<p>4. Tác nhân: Quản lý</p> <p>5. Ngày lập: 24/11/2021</p> <p>6. Phiên bản: 1.0</p>	<p>Ngày cập nhật:</p> <p>Người phụ trách: Huỳnh Như</p>
Dòng sự kiện chính	<p>1. Người quản lý chọn nút “<i>Thông kê</i>” trên Menu.</p> <p>2. Hệ thống cho phép người quản lý chọn khoản thời gian muốn xem thống kê thu chi của cửa hàng. Người quản lý chọn nút “<i>Lọc</i>”.</p> <p>3. Hệ thống truy xuất các thông tin cần thiết trong cơ sở dữ liệu để hiển thị danh sách các sản phẩm đã nhập hoặc xuất, doanh thu cửa hàng và sản phẩm bán chạy.</p> <p>4. Người quản lý có thể chọn nút “<i>Tạo báo cáo</i>” để xuất danh sách thống kê.</p> <p>5. Hệ thống dựa trên yêu cầu xuất, tạo bản báo cáo thành file tự động tải xuống cho người quản lý</p>	
Dòng sự kiện phụ	Không có	
Tiền điều kiện	Người quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện chức năng thống kê báo cáo.	
Hậu điều kiện	Nếu use case thành công thì việc thống kê doanh thu được tìm kiếm và sắp xếp cũng như có thể tạo báo cáo theo yêu cầu của người quản lý trong hệ thống	

Bảng 3.19 Đặc tả use case *Thông kê doanh thu*

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. BIỂU ĐỒ LỚP

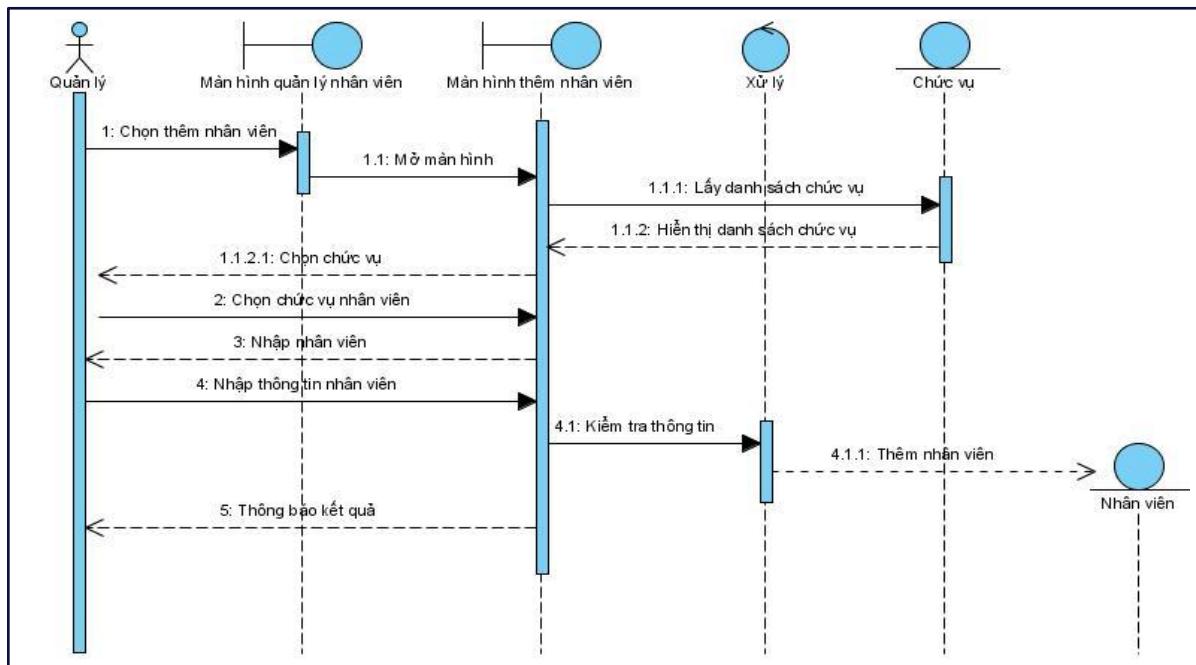


Hình 4 Biểu đồ lớp

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

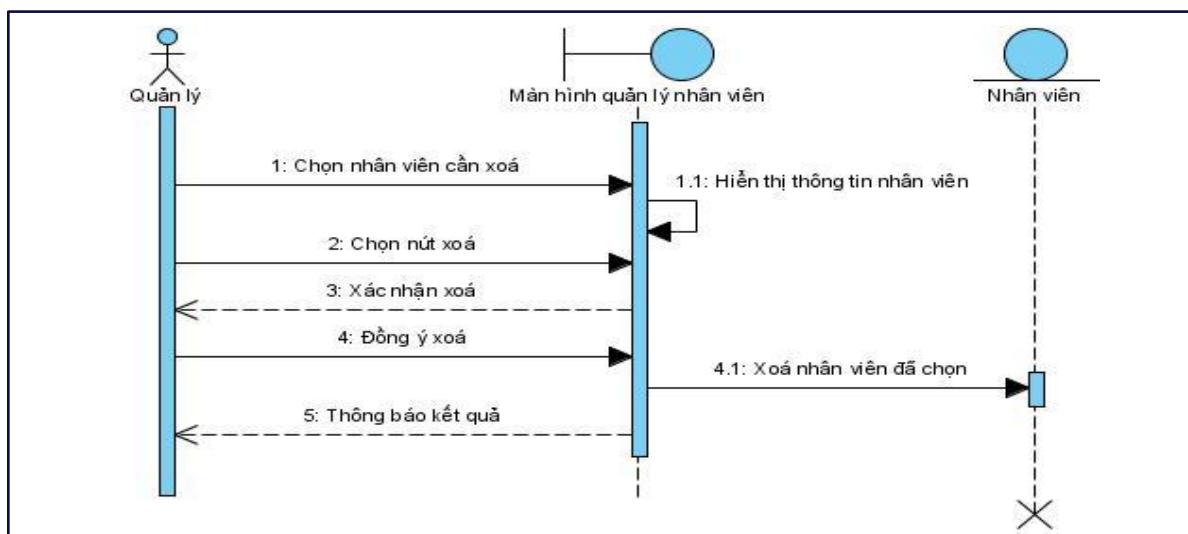
II. BIỂU ĐỒ TRÌNH TỰ

2.1. Thêm nhân viên



Hình 4.1 Biểu đồ trình tự Thêm nhân viên

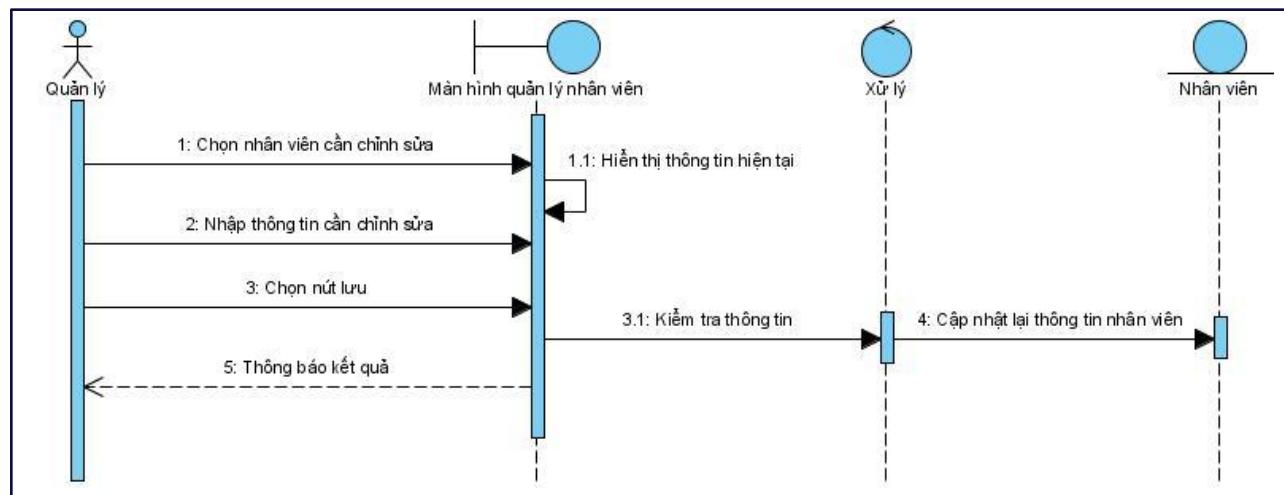
2.2. Xóa nhân viên



Hình 4.2 Biểu đồ trình tự Xóa nhân viên

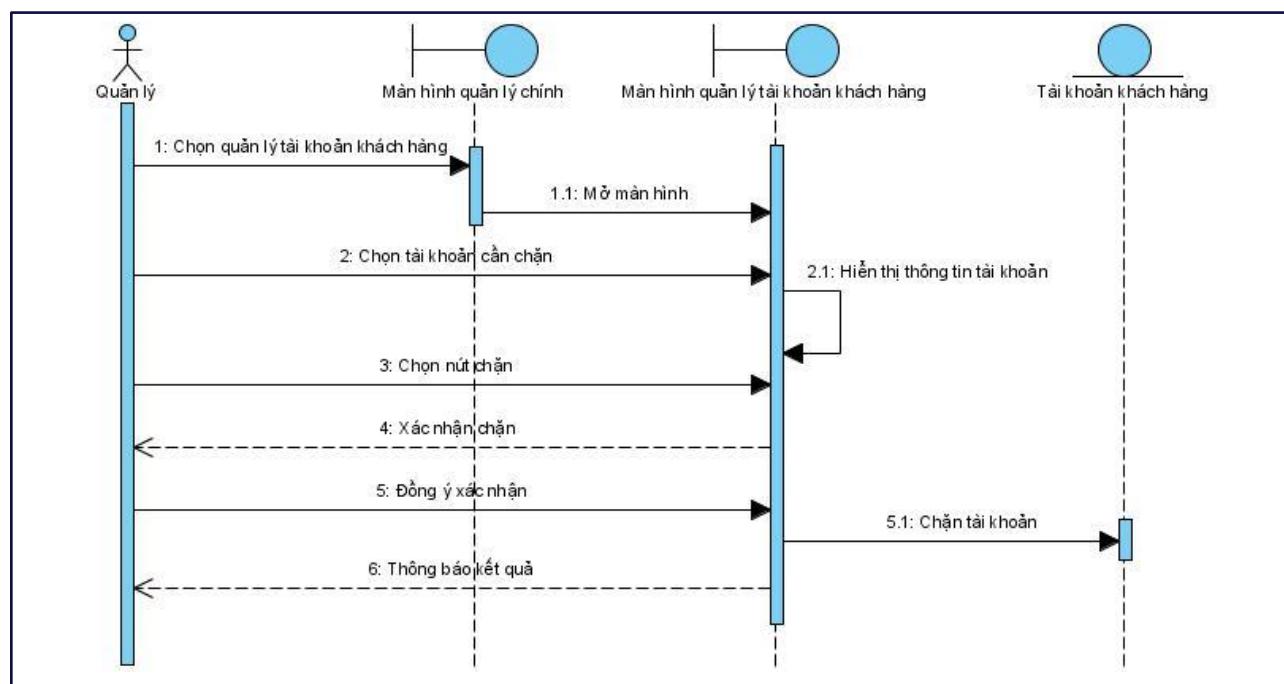
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

2.3. Sửa nhân viên



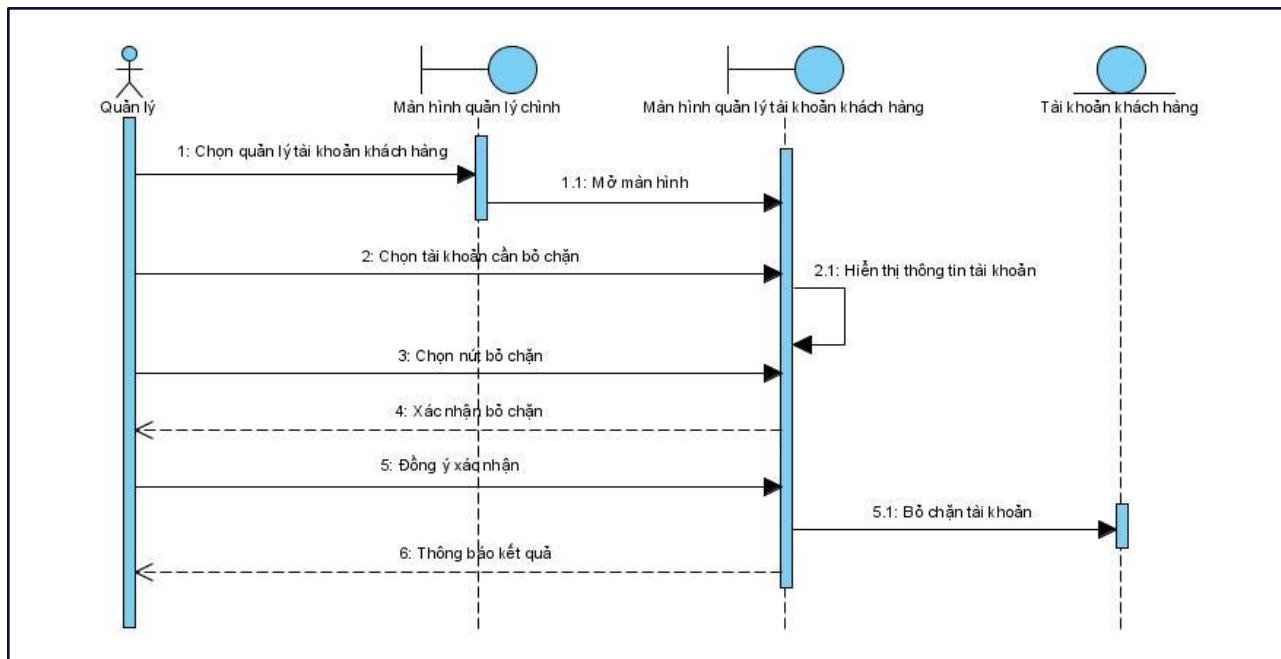
Hình 4.3 Biểu đồ trình tự Sửa nhân viên

2.4. Chặn tài khoản khách hàng



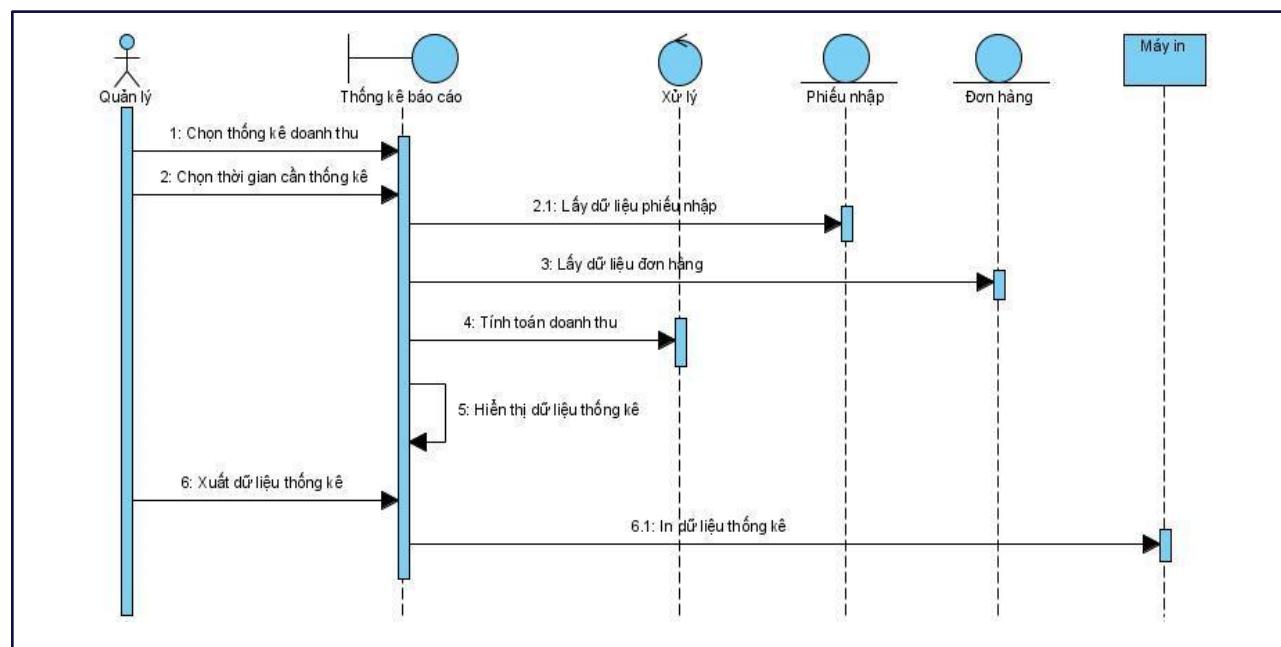
Hình 4.4 Biểu đồ trình tự Chặn tài khoản khách hàng

2.5. Bỏ chặn tài khoản khách hàng



Hình 4.5 Biểu đồ trình tự Bỏ chặn tài khoản khách hàng

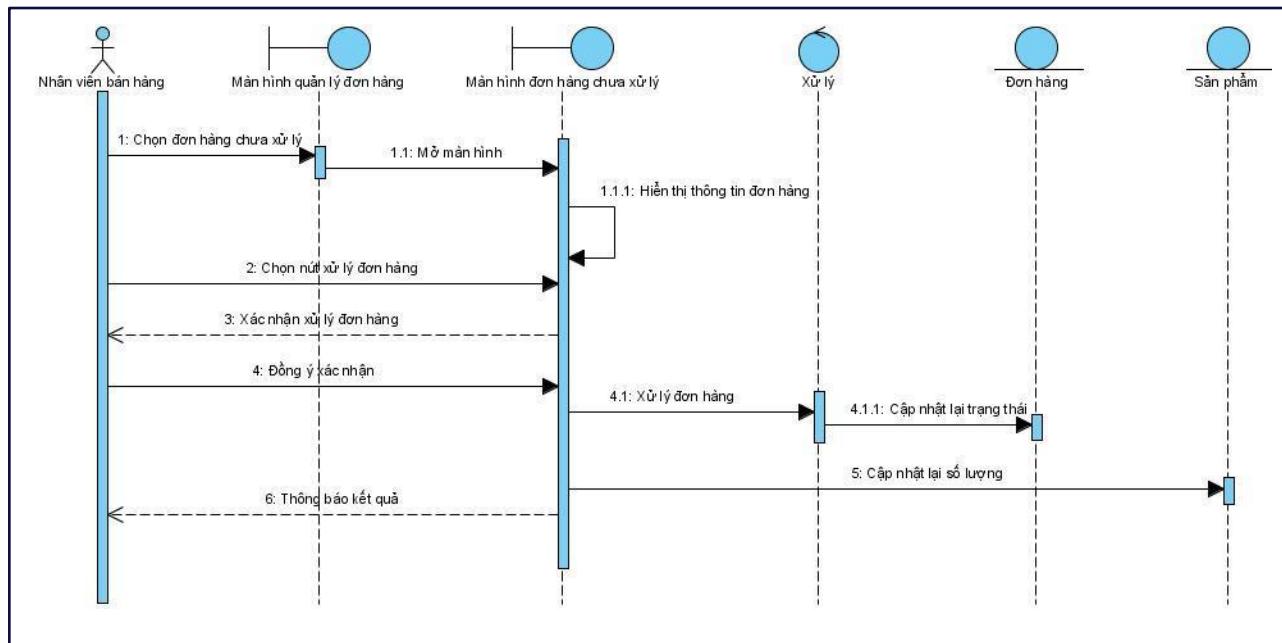
2.6. Thống kê doanh thu



Hình 4.6 Biểu đồ trình tự Thống kê doanh thu

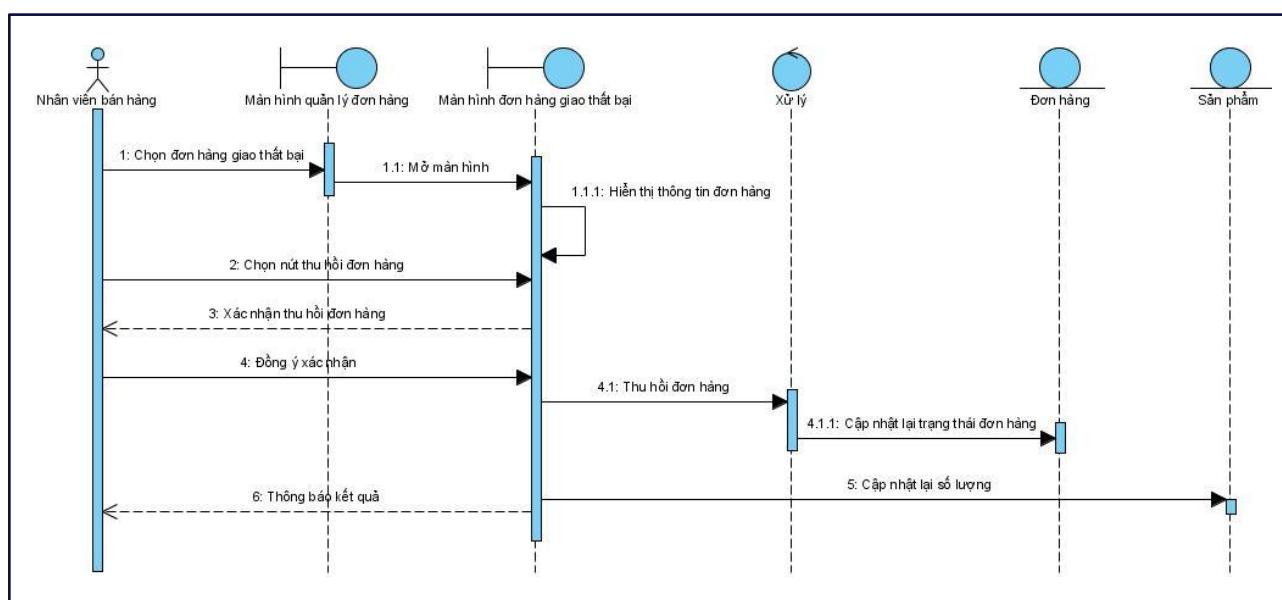
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

2.7. Xử lý đơn hàng



Hình 4.7 Biểu đồ trình tự Xử lý đơn hàng

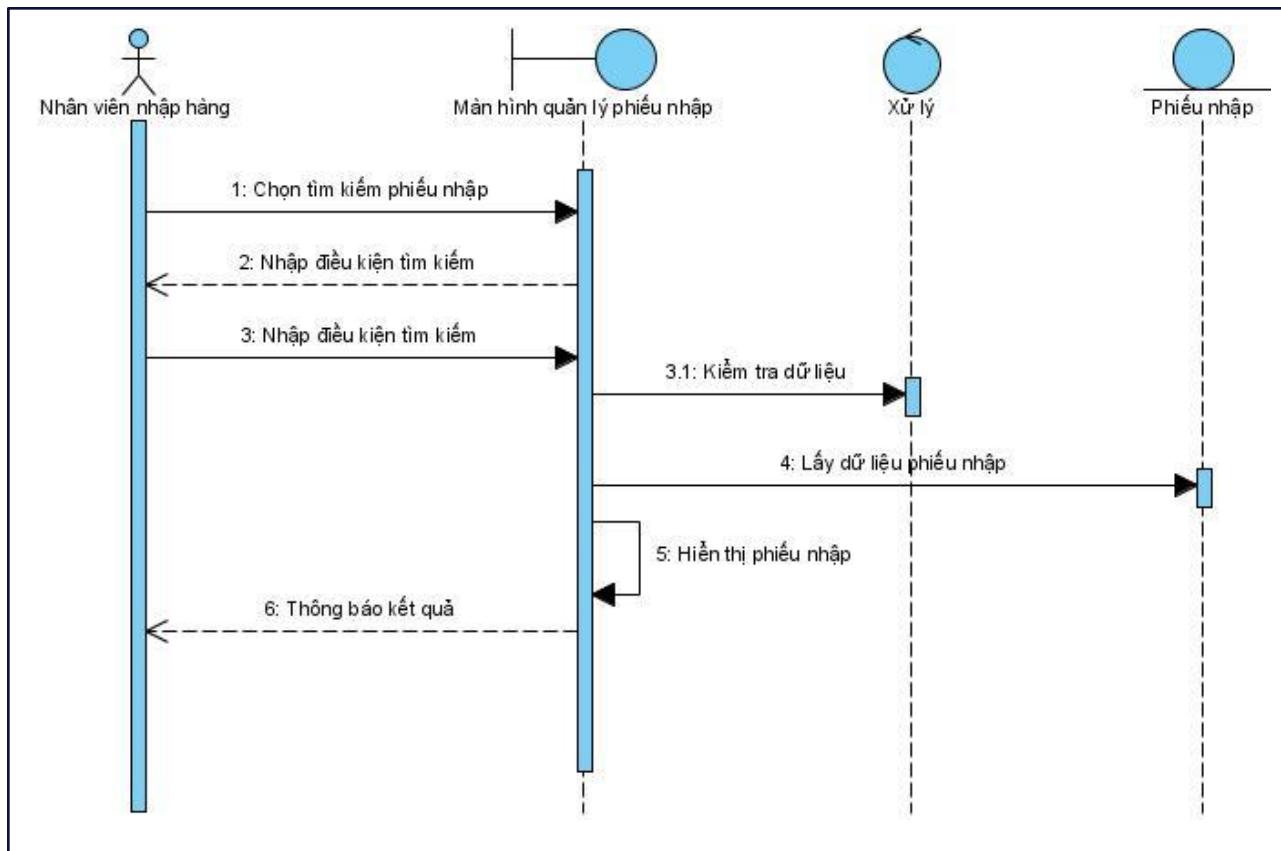
2.8. Thu hồi đơn hàng



Hình 4.8 Biểu đồ trình tự Thu hồi đơn hàng

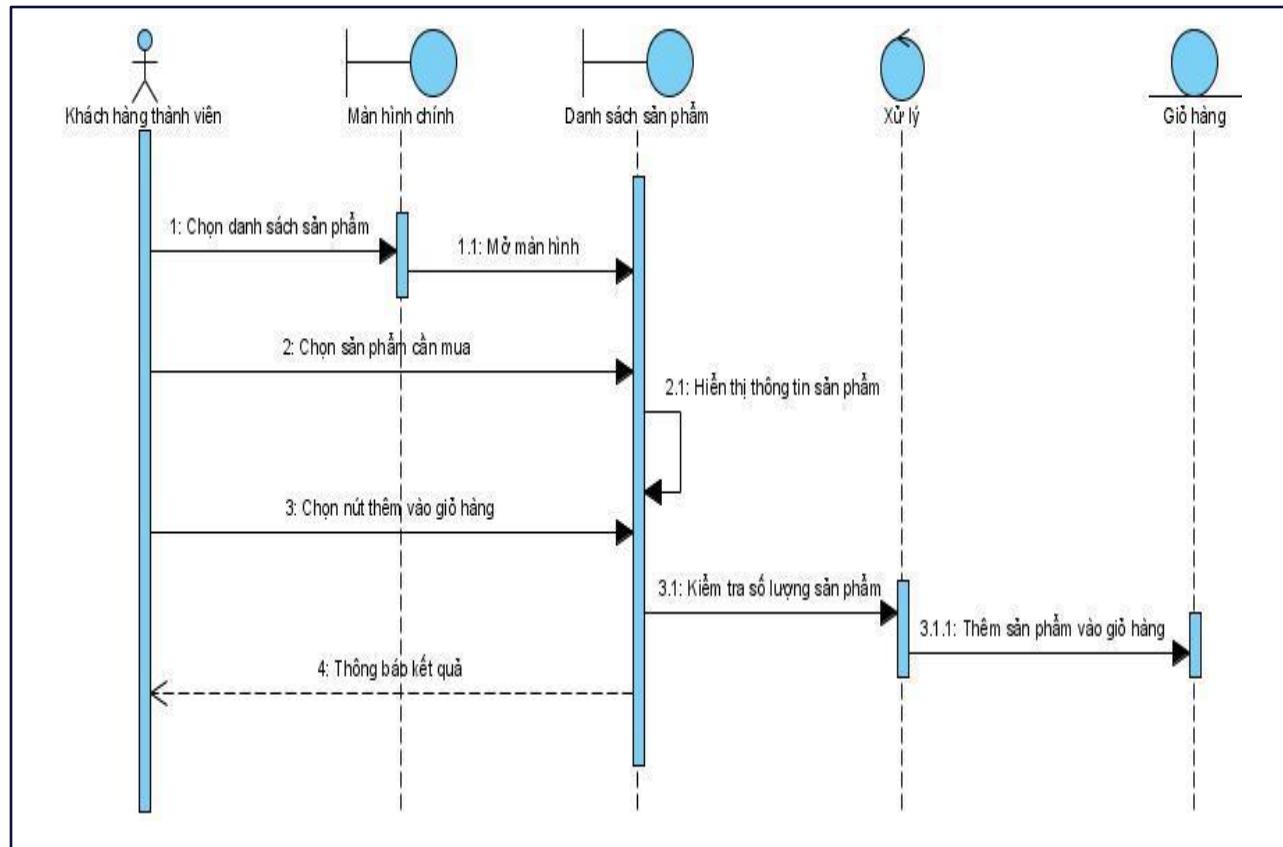
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

2.9. Tìm kiếm phiếu nhập



Hình 4.9 Biểu đồ trình tự Tìm kiếm phiếu nhập

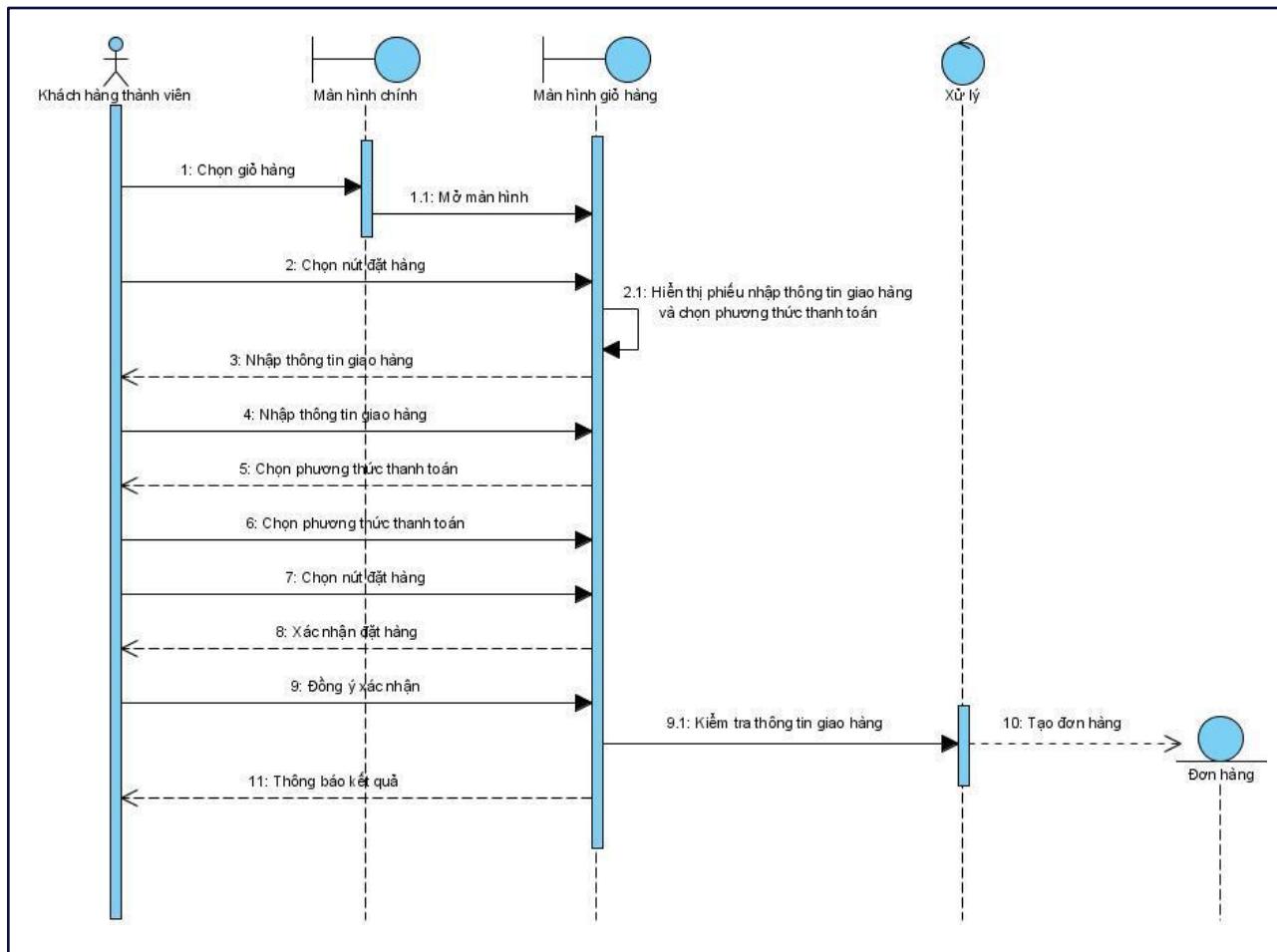
2.10. Mua hàng



Hình 4.10 Biểu đồ trình tự Mua hàng

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THÔNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

2.11. Đặt hàng

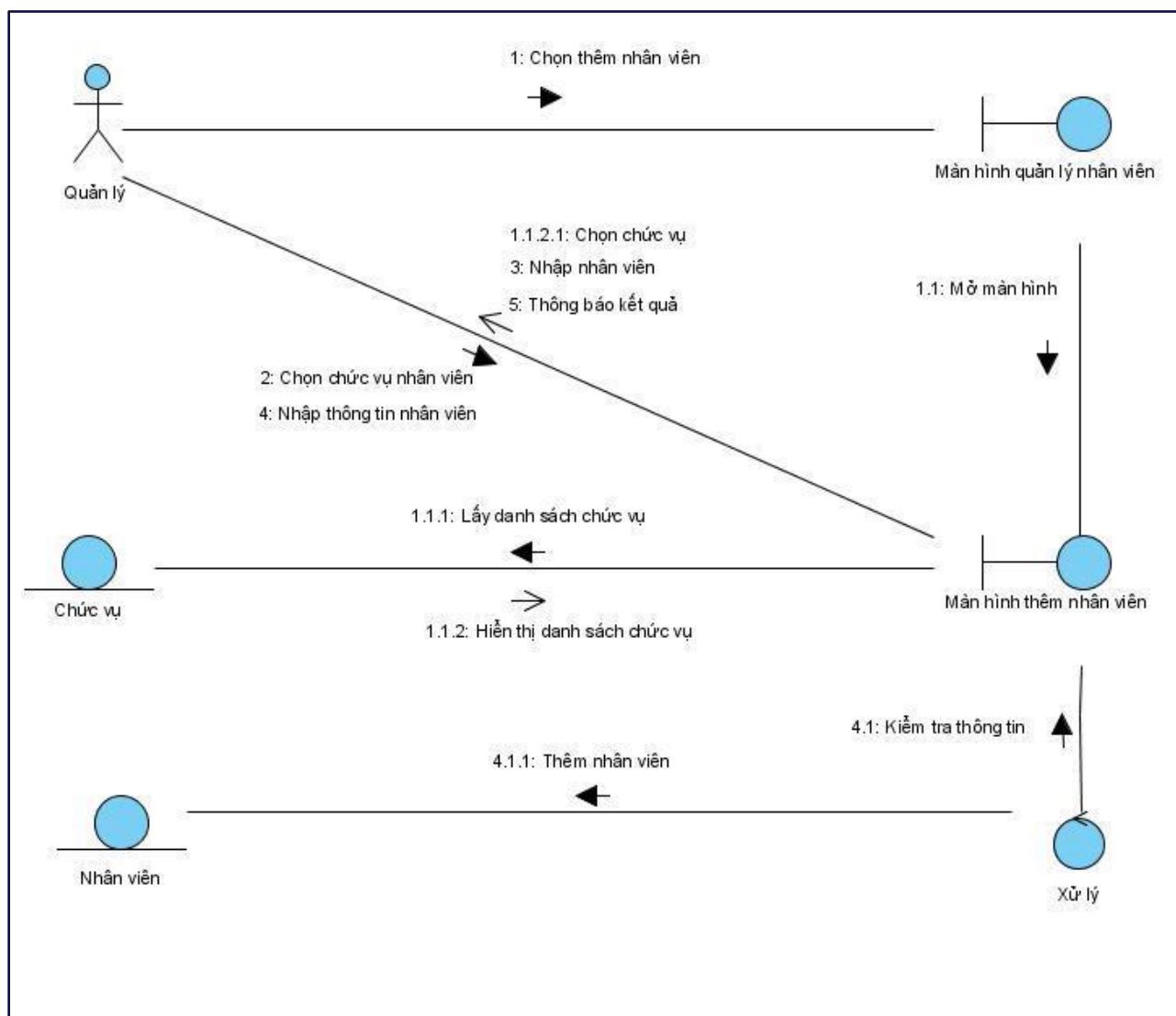


Hình 4.11 Biểu đồ trình tự Chặn tài khoản khách hàng

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

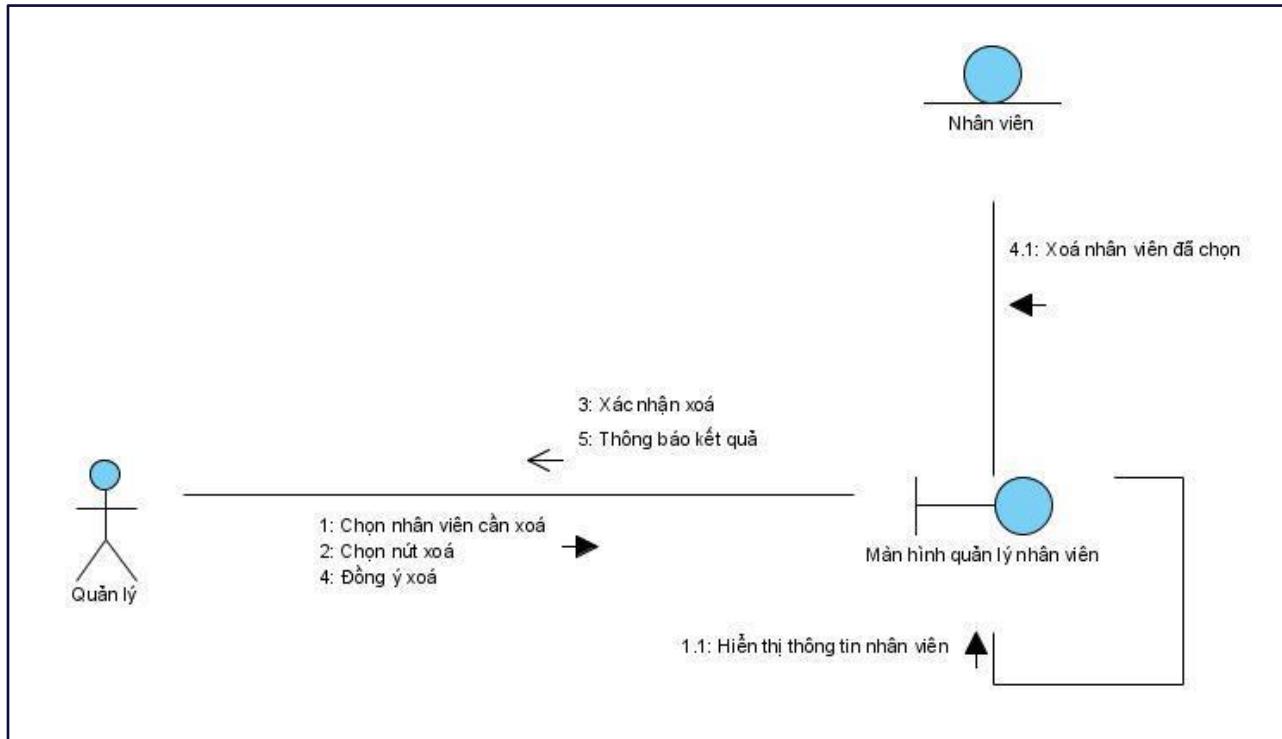
III. BIỂU ĐỒ CỘNG TÁC

3.1. Thêm nhân viên



Hình 4.12 Biểu đồ cộng tác Thêm nhân viên

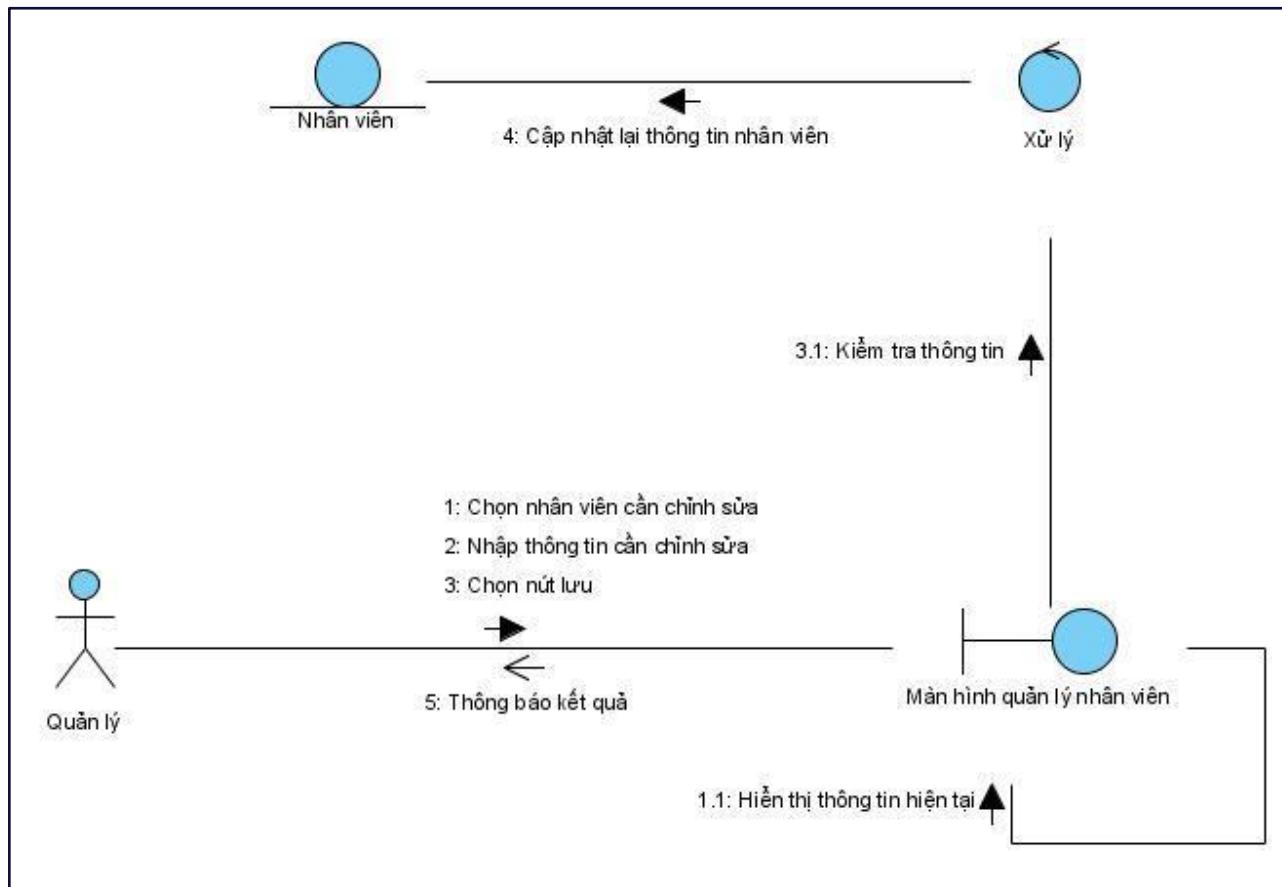
3.2. Xóa nhân viên



Hình 4.13 Biểu đồ cộng tác Xóa nhân viên

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

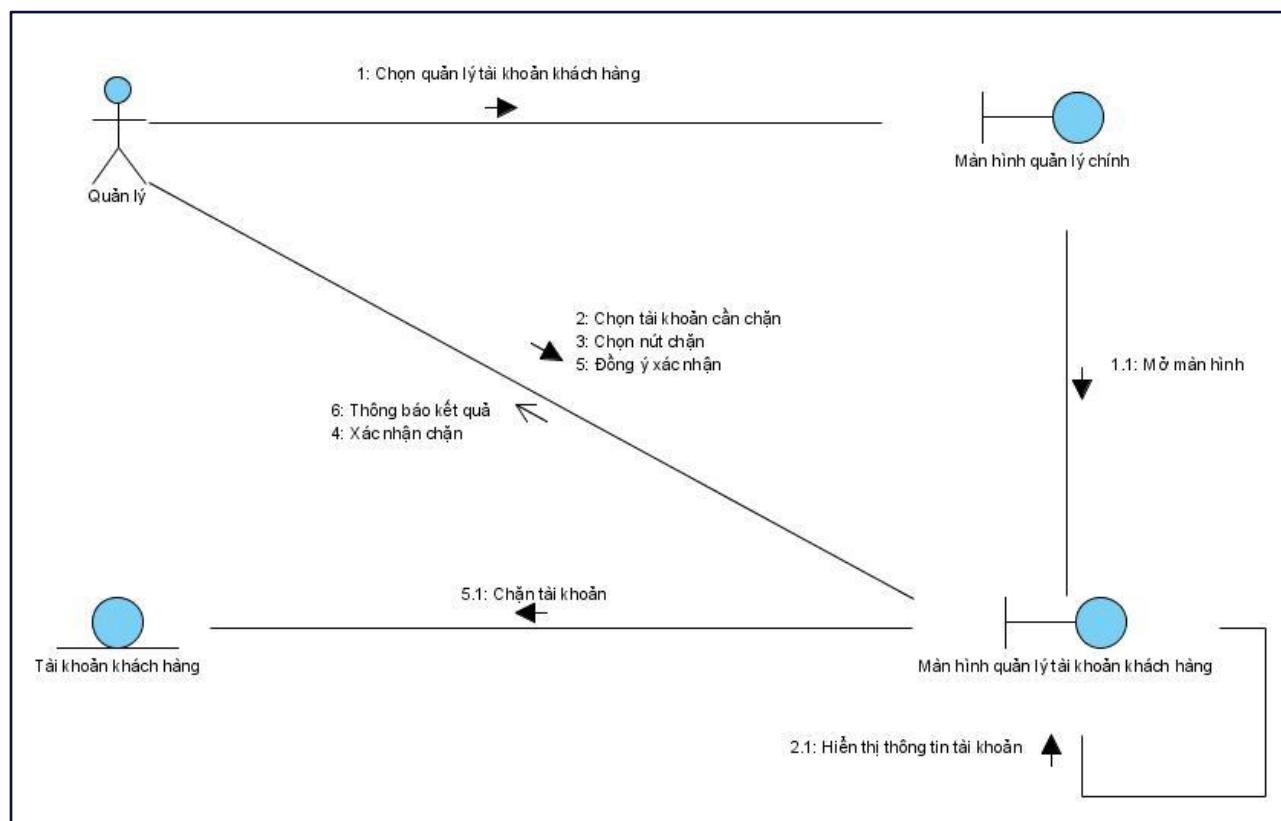
3.3. Sửa nhân viên



Hình 4.14 Biểu đồ cộng tác Sửa nhân viên

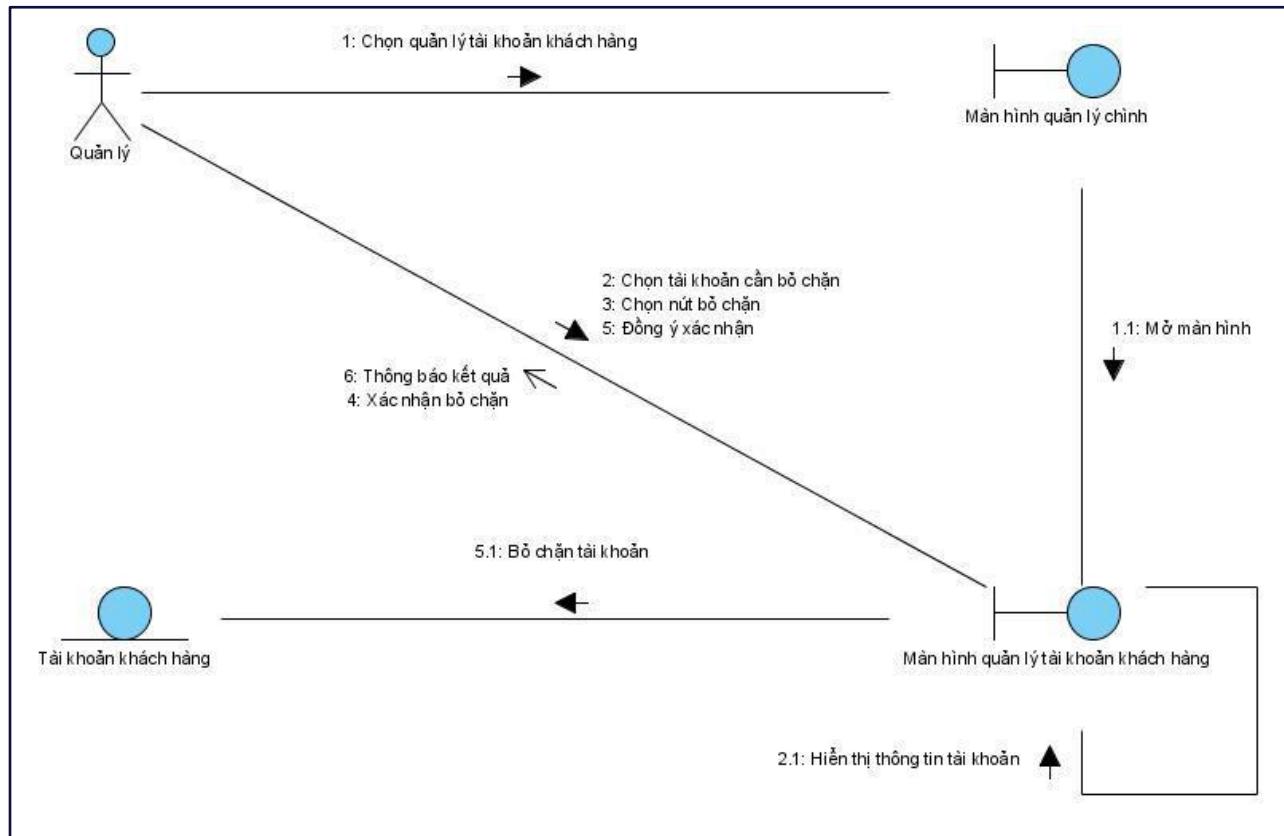
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

3.4. Chặn tài khoản khách hàng



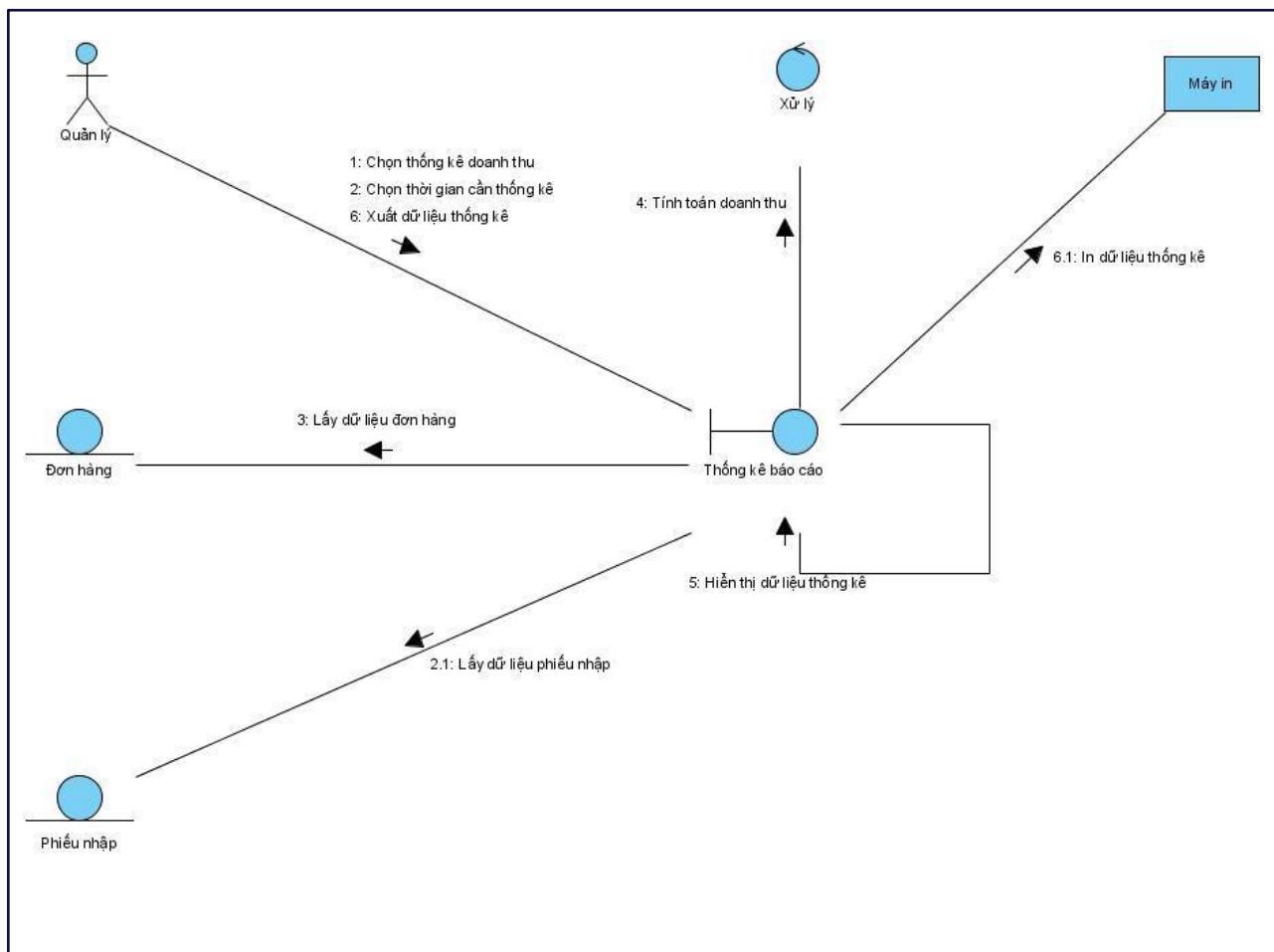
Hình 4.15 Biểu đồ công tác Chặn tài khoản khách hàng

3.5. Bỏ chặn tài khoản khách hàng



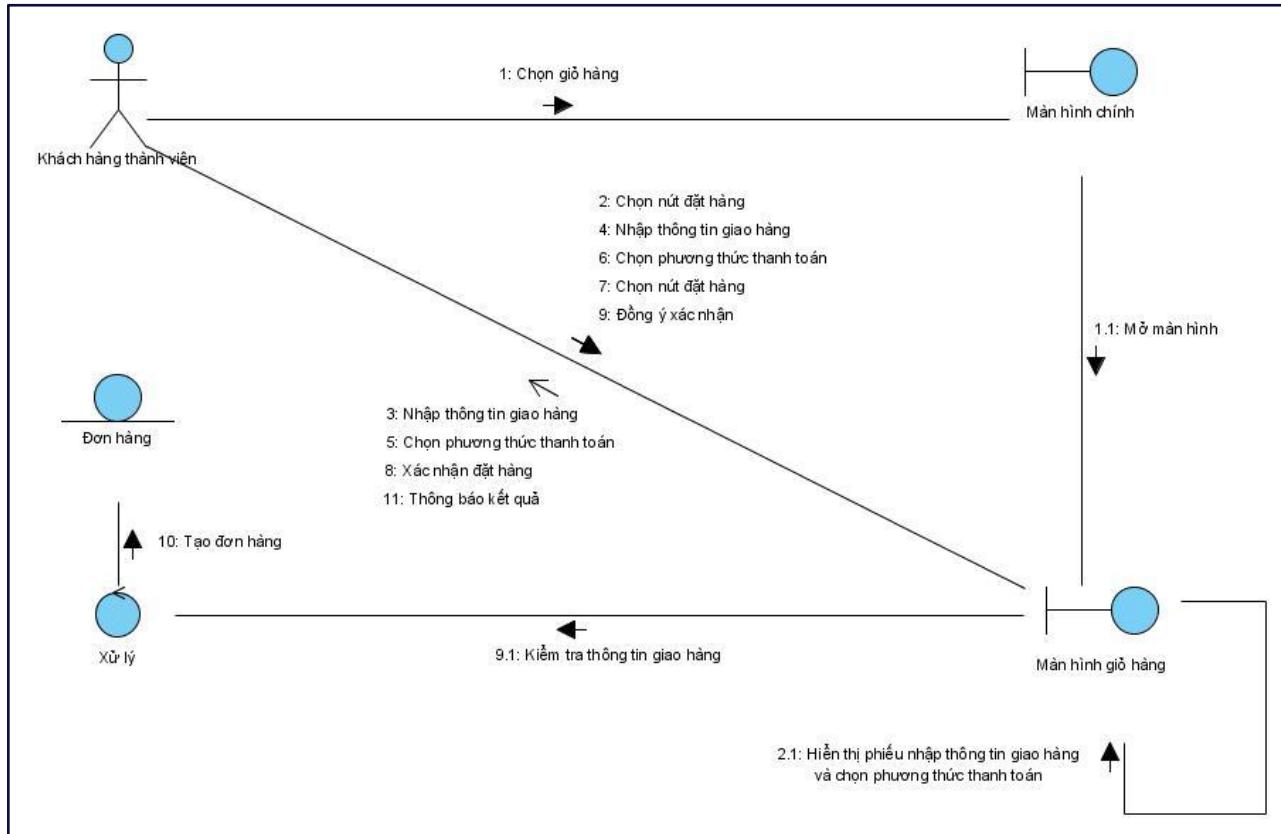
Hình 4.16 Biểu đồ cộng tác Bỏ chặn tài khoản khách hàng

3.6. Thống kê doanh thu



Hình 4.17 Biểu đồ công tác Thống kê doanh thu

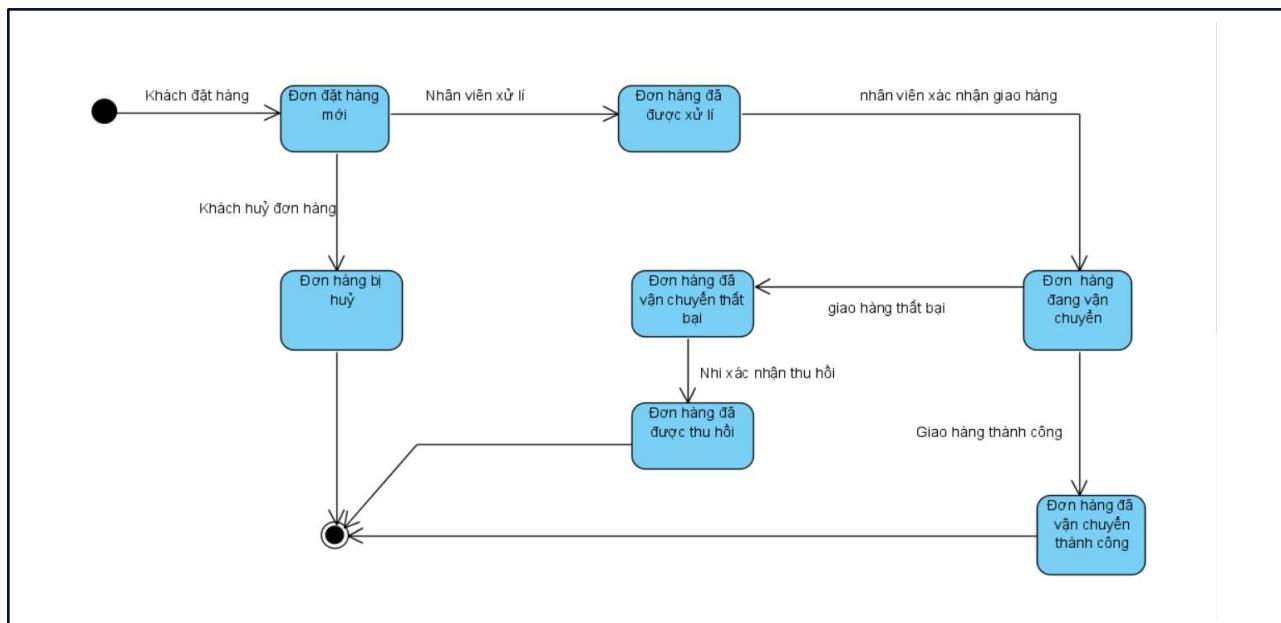
3.7. Đặt hàng



Hình 4.18 Biểu đồ công tác Đặt hàng

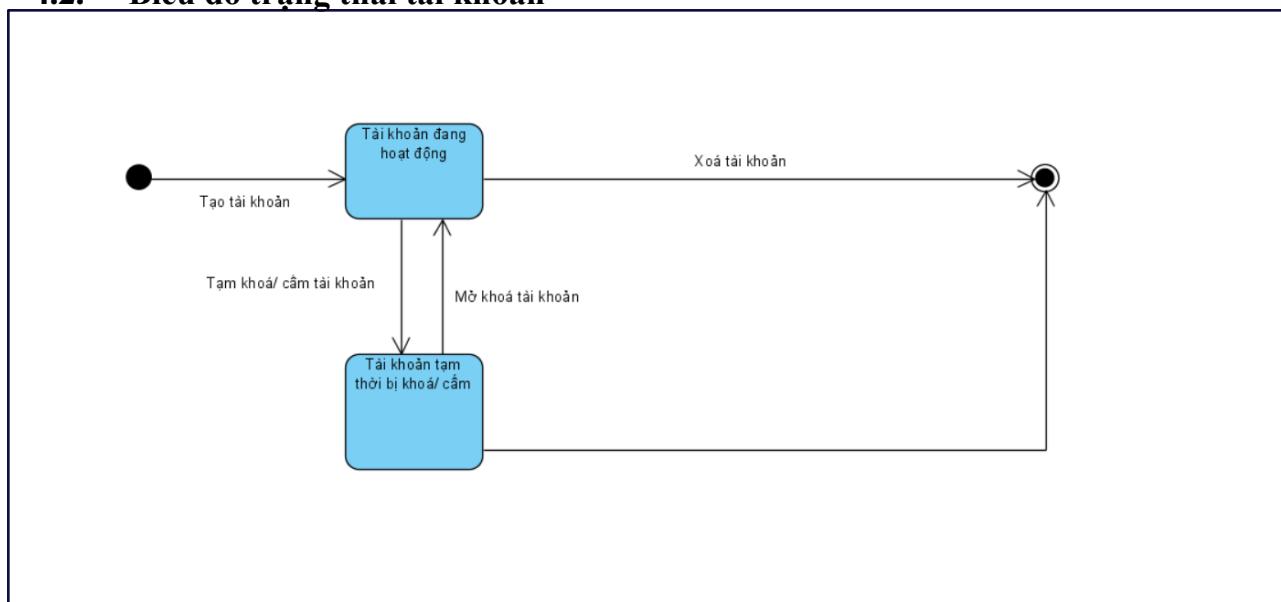
IV. BIỂU ĐỒ TRẠNG THÁI

4.1. Biểu đồ trạng thái đơn đặt hàng



Hình 4.19 Biểu đồ trạng thái đơn đặt hàng

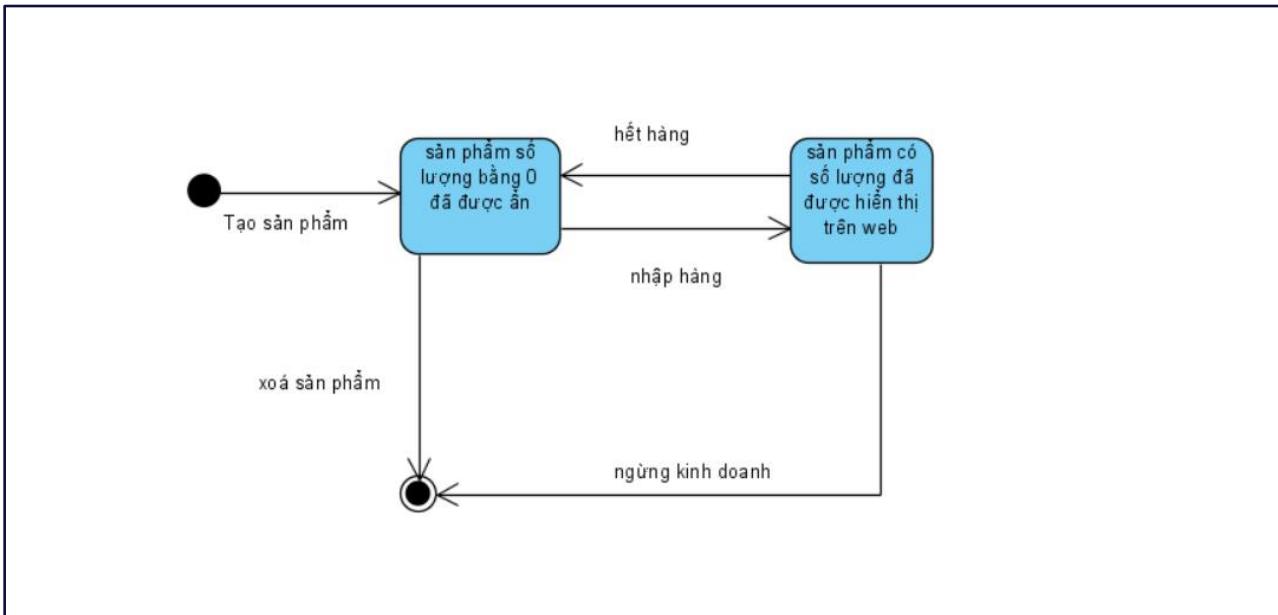
4.2. Biểu đồ trạng thái tài khoản



Hình 4.20 Biểu đồ trạng thái tài khoản

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

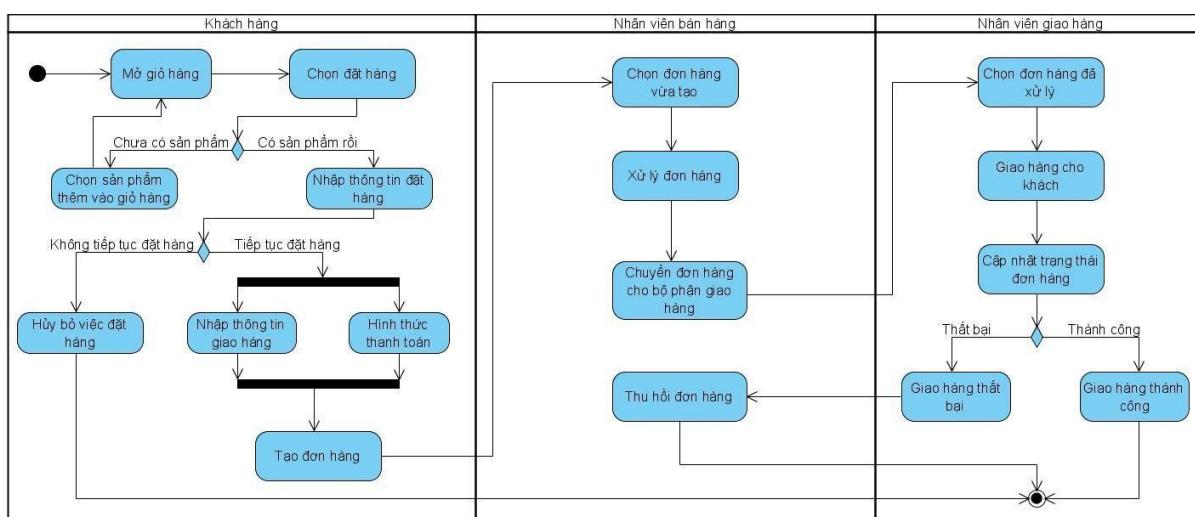
4.3. Biểu đồ trạng thái sản phẩm



Hình 4.21 Biểu đồ trạng thái sản phẩm

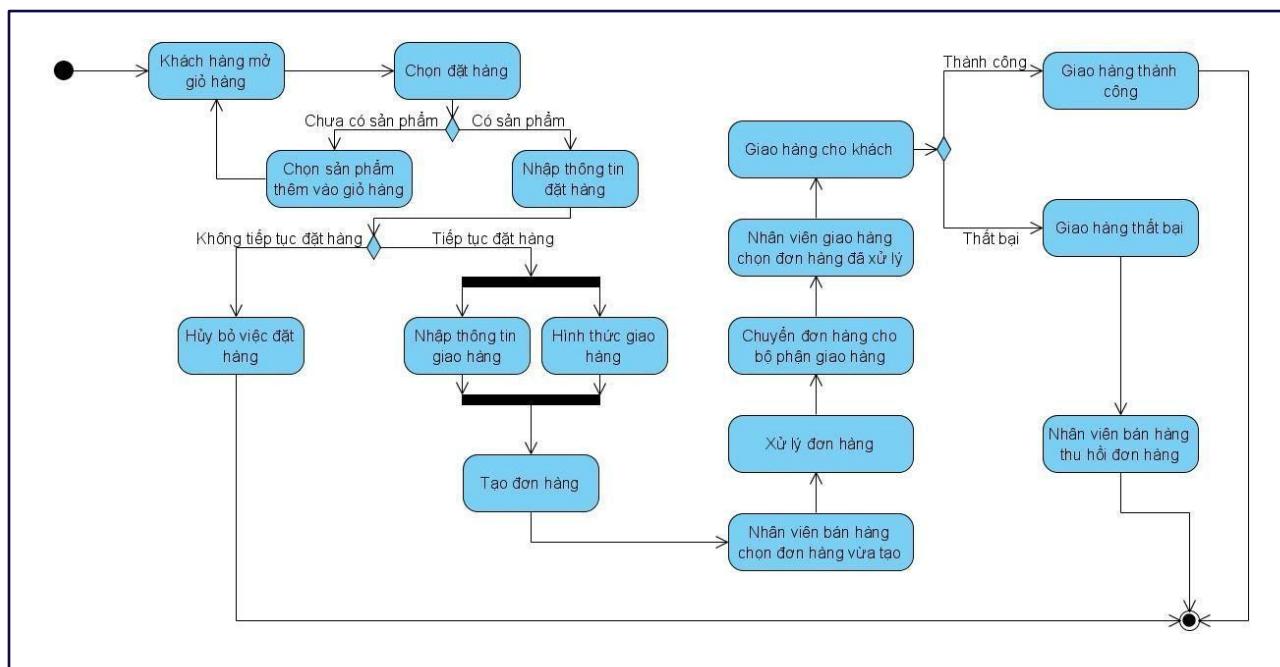
V. BIỂU ĐỒ HOẠT ĐỘNG

5.1. Biểu đồ hoạt động đặt hàng



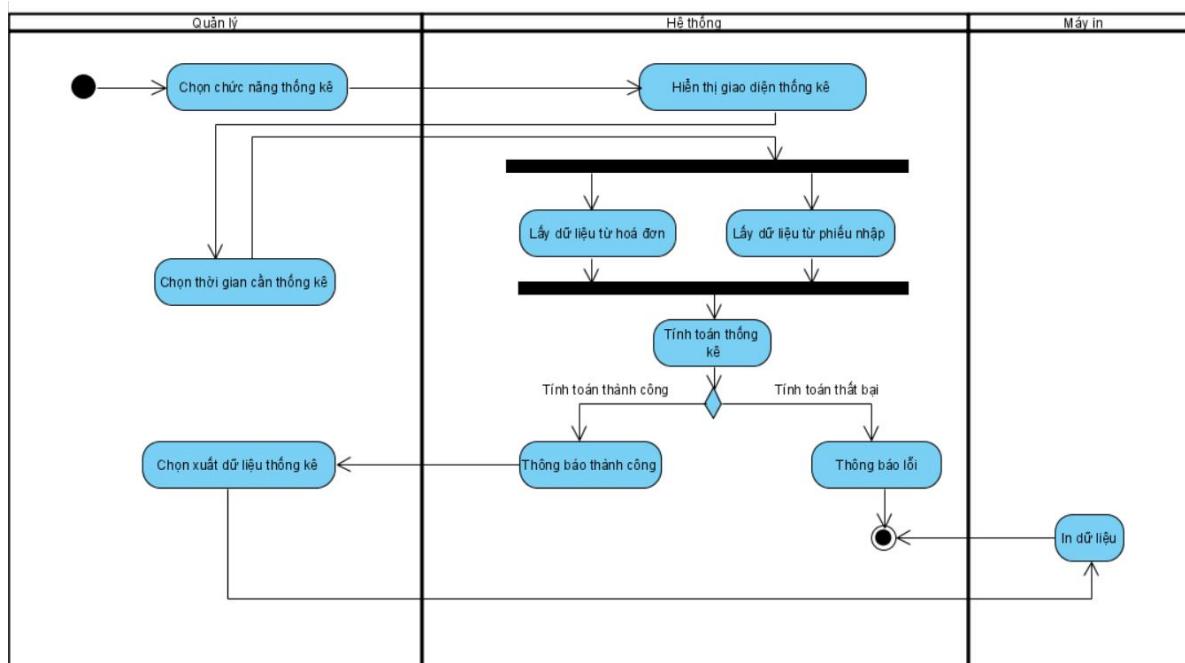
Hình 4.22.1 Biểu đồ hoạt động dạng bảng giao tiếp giữa các tác nhân - đặt hàng

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU



Hình 4.22.2 Biểu đồ hoạt động dạng qui trình thực hiện - đặt hàng

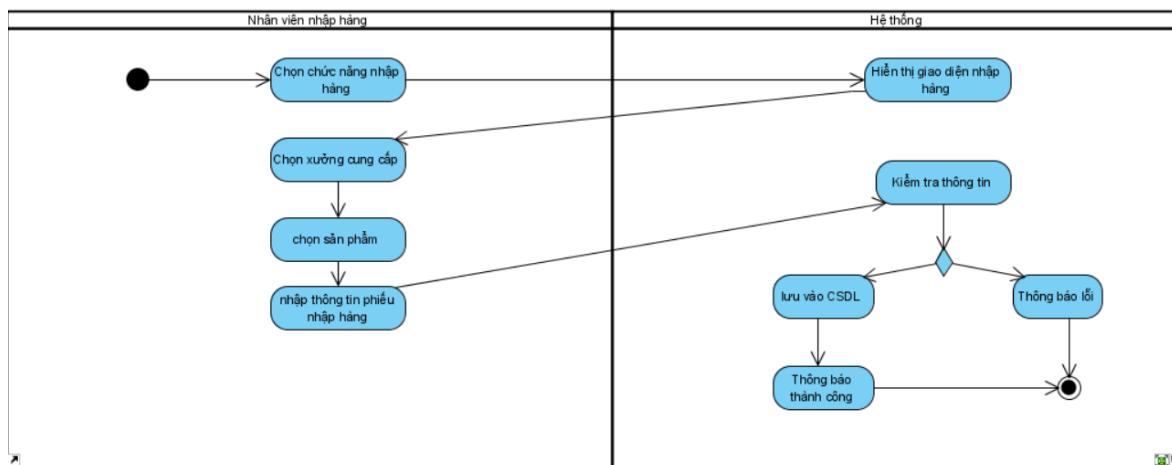
5.2. Biểu đồ hoạt động thống kê



Hình 4.23 Biểu đồ trạng thái thống kê

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

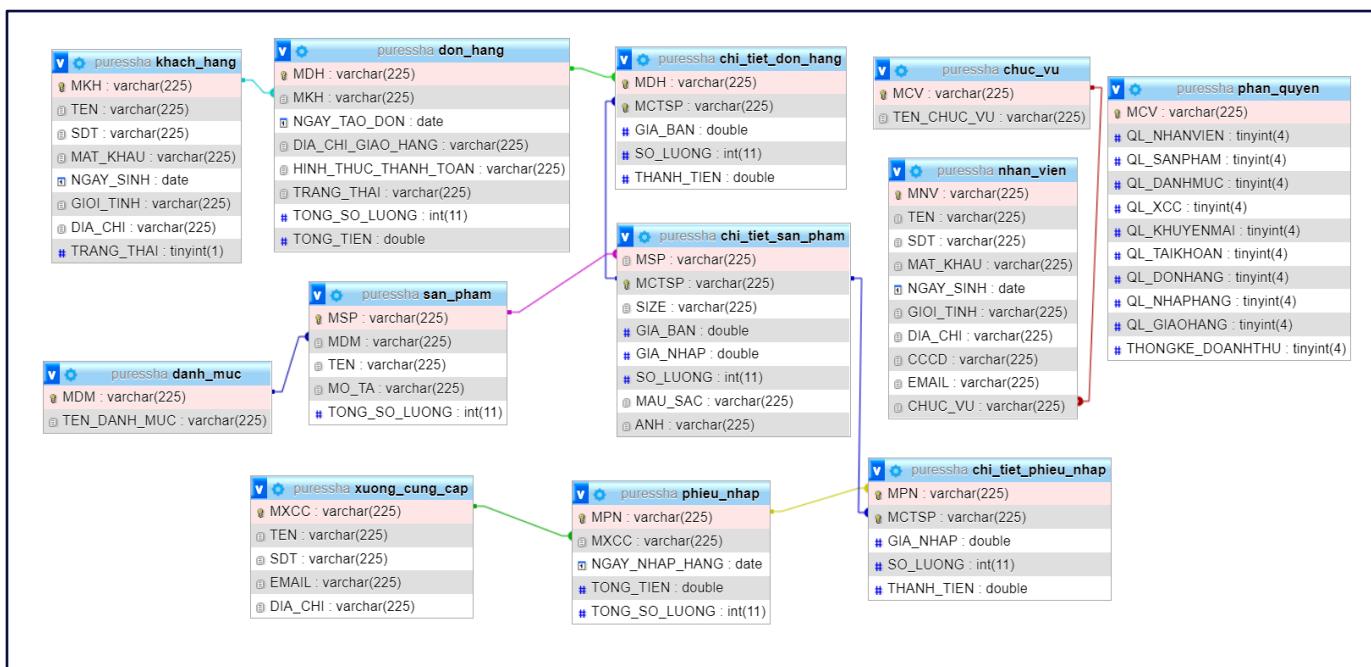
5.3. Biểu đồ hoạt động nhập hàng



Hình 4.24 Biểu đồ trạng thái nhập hàng

VI. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

6.1. Danh sách các bảng



Hình 4.25 Danh sách các bảng

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THÔNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

6.2. Cấu trúc các bảng

6.2.1. Bảng san_pham

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action					
<input type="checkbox"/>	MSP	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	MDM	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	TEN	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	MO_TA	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	TONG_SO_LUONG	int(11)			No								

6.2.2. Bảng chi_tiet_san_pham

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action					
<input type="checkbox"/>	MSP	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	MCTSP	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	SIZE	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	GIA_BAN	double			No								
<input type="checkbox"/>	GIA_NHAP	double			No								
<input type="checkbox"/>	SO_LUONG	int(11)			No								
<input type="checkbox"/>	MAU_SAC	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	ANH	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								

6.2.3. Bảng nhan_vien

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action					
<input type="checkbox"/>	MNV	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	TEN	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	SDT	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	MAT_KHAU	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	NGAY SINH	date			No								
<input type="checkbox"/>	GIOI_TINH	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	DIA_CHI	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	CCCD	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	EMAIL	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	CHUC_VU	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THÔNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

6.2.4. Bảng don_hang

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action
<input type="checkbox"/>	MDH	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	MKH	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	NGAY_TAO_DON	date			No			
<input type="checkbox"/>	DIA_CHI_GIAO_HANG	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	HINH_THUC_THANH_TOAN	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	TRANG_THAI	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	TONG_SO_LUONG	int(11)			No			
<input type="checkbox"/>	TONG_TIEN	double			No			

6.2.5. Bảng chi_tiet_don_hang

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action
<input type="checkbox"/>	MDH	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	MCTSP	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	GIA_BAN	double			No			
<input type="checkbox"/>	SO_LUONG	int(11)			No			
<input type="checkbox"/>	THANH_TIEN	double			No			

6.2.6. Bảng khach_hang

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action
<input type="checkbox"/>	MKH	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	TEN	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	SDT	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	MAT_KHAU	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	NGAY_SINH	date			No			
<input type="checkbox"/>	GIOI_TINH	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	DIA_CHI	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	TRANG_THAI	tinyint(1)			No			

6.2.7. Bảng danh_muc

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action
<input type="checkbox"/>	MDM	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	TEN_DANH_MUC	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

6.2.8. Bảng xuong_cung_cap

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action					
<input type="checkbox"/>	<u>MXCC</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>TEN</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>SDT</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>EMAIL</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>DIA_CHI</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								

6.2.9. Bảng phieu_nhap

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action					
<input type="checkbox"/>	<u>MPN</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>MXCC</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>NGAY_NHAP_HANG</u>	date			No								
<input type="checkbox"/>	<u>TONG_TIEN</u>	double			No								
<input type="checkbox"/>	<u>TONG_SO_LUONG</u>	int(11)			No								

6.2.10. Bảng chi_tiet_phieu_nhap

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action					
<input type="checkbox"/>	<u>MPN</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>MCTSP</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>GIA_NHAP</u>	double			No								
<input type="checkbox"/>	<u>SO_LUONG</u>	int(11)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>THANH_TIEN</u>	double			No								

6.2.11. Bảng phan_quyen

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action					
<input type="checkbox"/>	<u>MCV</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_NHANVIEN</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_SANPHAM</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_DANHMUC</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_XCC</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_KHUYENMAI</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_TAIKHOAN</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_DONHANG</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_NHAPHANG</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>QL_GIAOHANG</u>	tinyint(4)			No								
<input type="checkbox"/>	<u>THONGKE_DOANHTHU</u>	tinyint(4)			No								

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THÔNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

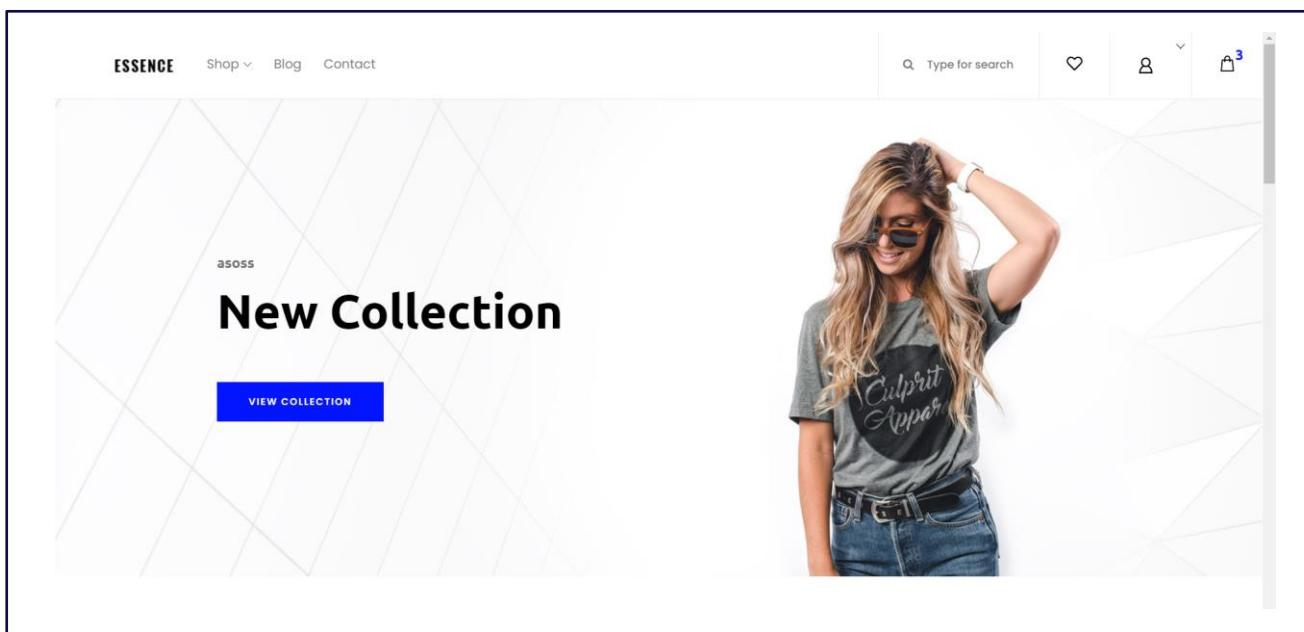
6.2.12. Bảng chuc_vu

	Field	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Extra	Action
<input type="checkbox"/>	<u>MCV</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			
<input type="checkbox"/>	<u>TEN_CHUC_VU</u>	varchar(225)	utf8_unicode_ci		No			

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

VII. THIẾT KẾ GIAO DIỆN

7.1. Giao diện trang chủ



7.2. Giao diện đăng nhập

A screenshot of a login form interface. The title 'Login' is centered at the top in a large, bold, dark blue font. Below the title, the text 'Your Phone:' is followed by a light gray input field containing the placeholder 'Enter your phone'. Below this, the text 'Password:' is followed by another light gray input field containing the placeholder 'Enter password'. At the bottom of the form, there are two teal-colored buttons: 'Login' on the left and 'Register' on the right.

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

7.3. Giao diện quản lý giỏ hàng

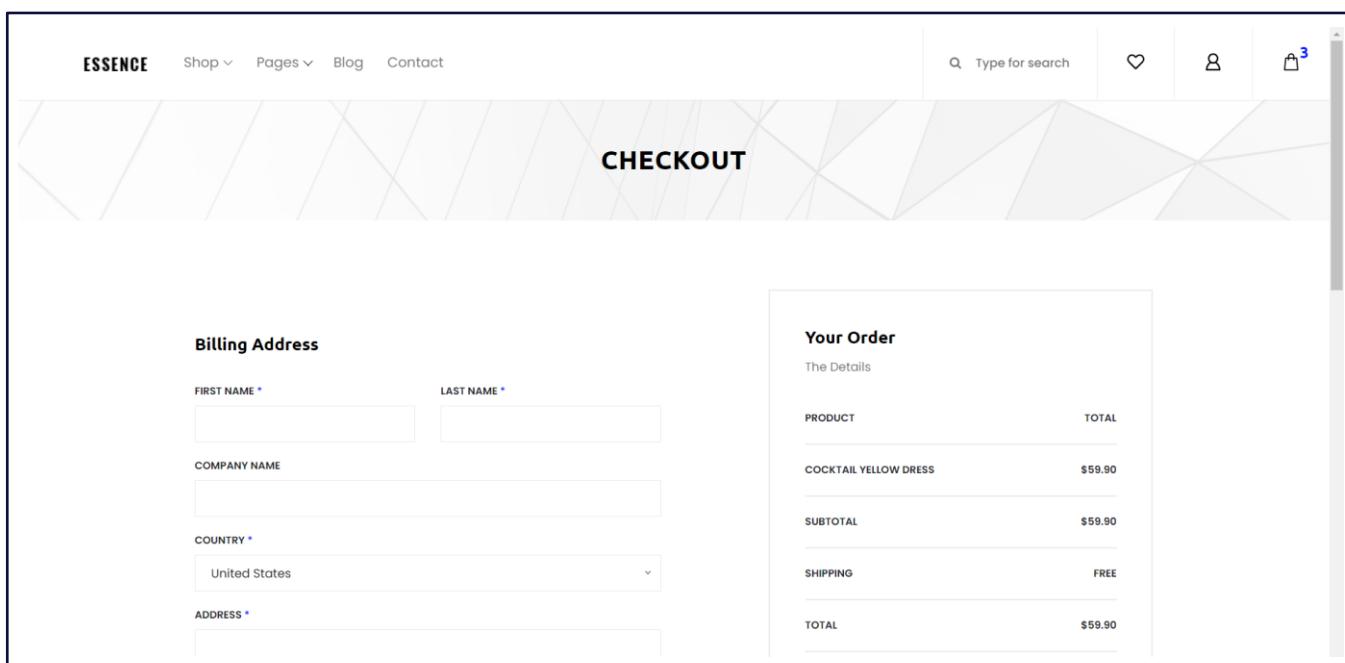
The screenshot shows a mobile application interface for managing a shopping cart. On the left, there is a grid of three items, each showing a thumbnail of a woman wearing a blue dress, the brand 'MANGO', the product name 'Button Through Strap Mini Dress', size 'S', color 'RED', and a price of '\$45.00'. Each item has a delete icon ('X') in the top right corner. A small badge with the number '3' is visible in the top left corner of the grid. On the right, the word 'Summary' is displayed in large bold letters. Below it is a table of purchase details:

SUBTOTAL:	\$274.00
DELIVERY:	FREE
DISCOUNT:	-15%
TOTAL:	\$232.00

A large blue button labeled 'CHECK OUT' is centered at the bottom of the summary section.

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

7.4. Giao diện thanh toán



7.5. Giao diện quản lý đơn hàng

Mã đơn hàng	Mã khách hàng	Ngày tạo đơn	Trạng thái	Tổng tiền	Chi tiết
DH001	KH001	10-12-2021	Chưa xử lý	200.000 VND	Xem
DH002	KH002	13-12-2021	Đã xử lý	300.000 VND	Xem
DH003	KH003	14-12-2021	Đang giao	100.000 VND	Xem
DH004	KH004	11-12-2021	Đã giao	130.000 VND	Xem

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

94

7.6. Giao diện chi tiết đơn hàng

PURESSHA ADMIN

User -

Dashboard

Thống kê

Sản phẩm

Đơn hàng

Nhập hàng

Giao hàng

Danh mục

Khách hàng

Xưởng cung cấp

Nhân viên

Dropdown

Search

Icons

CHI TIẾT ĐƠN HÀNG

Thông tin chi tiết đơn hàng

MÃ ĐƠN HÀNG	DH001
NGÀY TẠO ĐƠN	14-12-2021
ĐỊA CHỈ GIAO HÀNG	273, AN DUONG VUONG, QUAN 5, TP HCM
HÌNH THỨC THANH TOÁN	CASH
TRẠNG THÁI ĐƠN HÀNG	CHƯA XÁC NHẬN
TỔNG SỐ LƯỢNG	10
TỔNG TIỀN	1.250.000 VND

STT	Mã sản phẩm	Hình ảnh	Tên sản phẩm	Size	Màu sắc	Gia bán	Số lượng	Tổng tiền
1	SP001		Product 1	Freesize	Black	150.000	5	750.000

PURESSHA ADMIN

User -

Dashboard

Thống kê

Sản phẩm

Đơn hàng

Nhập hàng

Giao hàng

Danh mục

Khách hàng

Xưởng cung cấp

Nhân viên

Dropdown

Search

TRẠNG THÁI ĐƠN HÀNG	CHƯA XÁC NHẬN
TỔNG SỐ LƯỢNG	10
TỔNG TIỀN	1.250.000 VND

STT	Mã sản phẩm	Hình ảnh	Tên sản phẩm	Size	Màu sắc	Gia bán	Số lượng	Tổng tiền
1	SP001		Product 1	Freesize	Black	150.000	5	750.000
1	SP001		Product 1	Freesize	Red	100.000	5	500.000

Quay lại

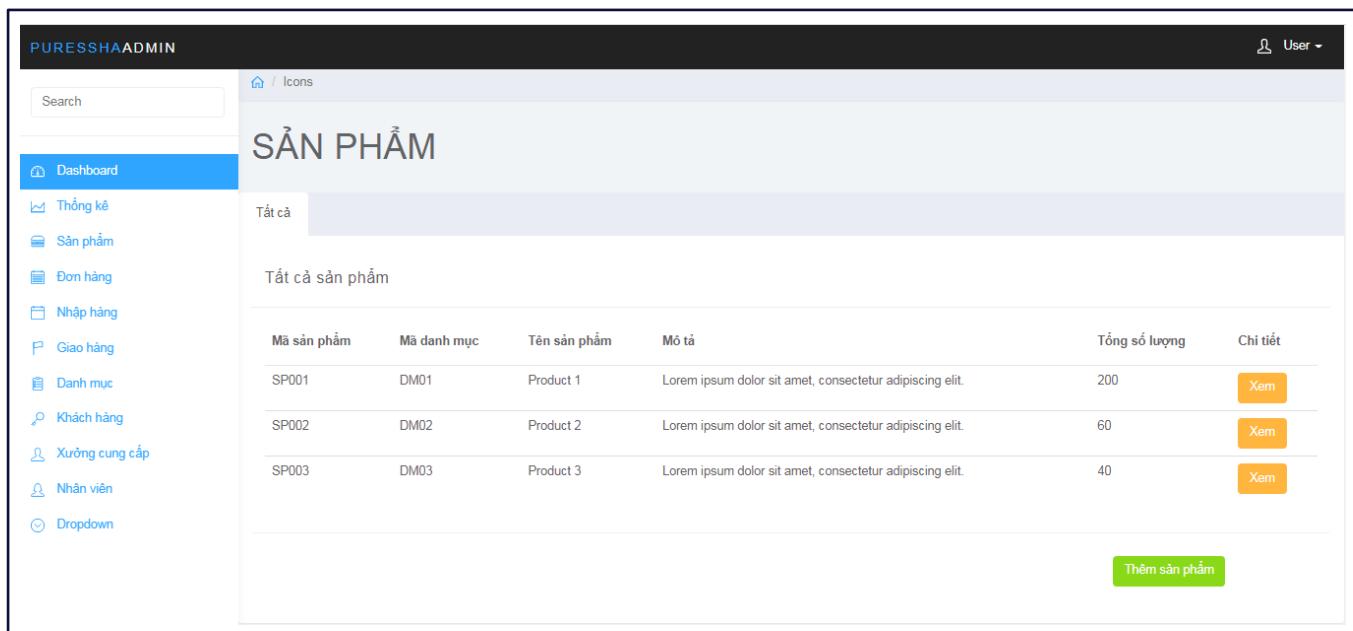
Xác nhận

Hủy đơn

Thu hồi đơn

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

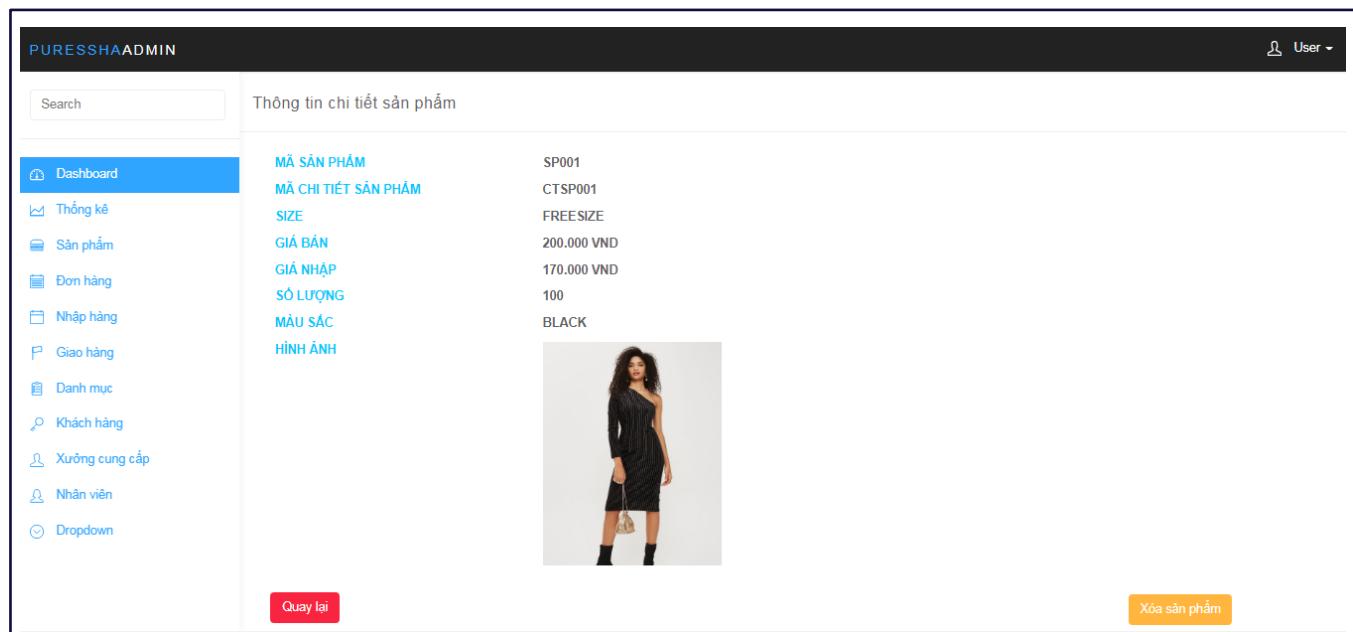
7.7. Giao diện quản lý sản phẩm



The screenshot shows a web-based administration interface for a product management system. The top navigation bar includes the brand name "PURESSHA ADMIN" and a user dropdown. The left sidebar contains a navigation menu with items like Dashboard, Thống kê, Sản phẩm, Đơn hàng, Nhập hàng, Giao hàng, Danh mục, Khách hàng, Xưởng cung cấp, Nhân viên, and Dropdown. The main content area is titled "SẢN PHẨM" and displays a table of products. The table columns are: Mã sản phẩm, Mã danh mục, Tên sản phẩm, Mô tả, Tổng số lượng, and Chi tiết. Three products are listed: Product 1 (SP001, DM01), Product 2 (SP002, DM02), and Product 3 (SP003, DM03). Each product row has an orange "Xem" button. A green "Thêm sản phẩm" button is located at the bottom right of the table.

Mã sản phẩm	Mã danh mục	Tên sản phẩm	Mô tả	Tổng số lượng	Chi tiết
SP001	DM01	Product 1	Lorem ipsum dolor sit amet, consectetur adipiscing elit.	200	<button>Xem</button>
SP002	DM02	Product 2	Lorem ipsum dolor sit amet, consectetur adipiscing elit.	60	<button>Xem</button>
SP003	DM03	Product 3	Lorem ipsum dolor sit amet, consectetur adipiscing elit.	40	<button>Xem</button>

7.8. Giao diện chi tiết sản phẩm



The screenshot shows a detailed view of a specific product. The top navigation bar and sidebar are identical to the previous screenshot. The main content area is titled "Thông tin chi tiết sản phẩm" and displays a table of product details. The table columns are: MÃ SẢN PHẨM, MÃ CHI TIẾT SẢN PHẨM, SIZE, GIÁ BÁN, GIÁ NHẬP, SỐ LƯỢNG, MÀU SẮC, and HÌNH ẢNH. The product details are: SP001, CTSP001, FREESIZE, 200.000 VND, 170.000 VND, 100, BLACK. To the right of the table is a thumbnail image of a woman wearing a black, one-shoulder, ribbed dress. At the bottom of the page are two buttons: a red "Quay lại" button on the left and an orange "Xóa sản phẩm" button on the right.

MÃ SẢN PHẨM	MÃ CHI TIẾT SẢN PHẨM	SIZE	GIÁ BÁN	GIÁ NHẬP	SỐ LƯỢNG	MÀU SẮC	HÌNH ẢNH
SP001	CTSP001	FREESIZE	200.000 VND	170.000 VND	100	BLACK	

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sau khoảng thời gian tìm hiểu, phân tích và nghiên cứu đề tài thì nhóm cũng đã xây dựng gần như hoàn thiện website hỗ trợ cho việc quản lý bán hàng thời trang. Nhóm đã chỉ ra được một số chức năng như sau:

✓ **Phần quản lý**

- Quản lý thông tin nhân viên
- Quản lý thông tin khách hàng thân thiết
- Quản lý thông tin nhà cung cấp
- Quản lý thông tin đơn hàng
- Quản lý thông tin phiếu nhập
- Quản lý thông tin tồn kho
- Quản lý thông tin sản phẩm

✓ **Phần tra cứu**

- Tra cứu danh mục sản phẩm
- Tra cứu thông tin sản phẩm
- Tra cứu thông tin khách hàng
- Tra cứu thông tin nhân viên: thông tin cá nhân, bộ phận làm việc, chức danh, ...
- Tra cứu thông tin nhà cung cấp: tên công ty, địa chỉ, ...
- Tra cứu thông tin phiếu nhập: tên nhà cung cấp, mặt hàng, số lượng, ngày nhập, ...
- Tra cứu đơn đặt hàng: thông tin khách đặt đơn hàng, ngày thanh toán, trạng thái đơn hàng, ...
- Tra cứu thông tin khuyến mãi: tên khuyến mãi, hạng mục thuộc chương trình khuyến mãi, thời gian khuyến mãi, đối tượng áp dụng, ...

✓ **Phần thống kê**

- Thống kê doanh thu: theo tháng, theo quý, theo thời gian cụ thể,...
- Thống kê danh sách sản phẩm bán chạy
- Thống kê số lượng sản phẩm bán được
- Thống kê nhân viên
- Thống kê danh sách khách hàng thực hiện giao dịch trong ngày/tuần/tháng/năm.

Với các tính năng kể trên, phần mềm đã phần nào đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong việc hỗ trợ quản lý bán hàng thời trang online.

II. KHÓ KHĂN GẶP PHẢI

Do thời gian chuẩn bị có phần gấp rút và vốn kiến thức về môn Phân tích thiết kế hướng đối tượng còn hạn hẹp cần được trau dồi hơn nữa vì vậy trong quá trình xây dựng đề tài không tránh khỏi những sai lầm lẩn thiêu sót. Tuy vậy, nhóm em vẫn cố gắng hết sức để mang đến cho quý thầy cô bài báo cáo chính chu nhát. Nhóm chúng em rất mong những lời nhận xét, góp ý quý giá của thầy cô để có thể xây dựng đề tài tốt hơn.

III. HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG TRONG TƯƠNG LAI

Trên cơ sở những phần đã thực hiện, nhóm luôn luôn mong muốn hoàn thiện phần mềm ngày càng tốt hơn, tối ưu hơn. Trong tương lai, một số hướng phát triển của đề tài như:

- Cải thiện phần giao diện đẹp hơn.
- Xây dựng công cụ trợ giúp trên trang web.
- Bổ sung thêm một số chức năng mới để đáp ứng nhu cầu người sử dụng.
- Cải tiến những chức năng cũ trở nên tối ưu hơn.
- Khảo sát thực tế nhằm nâng cao chất lượng phần mềm.

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Phần mềm được đưa vào sử dụng và trở thành phần mềm được lựa chọn rộng rãi và tin cậy

CHƯƠNG 6: TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Minh Tú, Đoàn Trung Thùy Dương. (2019). XÂY DỰNG WEBSITE HỖ TRỢ BÁN SÁCH CHO NHÀ SÁCH THÙY DƯƠNG. Trường Đại học Bình Dương.

[2] Nhóm 6 - Phân tích thiết kế hướng đối tượng. (05-12-2019). *PHÂN TÍCH PHÂN MỀM QUẢN LÝ KINH DOANH CỦA CỬA HÀNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG*. Trường Đại học Sài Gòn.

[3] Nhóm 6 - Phân tích thiết kế hướng đối tượng. (2020). *THIẾT KẾ WEBSITE BÁN HÀNG NỘI THẤT*. Trường Đại học Sài Gòn.

--HẾT--